

GEORGES

SIMENON

HỒ SƠ MỘT ĐIẾP VIÊN

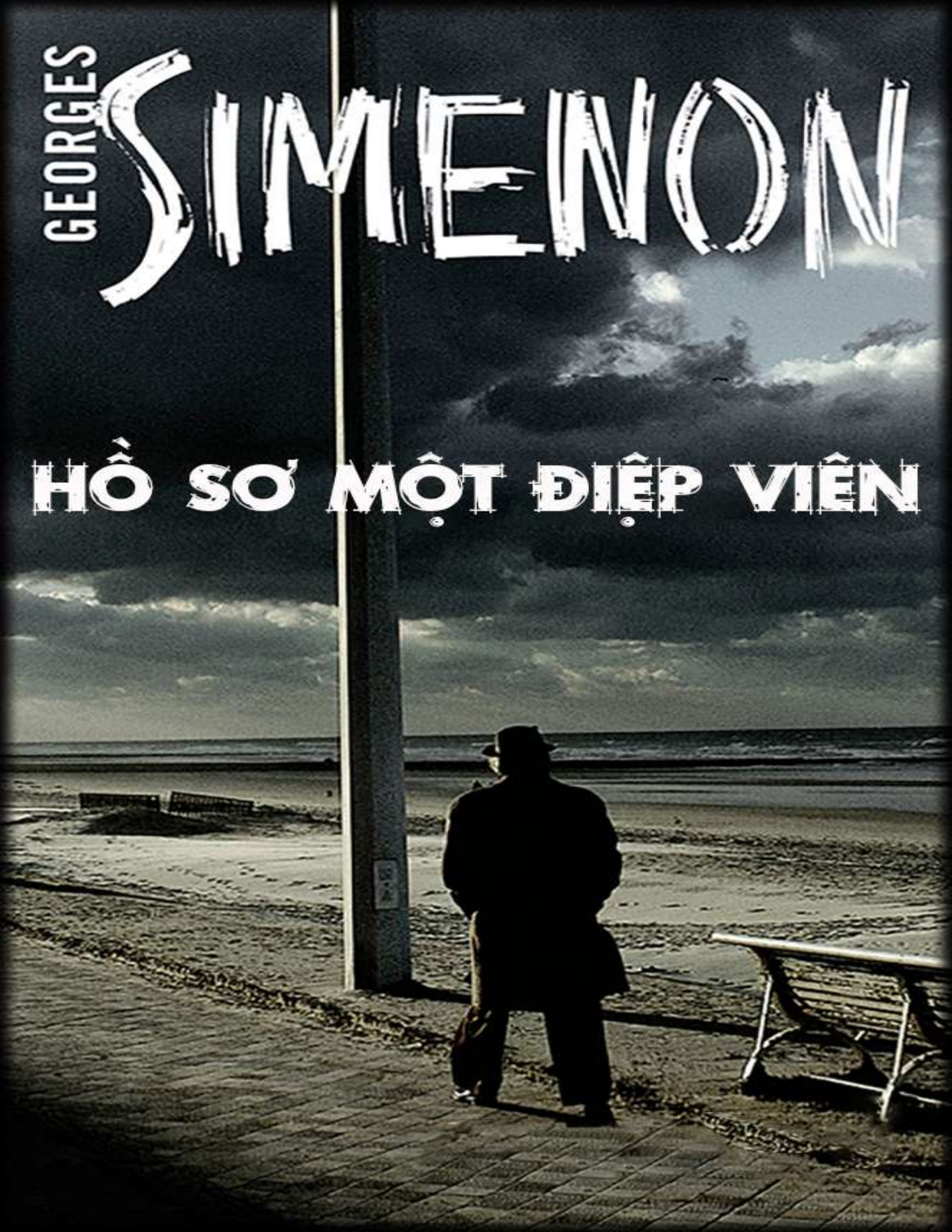


Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

CHÚ THÍCH



GEORGES SIMENON

HỒ SƠ MỘT ĐIỆP VIÊN

Trần Bình *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

LỜI GIỚI THIỆU

Georges Simenon (1903-1989) trong cuộc đời sáng tác của mình đã từng xuất bản đến hơn 400 tác phẩm và được coi là “nhà chế tạo tiểu thuyết” tài danh. Thậm chí có người còn ví ông với Balzac và cho rằng trong tác phẩm của cả hai nhà văn đều miêu tả rất chi tiết diện mạo nước Pháp. Đọc tác phẩm của Balzac sẽ thấu hiểu diện mạo chân thực của xã hội nước Pháp nửa đầu thế kỷ XIX, còn khi đọc tiểu thuyết của Georges Simenon sẽ hiểu khá tường tận tình hình xã hội nước Pháp nửa đầu thế kỷ XX.

Thật vậy, trong mỗi tác phẩm của Georges Simenon dù là tiểu thuyết trinh thám hay tâm lý xã hội đều phản ánh rất chân thực cuộc sống với đủ mọi hạng người trong xã hội.

Trong *Hồ Sơ Một Điệp Viên* đã thể hiện rất rõ những thế mạnh của Georges Simenon. Tác giả đưa người đọc vào thế giới của những người già cô đơn, nghèo khổ trong một khu phố cũ kỹ của nước Pháp hoa lệ. Bắt đầu từ cái chết bí ẩn của ông già Bouvet đơn độc, dần dần sự kiện được hé mở khi cảnh sát tiến hành điều tra về thân thế của ông. Thực ra ông là ai? Là ông chủ hãng khai thác mỏ, con trai ông chủ hãng dệt len, tên tội phạm giết người hay là một tên phát xít? Mỗi số phận mỗi con người lại có những mối quan hệ riêng với những cách sống hoàn toàn khác nhau tạo nên một xã hội thu nhỏ khá phức tạp. Có thể nói mặc dù cũng có vụ án, có điều tra song *Hồ Sơ Một Điệp Viên* không có tính hồi hộp, căng thẳng đến nghẹt thở như trong các truyện trinh thám mà nghiêng về tính chất tâm lý xã hội nhiều hơn.

Nhà xuất bản Công an nhân dân trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Chiếc xe tưỡi đường đi qua với cái chổi của nó rít lên như khuấy nước trên mặt đường trải nhựa; một nửa đường như đã bị sơn màu đen...

Một ông già mặc chiếc áo veston màu sáng gần như trắng, đội trên đầu một chiếc mũ rơm, trông giống dân thuộc địa.

Mọi vật, vật nào ở vào chỗ ấy, trông giống như một sân khấu. Những tháp chuông của nhà thờ Notre Dame cao vút xung quanh có một quầng hơi nóng, nơi có những con chim sẻ mà người ta không nhìn thấy nhưng nghe được những tiếng gọi nhau râm ran của chúng. Một con tàu kéo một đoàn xà lan với lá cờ trắng và vàng hạ thấp cột cờ xuống để chào hoặc chui qua cầu Saint Louis.

Ánh nắng mặt trời như một chất dầu lỏng lánh đổ xuống những ngọn sóng trên sông Seine, xuống mặt nước phun xuống đường của chiếc xe tưỡi đường và xuống những tấm đá bảng lợp những mái nhà trên đảo Saint Louis. Một bức tranh mà những cảnh vật của nó được vẽ bằng màu tím với những chiếc xe taxi màu đỏ và những chiếc xe buýt màu xanh.

Một làn gió nhẹ làm vòm lá những cây dẻ xáo động với những tiếng xào xạc, một hơi thở mát dịu làm cho những bức tranh treo bán của các quán sách cũ bay lên phần phật.

Những người ở rất xa từ bốn phương trời tới đây để sống trong giây phút này. Những chiếc xe ca du lịch đậu ở sân trước nhà thờ Notre Dame, và một người nhỏ bé đang nói trước một chiếc loa tăng âm.

Đứng gần một ông già là một bà bán sách cũ to béo vận đồ đen, một sinh viên người Mỹ đang nhìn vũ trụ qua ống kính của chiếc máy ảnh Leika của mình.

Paris mênh mông và yên tĩnh gần như là lặng ngắt với những chùm ánh sáng, bóng của những cảnh vật ở nơi này, nơi khác và những tiếng ồn khó

chịu nổi lên trong chốc lát.

Ông già mặc áo veston màu sáng đang mở một hộp bìa cứng đựng tranh ảnh đặt trên lan can bằng đá bên bờ sông để xem.

Anh sinh viên người Mỹ mặc áo kẻ ô vuông màu đỏ không có áo veston bên ngoài.

Bà bán sách cũ ngồi trên một chiếc ghế gấp đang nói chuyện liến thoắng với ông khách mà không nhìn ông. Bà đang đan áo, sợi len đỏ luồn qua kẽ tay bà.

Và khi mọi vật, vật nào vẫn ở nguyên chỗ ấy, thì ông già chết không kịp nói lấy một lời, không kêu rên, không run rẩy trong khi mắt đang xem tranh ảnh, tai đang nghe bà bán hàng nói chuyện, những con chim sẻ ríu ríu, những chiếc xe taxi bóp còi khi đi ngang đường.

Hắn là ông già đã chết đứng, tì tay vào lan can, không có điều gì ngạc nhiên trong cặp mắt xanh. Ông lão đảo rồi ngã vật xuống vỉa hè làm rơi hộp bìa cứng, tranh ảnh rải rác quanh người.

Người phụ nữ vội đặt cuộn len màu đỏ xuống rồi đứng lên la lớn:

— Ông Bouvet!

Còn có những người bán sách cũ khác, người thì đang ngồi trên ghế gấp, người thì đang lúi húi xếp lại những cuốn sách vì lúc ấy mới mười giờ rưỡi sáng. Người ta biết giờ giấc khi nhìn hai chiếc kim đen trên mặt chiếc đồng hồ lớn treo ở giữa cầu.

— Ông Hamelin! Lại đây nhanh lên!

Đó là người chủ một quán sách cũ ở cạnh đó, người có bộ ria rậm và mặc một chiếc áo blouse màu xám. Người sinh viên có chiếc máy ảnh Leika đã chụp được ông già nằm giữa những tấm ảnh của tỉnh Epinal^[1].

— Ông Hamelin, tôi không dám động vào ông cụ. Ông tới xem sao...

Thật là lạ lùng khi bỗng nhiên họ sợ ông già, người mà họ biết rất rõ từ lâu đã như là người thân của họ. Chuyện đó có lẽ vì ông già không có gì là vẻ của người chết, kể cả người đang đau ốm nữa. Mắt ông vẫn bình thản và khi xem ảnh thì đôi môi mỏng của ông vẫn mỉm cười. Ông không cười to mà chỉ nhếch mép. Người ta nhận ra ông ở màu da trắng, một màu da trắng

ngà như loại giấy hảo hạng.

Một chiếc taxi đỗ lại, người lái xe nhìn mà không rời khỏi ghế ngồi. Không biết từ lúc nào ba bốn người nữa đến vây quanh người vừa nằm xuống.

— Có một cửa hàng thuốc ở gần đây.

— Hãy khiêng ông cụ lên.

— Như vậy có nguy hiểm cho ông già không?

Những người ấy ở đâu ra?

Đó là chàng trai người Mỹ vác ông Bouvet lên vai và cả nhóm người đi sang bên kia đường nơi có ông dược sĩ đang đứng trước cửa hiệu nhìn họ.

— Có chuyện gì vậy?

Một nhân viên cảnh sát trẻ tuổi hỏi tốp người. Những bắp thịt của anh nổi lên trong bộ đồng phục, anh có vẻ là một lực sĩ.

— Một ông già vừa bị ngã xỉu...

Trong lúc người ta đưa ông Bouvet vào cửa hiệu thuốc mát mẻ thì một bé trai năm lấy tay mẹ hỏi bằng một giọng the thé:

— Mẹ ơi, ông cụ chết rồi ư?

Bà bán sách cũ, bà Poncet, sáu mươi năm tuổi, ra đứng trước mọi người.

— Tôi đã gọi điện thoại cho xe cấp cứu của thành phố - Một trung sĩ cảnh sát nói.

— Không cần thiết, ông già ở cách đây vài bước chân thôi.

— Bà biết ông cụ, phải không?

— Đã nhiều năm rồi. Đó là ông Bouvet, một khách hàng tốt. Ông ấy sống trong một ngôi nhà to, sơn trắng, có một cửa hiệu bán nhạc cụ ở tầng dưới, ở gần bến Toumelle.

Gần nhưng cũng phải đi ba trăm mét.

— Để tôi đi gọi đây nói.

Ông dược sĩ cố nhớ lại những qui tắc trong khi trả lời người cảnh sát.

— Ông ấy chết rồi ư?

— Vâng.

— Ông ấy là người độc thân ư?

— Đúng thế.

— Ông đã làm những gì?

— Tôi không làm gì cả. Đây là cửa hàng thuốc.

Anh thanh niên người Mỹ đã bỏ đi. Chỉ còn năm sáu người đứng trên vỉa hè tò mò nhìn vào trong nhà nơi xác người được đặt trên sàn nhà.

Xe cấp cứu tới rất nhanh. Người ta đặt ông Bouvet lên một chiếc cáng trong khi chiếc xe tước đường đã đi đến đầu phố, góc phố Poissy.

Đó là ngôi nhà được xây dựng cách đây gần hai thế kỷ, nhưng cứ mười năm được sơn lại một lần. Một phần ba cửa giả được gài chặt vì một số người thuê nhà đi nghỉ và những cửa sổ khác chỉ được mở vào mùa hè. Cảnh cửa bên phải đi vào phòng chờ có những ô kính màu xanh và đỏ xen vào các ô màu trắng và từ đây tỏa ra mùi bếp núc. Bà gác cổng đang ở trên thang gác không có thảm trải nhưng các bậc thang gỗ kiểu cũ thì nhẵn bóng do dùng nhiều.

— Bà gác cổng!

— Có việc gì vậy?

— Cảnh sát đây!

Bà ta cầu nhàu trong khi đi xuống, lau tay vào chiếc tạp dề kẻ ô vuông, hất mớ tóc ở sau gáy lên.

— Có việc gì, ông cảnh sát?

Cùng lúc ấy bà nhìn thấy xe cấp cứu đậu trước cửa.

— Ai vậy?

— Một ông già.

— Ông Bouvet ư? Ông ấy ốm ư? Bị tai nạn ư?

— Ông cụ chết rồi.

Bà đi vào trong nhà nói với ai đó đang đứng ở bên ngoài người ta không nhìn thấy.

— Ông Herdinand, dậy nhanh lên, ông Bouvet chết rồi.

— Có ai ở cùng nhà với ông ấy không?

Người cảnh sát hỏi, tay nhăm nhăm cầm cuốn sổ và chiếc bút chì nhưng chưa viết chữ nào.

— Không có ai cả, ông ấy sống một mình.

— Bà có biết địa chỉ gia đình của ông ta không?

— Gia đình nào?

Bà gác cổng không khóc. Mắt bà chỉ long lanh ướt và người ta thấy bà đang bị xáo động mạnh.

— Câu chuyện xảy ra thế nào?

— Ở ngoài hiên. Trong khi ông ta đang xem những tấm ảnh.

— Phải mang ông ấy lên phòng thôi.

— Ai sẽ chăm sóc ông ấy?

— Ông nói gì?

Bất chợt bà hiểu ra có rất nhiều việc phải làm với người đã chết hơn là đối với người đang sống.

— Chúng tôi...Tôi... - Bà gác cổng lắp bắp.

— Bà tin chắc rằng ông ta không có ai là người thân à?

— Đặt ông ấy lên giường. Khoan đã, để tôi thay khăn trải nệm.

— Tôi cho rằng chúng ta phải đợi bác sĩ tới.

Một người nào đó nói:

— Lại quấy rầy người chết lần nữa.

Những nhân viên của xe cấp cứu ra về. Người cảnh sát ở lại mà không biết mình phải làm gì.

— Ông còn đợi ai?

— Đồn cảnh sát.

— Ông cảnh sát trưởng ư?

— Có thể.

Căn hộ của bà Sardot ở phía bên kia hành lang và bà Sardot phải chạy qua chạy lại vì còn phải trông hai con nhỏ.

Có nên mở cửa sổ để nhìn thấy cảnh sống náo nhiệt của Paris không? Người ta nhìn thấy đảo Saint Louis phía trước mặt và một con tàu đang kéo chiếc xà lan đi Charenton. Người cảnh sát không dám hút thuốc lá và người chồng của bà gác cổng đứng chờ dẫn trong phòng. Ông ta là người gác đêm của xưởng sửa chữa ô tô trên phố Saint Antoine và là người thường mắc chứng động kinh.

— Tốt hơn cả là ông đi ngủ lại đi. Không hiểu tại sao tôi lại đánh thức

ông dậy.

Khi người chồng xuống thang, bà nói theo:

— Tôi cấm ông đi uống rượu ở cửa hàng bên cạnh đấy! Ông nghe rõ chứ?

Ông thường lợi dụng cơ hội. Khi ông thức thì người vợ phải trông nom ông như một đứa trẻ. Việc này không dễ dàng gì trong khi bà có năm tầng lầu phải dọn dẹp, quét tước.

— Ông cảnh sát trưởng đang tới.

Người cảnh sát báo tin sau khi nhìn ra cửa sổ.

Ít có ngôi nhà nào trật tự, vệ sinh như ở đây. Trông nó giống như nơi ở của các nhà tu hành hoặc như trong một bức tranh cổ. Tường quét sơn màu sữa rất dịu mắt với một vài bức họa màu sắc sỡ. Phòng ngủ chỉ có một chiếc giường bằng gỗ sồi và một chiếc tủ lớn kiểu Louis XVI. Một ngăn bếp nhỏ và một phòng vệ sinh trông ra sân.

Còn phòng chính được lát gạch men màu đỏ sẫm, có ba cửa sổ bố trí theo chiều dọc tường trông ra sông Seine. Nền nhà ngày xưa chia làm hai phần cao thấp khác nhau nên có một vài bậc lên xuống. Một chiếc ghế bành bọc nhung màu vàng và một chiếc khác bằng vải dày. Trên hai chiếc bàn dài chất đồng những hộp bằng bìa cứng đựng tranh ảnh và một chiếc bàn một chân dùng để ăn uống khi ông Bouvet dùng bữa ở nhà.

— Tôi đánh cuộc rằng ông nhà tôi đang đi kể chuyện này theo cách của ông ấy với ông cảnh sát trưởng đấy.

Bà gác cổng sốt ruột nói vì không thấy ai lên cầu thang cả.

— Cũng có thể là ông cảnh sát trưởng đang hỏi chuyện chồng bà.

Cuối cùng thì ông này cũng lên tới nơi. Ông lấy khăn lau mặt vì trời bắt đầu oi bức.

— Nếu tôi hiểu đúng thì ở đây đã có một người chết đột tử trên hè phố, đúng không?

— Vâng, thưa ông cảnh sát trưởng.

— Không có gia đình ư?

— Tôi không biết. - Bà gác cổng trả lời.

— Ông bác sĩ sẽ tới để xác nhận việc này. Ông ta chết thật rồi ư?

Ông nhìn bộ mặt thân nhiên của ông Bouvet.

— Bà có biết ông ta có tiền không?

— Chắc chắn là có để đủ sống.

— Tôi cho rằng phải niêm phong căn hộ này lại. Phải chờ những người thừa kế.

— Tôi không nghe thấy ông ấy nói gì về những người này.

— Bà biết ông ta từ hồi nào?

— Ông ấy thuê căn hộ này từ trước chiến tranh, từ hồi 1936.

— Ông ta vẫn sống ở đây từ bấy đến nay ư?

Viên cảnh sát trưởng máy móc mở một hộp bìa cũ và ông ngạc nhiên khi nhìn thấy đây toàn là ảnh của tỉnh ly Epinal. Ảnh thuộc loại của những người bán hàng rong ngày xưa ở nông thôn.

— Trong chiến tranh thì ông ấy rời khỏi đây.

— A! Bà có biết ông ta đi đâu không?

— Ra vùng tự do. Hình như ở nông thôn thì phải. Bọn Đức đã đến đây nhiều lần hỏi tôi về ông ấy và lục tung căn hộ lên.

— Ông ta là người Do Thái ư?

— Tôi không biết. Có vẻ không phải như vậy.

— Bà có biết ông ta xếp giấy tờ ở đâu không?

Có một chiếc tủ chè nhỏ đặt giữa hai cửa sổ, các ngăn kéo không khoá. Trong này cũng có nhiều tranh ảnh về vùng Epinal với khuôn khổ khác nhau. Không có một giấy tờ hành chính cũng như một lá thư nào.

— Ông ấy sống rất đơn giản và có nền nếp. Chính tôi giúp việc nội trợ cho ông ấy.

— Trung sĩ, anh xem trong túi ông ta có chiếc ví nào không?

Người này nhăn mặt nhưng phải làm theo lệnh. Anh ta lấy từ trong túi người chết ra một chiếc ví trong đó có vài trăm francs và một thẻ chứng minh: *René Bouvet sinh ở Wimille, Pas de Calais ngày mười lăm, tháng 12, năm 1873.*

Một chiếc ô tô đậu sát vỉa hè và ông Ferdinand ra đón ông bác sĩ vừa xuống xe.

Ở bên kia hành lang, bà Sardot để hé cửa và người ta ngửi thấy mùi

thơm của tôi đang phi.

Ông bác sĩ và ông cảnh sát trưởng cùng độ tuổi với nhau, từ bốn mươi năm đến năm mươi.

— Ông thế nào?

— Còn ông?

— Ở đây đã xảy ra chuyện gì?

— Ông ấy vừa chết cách đây nửa tiếng đồng hồ ở ngoài bến tàu trong khi đang xem những tấm ảnh.

Ông bác sĩ mở chiếc túi da và đứng lại một lúc trong khi đó thì ông cảnh sát trưởng hỏi chuyện tiếp bà gác cổng.

— Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu những người thừa kế không xuất hiện. Ông ta sống bằng trợ cấp xã hội, đúng không?

— Ông ấy không bao giờ nói đến chuyện này.

— Ông ta thường nhận được thư báo chứ?

— Không có cả một tờ quảng cáo nữa.

— Báo và tạp chí thì sao?

— Ông ấy tự mua ở ngoài quán.

— Nguồn sống của ông ta là gì?

— Chắc chắn là có. Ông ấy không quá tần tiện nhưng ông không thiếu một thứ gì cả.

— Ông ta dùng bữa ở đâu?

— Ở ngay đây thôi. Ông ấy thích nấu ăn. Có một ngăn bếp nhỏ sau cánh cửa này, trong đó có một chiếc bếp ga. Trước kia ông ấy dùng bữa trong một khách sạn trên đảo Saint Louis.

Ông bác sĩ quay lại với vẻ hoàn toàn tin chắc.

— Tôi sẽ ký giấy cho morgue thi.

— Tim ư?

— Tôi muốn hỏi ai là người đã chăm sóc ông ta?

Bà gác cổng lần lượt nhìn từng người.

— Chúng tôi.

— Bà ư?

— Tôi và những người sống trong ngôi nhà này. Mọi người đều yêu quý

ông ấy. Khi ông ấy muốn đi nghỉ thì mọi người thu xếp giúp.

— Thế còn tiền nong thì sao?

— Ông ấy dùng những thứ có trong ví của mình.

— Tôi cho rằng bà không nên bắn khoản nhiều. Khi tin này được đăng trên báo thì những người trong gia đình ông ta sẽ tới thôi.

Bà gác cổng nhún vai tỏ vẻ không tin vào ý kiến ấy.

— Bà có thể lấy những thứ cần thiết trong tủ ra vì tôi sẽ niêm phong tất cả.

Ông bác sĩ ra về. Ông cảnh sát trưởng ngập ngừng khi cho những tấm ảnh vùng Epinal vào hộp giấy để đóng dấu niêm phong, nhưng sau đó ông cho rằng không cần thiết.

— Chiều nay hoặc sáng mai tôi sẽ cử một người tới đây để nói với bà những việc cần làm.

○○○

Lúc này là giờ ăn trưa. Các quán ăn của Paris sặc mùi rượu hời. Người ta vẫn nhìn thấy những bóng người rất nhỏ trên các gác chuông của nhà thờ Notre Dame và những chiếc xe ca trên sân nhà thờ.

Chàng trai người Mỹ ra khỏi khoang thang máy đi vào các hành lang của một toà báo buổi chiều. Người ta chỉ anh hết cửa này đến cửa khác mà không hiểu anh muốn nói gì. Nhưng có một người đã xem tấm ảnh anh ta đưa ra.

— A! Anh đấy ư? Người ta sẽ ký cho anh một giấy nhận tiền. Anh đi theo tôi.

Tại một lầu khác, trong số rất nhiều hành lang. Phiếu nhận một trăm francs tại một phòng ở tầng trệt đầy rác rưởi.

○○○

Đây không phải là lần đầu tiên mà bà Léliard, bà gác cổng, mà mọi người đều gọi là bà Jeanne, tẩm tấp cho một xác chết.

Bà người nhỏ nhắn nhưng ông Bouvet không to lớn lắm. Bà Sardot cho

đưa con trai đi chơi và thỉnh thoảng nhìn nó qua cửa sổ.

— Vào nhà xác, nhưng còn tiền nữa chứ!

Những dấu đỏ trên tờ giấy niêm phong trên đồ đạc đối với bà như một sự nhục mạ. Bà lên tận lầu năm để nói với ông Francis không chơi đàn phong cầm trong hôm nay. Đó là một người đàn ông trẻ tuổi tóc nâu, có giáo dục, rất dễ mến là thành viên trong một nhóm nhạc công trong một vũ trường.

— Ông có muốn xuống nhìn ông ấy không? Ông ấy rất sạch sẽ. Trông như người đang ngủ ấy.

Người nhạc sĩ đi xuống một lúc để làm vui lòng bà gác cổng. Sau đó người ta đưa cho con trai bà Sardot một cái chai để nó đi xin nước thánh trong một nhà thờ gần nhất. Nó đã mười một tuổi, thích làm những việc mà người lớn sai bảo. Còn hoàng dương thì bà Jeanne đã có một nhánh để trên đầu giường và bà mang lên.

— Như thế này có tốt hơn nhà xác không? Chiều nay tôi sẽ lập một danh sách.

Đây là một tập quán: khi một người thuê nhà qua đời thì mỗi chủ hộ đóng góp một số tiền để mua một vòng hoa. Những người bán sách cũ ở ngoài bến cũng xin được góp tiền vì ông Bouvet là khách hàng và bỏ ra nhiều giờ trong ngày để nói chuyện với họ.

— Tôi hy vọng là không có con mẹ làm bộ làm tịch nào, hoặc một người nào đó thuộc loại ấy muốn tổ chức tang lễ theo ý thích của họ.

Bà Jeanne đã đề nghị để bà Ohrel miễn đi đưa tang vì chân bà này đang bị phù thũng.

— Người ta sẽ để bà ngồi trên ghế bành đặt trước cửa sổ, như vậy bà có thể theo dõi đám tang được.

Những người thuê nhà tạm hoãn chuyến đi nghỉ của mình, những người đã đi được gọi trở về và ngay lập tức. Tất cả đã sẵn sàng, căn phòng được quét dọn sạch sẽ, một tấm khăn trắng được phủ lên mặt chiếc bàn một chân, trên đó sẽ có một bát nước thánh, một nhánh hoàng dương giữa hai cây nến sẽ thắp theo nghi lễ.

Ảnh của người qua đời được in trên báo không phải trên số phát hành vào lúc một giờ rưỡi hoặc ba giờ chiều mà ngay lập tức, và vì nó rất đẹp

nên người ta đăng nó trên trang nhất: Ông Bouvet nằm trên vỉa hè, một tay gập lại, và xung quanh ông là những tấm ảnh của thành phố Epinal rất nét, nhìn vào là người ta có thể biết ngay.

— Bà đã xem báo chưa, bà Jeanne?

Một người hỏi bà gác cổng.

— Người chụp ảnh là người tốt bụng, đã chụp ông ấy khi vừa tắt thở, có thể là chưa chết hẳn, đúng không?

Ông René Bouvet, một ông già ham sách như mọi người trên bến cảng đều biết đã đột ngột từ trần khi ông đang xem những tấm ảnh. Ở một góc tấm ảnh người ta còn nhận ra chiếc váy của bà bán sách và cả cuộn len của bà ta nữa.

○○○

Năm giờ chiều, bầu không khí trở nên nặng nề, và lá cờ ở trước đồn cảnh sát xây bằng đá màu xám ở Poissy như đang ủ rũ. Một chiếc xe taxi màu xanh đỗ lại. Người cảnh sát đứng gác thấy một bà đứng tuổi, mặt có vẻ bối rối, xuống xe.

— Tôi muốn gặp ông cảnh sát trưởng.

Người gác để bà ta đi qua. Anh ta biết viên cảnh sát trưởng vừa đi ra, nhưng cái đó chẳng liên quan gì đến anh cả. Nhiều người ngồi trên những chiếc ghế dài đặt sát vào tường trên đó có những bản thông báo.

— Yêu cầu anh báo tin cho ông cảnh sát trưởng.

Bà ta ăn mặc sang trọng, mang những đồ trang sức trên cổ, trên tai, trên những ngón tay, nhưng người cảnh sát lại nhìn vào cuốn sổ.

— Ông cảnh sát trưởng hiện không ở đây.

— Ai thay thế ông ta?

— Người thư ký. Anh ấy đang bận. Mời bà ngồi.

Bà ta không ngồi vì những người ở đây sạch sẽ một cách đáng ngờ vực. Bà ta đứng, đập ngón tay vào chiếc quầy ngăn cách những người ngồi chờ với người trung sĩ cảnh sát. Bà ta sốt ruột đợi nửa tiếng đồng hồ khiến những người ngồi chờ cảm thấy thích thú vì đây là một phụ nữ đã đứng tuổi

nhưng lại đom đóm.

— Có việc gì, thưa bà?

— Ông là thư ký ư? Tôi có thể nói riêng với ông được không?

Anh ta ngập ngừng rồi đưa khách sang một văn phòng bên có đồ bày biện trên lò sưởi bằng đá cẩm thạch màu đen.

— Tôi nghe bà đây.

— Tôi là Mary Marsh.

Bà ta nói lơ lơ giọng người nước ngoài và người thư ký chỉ biết cúi đầu chào.

— Tôi nghe bà đây.

Anh ta nhắc lại và chỉ tay vào một chiếc ghế.

Bà ta đưa cho anh tờ báo có in ảnh ông Bouvet trên trang nhất.

— Chưa, tôi chưa xem báo.

— Tên người này không phải là Bouvet.

Người thư ký yên lặng như anh ta đang nghĩ một việc khác.

— Thế ư?

— Đó là chồng tôi, Samuel Marsh, làm nghề khai thác mỏ ở Ouagi.

Anh ta vẫn như đang nghĩ đến chuyện khác.

— Tôi vẫn nghe bà. Bà nói đây là chồng bà. Và bà muốn gì?

— Ông ấy chưa bao giờ có cái tên Bouvet.

— Bà tin chắc rằng mình không nhầm đấy chứ? Ảnh đăng trên báo thường ít chính xác.

— Tôi tin chắc, nhưng tôi chỉ có thể khẳng định được khi nhìn thấy mặt ông ấy.

— Tóm lại bà muốn nhận diện người qua đời ư?

— Tôi muốn nói trước để tránh sự nhầm lẫn sau này. Nếu người ấy có một cái sẹo hình ngôi sao ở bắp chân bên phải thì chính là chồng tôi.

— Bà không gặp ông nhà đã lâu chưa?

— Lần cuối cùng là vào năm 1932...

— Ở Paris ư?

— Ở Congo thuộc Bỉ.

— Ông bà đã chia tay nhau ư?

— Giữa chúng tôi không có sự chia tay nào cả. Ông ấy đã mất tích, không để lại một dấu vết nào dù nhỏ và từ đấy tôi sạt nghiệp cho các luật sư trong việc đòi được thừa nhận những quyền lợi của tôi.

Người thư ký thở dài rồi mở một cánh cửa sang phòng bên, gọi một viên thanh tra vận thường phục.

— Anh dẫn bà này đi. Tôi sẽ cho anh địa chỉ. Đó là ở bến Toumelle. Anh sẽ tìm số nhà trong báo cáo. Tìm một ông già vừa qua đời sáng nay.

Anh ta nhấn mạnh chữ “ông già” nhưng người phụ nữ không mấy chú ý.

— Tôi sẽ trở về ngay - Viên thanh tra nói - Xin bà đi với tôi. Cách đây không xa lắm.

— Tôi có xe taxi đang đợi trước cửa.

— Tốt rồi.

Anh ta mặc áo và đội mũ.

— Tới bến cảng Toumelle!

Họ đến ngôi nhà sơn trắng, màu trắng đã xin đi nên ánh nắng mặt trời không làm cho nó chói chang lên chút nào.

— Tôi tin chắc đây là ông ấy! - Bà Marsh nói - Hai người cùng ở một thành phố trong một thời gian dài mà không gặp nhau, thế có kỳ lạ không? Tôi tìm ông ấy khắp nơi mà không thấy. Nếu ông biết chỉ một nửa số tiền của tôi đã bỏ ra để...

Viên thanh tra chỉ đợi ra khỏi xe để hút điếu thuốc lá.

Người đàn bà ngấm ngôi nhà từ dưới lên trên sau đó vội vàng xuống xe để đi vào trong nhà nhưng phải dừng lại chờ cho một bà to béo đi theo chiều ngược lại vượt qua đã.

Người phụ nữ vận đồ đen, một loại bà già có vẻ nghèo khổ mà bà thường gặp trên đường phố. Bà ta có mớ tóc trắng, mặt đầy đặn.

Thoạt tiên bà Marsh không chú ý, nhưng một dự cảm khiến bà ta quay lại nhìn người đàn bà nghèo khổ đang đi trên vỉa hè như một bóng ma.

— Ai vậy?

— Tôi không biết, thưa bà. Tôi không ở vùng này - Người thanh tra cảnh sát trả lời.

Bà gác cổng từ trong nhà đi ra với cặp mắt nghi ngờ.

— Bà đi đâu và hỏi ai?

— Về câu chuyện người vừa qua đời - Người cảnh sát nói - Bà đây nói người có ảnh đăng trên báo là chồng bà.

Có thể nói có những tia lửa hắt ra trong những con mắt của hai người phụ nữ.

— Chắc chắn là bà đã nhầm.

— Còn tôi, tôi tin chắc là mình không nhầm.

— Xin mời các vị đi theo tôi.

Bà Jeanne gầy gò đi lên cầu thang trước, chiếc cầu thang mà bà đi lên, đi xuống không biết bao nhiêu lần trong ngày hôm nay. Thình thoảng bà quay lại nhìn bà khách tới thăm với vẻ thách đố.

— Tôi có đi nhanh quá không?

Cả ba người đều thở hổn hển khi lên tới lầu ba.

— Khoan đã, để tôi đi thả nển.

Từ sáng nay bà luôn luôn có một bao diêm trong túi chiếc tạp dề, và người ta đã gắn hai cây nến phía cuối giường làm cho căn phòng trở thành phòng tang lễ.

— Xin mời vào.

Mũi của ông Bouvet đã xẹp lại và bộ mặt đã hốc hác hơn, da đã trắng muốt và một nụ cười mơ hồ còn phảng phất trên đôi môi, như khi người ta mang ông đến cửa hiệu thuốc.

Bà Marsh không nói gì, bà có vẻ choáng váng vì cái cảnh tranh tối tranh sáng, vì hai cây nến và nhánh hoàng dương. Bà ta cầm lấy tay người cảnh sát và vỗ vào khoảng không một dấu gạch chéo.

— Thế nào? - Viên thanh tra hỏi.

Bà ta ngập ngừng.

— Tôi tin chắc đây là ông ấy - Bà ta nói một cách không mấy chắc chắn.

Bà ta vội vàng nói thêm:

— Hãy nhìn bắp chân phải của ông ấy. Xem có ngôi sao không...

Trong lúc đụng vào chiếc khăn trải giường, viên thanh tra cảm thấy khó chịu với bầu không khí ở đây, với sự có mặt của hai người phụ nữ mới quen biết nay đã là những kẻ thù hung ác của anh.

— Bà có thể mở cửa sổ ra được không?

Và bà gác cổng trả lời với vẻ coi thường bà Marsh.

— Tôi thấy cái đó là không tế nhị với người chết lắm.

Anh ta mở một công tắc điện nhưng trong phòng cũng không sáng sủa hơn trong khi đó ngọn lửa của những cây nến vẫn nhảy múa. Viên thanh tra đã ba chục tuổi, có một con gái ba tuổi và người vợ sắp sinh đứa tiếp theo; có thể là anh phải gọi điện thoại về đồn báo cáo về công việc ở đây.

Chính bà gác cổng là người nóng nảy nhất trong hai bà. Bà ta đi qua mặt bà khách tới bên người cảnh sát.

Có phải vì người chết đang mặc một áo sơ mi trong nhà màu trắng hoặc một áo smoking không? Khi vén ống quần người chết lên, viên cảnh sát nhận ra tuy vóc người nhỏ bé nhưng ông Bouvet có những bắp thịt nổi rõ.

— Ông ấy có một vết sẹo phía dưới đầu gối - Anh tuyên bố.

— Ông nói gì? Vết sẹo hình ngôi sao ư?

Đây chỉ là danh từ. Đây là vết sẹo có nhiều nhánh. Bà gác cổng không nói gì, bà đắp điểm lại cho người qua đời và tắt ngọn đèn điện.

— Cần phải có giấy tờ nữa - Bà Marsh nói trong khi đi vào phòng khách lơ mờ sáng.

Bà Jeanne vội vàng đi theo.

— Không được động chạm vào các đồ vật đã được niêm phong.

— Ai niêm phong? Tại sao lại niêm phong? Đây là chồng tôi. Chúng tôi không ly hôn. Ngược lại...

Người phụ nữ gầy gò kia bực mình, tắt nến rồi quét dọn căn phòng trước

mặt viên cảnh sát và bà khách. Khi ra ngoài hành lang, thấy cửa phòng của bà Sardot khép hờ, bà gác cổng nói to:

— Dù sao lúc này trên giấy tờ chỉ có ông Bouvet thôi.

Vài phút sau, bà Jeanne lại quay lên lầu ba một lần nữa, lần này bà gặp một người thuê nhà ở trên lầu bốn làm việc trong ngành bưu điện.

— Tôi làm bốn phận của mình. Tôi hy vọng không ai quấy rầy chúng ta nữa.

Thật là ngạc nhiên khi đi ra ngoài thấy ánh mặt trời ảm áp.

— Ông cho rằng tôi có thể gặp ông cảnh sát trưởng vào lúc nào?

— Lúc này thì chắc chắn là không thể được, thưa bà.

— Tôi sẽ đến gặp người luật sư của tôi.

— Tùy bà thôi.

Chiếc xe taxi lăn bánh và viên thanh tra đi về phố Poissy.

Trong các quán rượu trên Đại lộ Saint Michel, và có thể là ở khắp Paris, tràn ngập những kẻ lười biếng và mùi bia chua loét đầu độc bầu không khí. Trên nhiều đường phố, nhựa trải đường bắt đầu bị nóng chảy còn in hằn những vết bánh xe.

Bản danh sách trong phòng bà Jeanne dày đặc tên người và những con số. Bà đã gặp những người bán sách cũ, những người bán đĩa nhạc ở gần nhất.

— Tôi thu xếp tốt nhất trong mức độ có thể. Họ đang muốn mang ông Bouvet đến nhà xác. Ngày mai họ sẽ tới.

Trước khi bà Marsh tới đây, bà gác cổng còn gặp một phụ nữ khác. Không phải là một cuộc thăm viếng thực sự. Đây là một bà to béo đi lượn lờ trước cửa, vẻ ngật ngưỡng với tờ báo và bó hoa tím trên tay.

Ông Ferdinand đã uống rượu như vợ ông đã cảnh cáo trước, lúc này đang ngủ với đầy đủ quần áo trên một gác xép nồng nặc mùi rượu vang loại tồi.

Qua ô cửa kính nhỏ, bà Jeanne lại nhìn thấy người phụ nữ to béo quay trở lại. Lần này bà ta đến trước cửa, không nói năng gì, dáng vẻ như một kẻ hành khất.

— Bà hỏi ai?

— Tôi xin lỗi. Tôi được tin...

Bà ta cười gượng. Vì tự ti nên bà ta muốn thân hình mình nhỏ bớt lại. Bà Jeanne mở cửa phòng mình đi ra.

— Bà biết ông Bouvet ư?

Bà nhìn người khách với cặp mắt có thiện cảm hơn trong khi người này nhìn lên cầu thang.

— Tôi cho rằng tôi biết ông ấy.

— Trước kia bà đã gặp ông Bouvet ư?

— Vâng. Ông ấy có đau đớn trước khi ra đi không?

— Không. Ông ấy không biết mình sẽ ra đi nữa.

— Tôi mang đến một bó hoa.

— Bà có muốn lên nhìn ông ấy lần cuối không?

— Cái đó rất khó khăn với tôi vì chân tôi bị đau.

Bà ta đi đôi giày nhung màu đen, qua đôi bít tất người ta thấy những đường gân nổi rõ và các mắt cá chân sưng tấy.

— Tôi sẽ mang hoa lên. Tôi có thể nói với bà là hình như trước khi qua đời, ông ấy đang mỉm cười nữa. Lần cuối cùng bà gặp ông ấy cách đây đã lâu chưa?

Bà khách có trả lời không? Không mấy chắc chắn. Môi và tay bà ta như đang cầu kinh và lặn tràng hạt ấy. Bà ta thấy một chiếc taxi đi tới.

— Bây giờ tôi phải đi đây.

— Hãy quay lại gặp tôi. Không ngại ngần gì cả.

Đây cũng là người mà bà Marsh gặp khi xuống xe.

○○○

Lúc này thì bà Marsh đã tới căn hộ của người luật sư của mình tên là Rigal trên Đại lộ Haussmann. Từ ngoài trời nắng bà đi vào bóng râm của một cái cổng, rồi vào thang máy, bấm chuông một cánh cửa để ngỏ, bên trong đã có những chiếc vali chất đống.

— Ông Rigal còn ở nhà chứ?

Cô người hầu có vẻ ngần ngại. Thấy lưng của một người đàn ông trong

một phòng kế bên, bà Marsh bước vào.

— Tôi rất sung sướng khi thấy ông chưa đi.

— Một tiếng đồng hồ nữa tôi phải có mặt trên chuyến xe lửa đi Arcachon.

— Trước hết tôi phải nói với ông đã. Tôi đã tìm thấy chồng tôi.

Người vợ của ông luật sư đứng sau cánh cửa nghe thấy câu chuyện biết rằng người chồng không đi nghỉ hè nữa bèn quay vào với đàn con.

○○○

Mặt trời lặn sau khi hắt ra những tia lửa đỏ chiếu sáng mặt của những người qua đường. Bóng cây ngày càng đậm đặc hơn. Người ta nghe thấy nước trên sông Seine đang chảy. Tiếng động vang đi rất xa, và những người đã đi nằm, như mọi đêm khác, cảm thấy đất rung lên mỗi khi có một chiếc xe tải chạy qua.

Đã bốn lần bà Jeanne lên căn hộ khép kín, yên lặng của ông Bouvet. Mỗi lần bà đều cảm thấy cùng một sự hài lòng ấy, vì bà tin chắc rằng ông già muốn như vậy. Sáng mai bà sẽ quét dọn nhà cửa và lau các ô cửa kính sơn đỏ. Ngay lúc ấy bà mở một cánh cửa sổ.

Bà là người hướng dẫn những người thuê nhà vào viếng người chết, nhưng ông già nhỏ bé kia không sang đường nên bà không thể hỏi được ông ta muốn gì.

Lúc chín giờ tối bà gặp ông ta lần đầu tiên. Ông ta ở bên kia đường, tựa lưng vào lan can bờ sông và nhìn ngôi nhà. Ông ta cũng nhỏ bé như ông Bouvet nhưng vai rộng hơn và bộ râu màu vàng nhạt, mắt đỏ hoe, đội một chiếc mũ đã cũ nát như là đã nhặt được trên hè phố. Trông ông ta giống một kẻ lang thang. Chắc hẳn là như vậy. Người ta thường thấy những người như ông ta ngủ trong những túp lều gần Quảng trường Maubert.

Nhưng không ngẫu nhiên mà ông ta tới đây. Trong túi ông ta có một tờ báo đã nhàu nát mà mắt không rời khung cửa sổ trên lầu ba.

Bà gác cổng đi ra trước cửa mong được hỏi chuyện ông già ấy. Bà nhìn thẳng vào mặt ông ta với vẻ chờ đợi, nhưng ông ta lại quay lại nhìn những

chiếc xà lan đang lơ lững trên sông.

Việc thăm viếng của người đàn bà to béo làm bà gác cổng có đôi chút bận tâm. Không giống kiểu bận tâm như đối với bà Marsh. Bà Marsh đã như là một kẻ thù cần phải đề phòng. Còn bà to béo thì có vẻ biết rõ ông Bouvet, hơn nữa bà ấy rất khiêm tốn, luôn sợ người khác hiểu nhầm mình.

Ông già lang thang này cũng vậy. Ông ta đợi bà gác cổng đi vào thì quay lại và lại nhìn lên ô cửa sổ. Lúc này trời tối đen, trên bầu trời bắt đầu có những vì sao sáng lấp lánh.

Ông Ferdinand, chồng bà, đã đi làm. Bà nhìn ra bên ngoài thấy ông già bỏ đi một cách luyến tiếc, đôi lúc ngoái cổ lại nhìn về phía ngôi nhà.

Bà buông rèm, vặn nhỏ đèn, thay quần áo và chải lại đầu. Trước khi ngủ, bà lại vén rèm, nhìn ra bên ngoài một lần nữa. Mặt trăng chiếu sáng không gian như ban ngày, làm nổi bật quang cảnh nhà thờ Notre Dame. Ông già lại đang ngồi trên lan can, một chai rượu trên tay, bên cạnh là một tờ báo đựng thức ăn.

Bà không đủ can đảm để mặc thêm quần áo và ra hỏi xem ông ta muốn gì. Mọi người thuê nhà đều đã trở về, trừ Francis, người chơi đàn phong cầm. Đèn tắt dần từng bóng một. Trên đường phố đã ít xe cộ hơn, bà Jeanne tắt đèn và đi ngủ. Bà chỉ thức giấc vào lúc ba giờ sáng để mở cửa cho người nhạc công đang chào bà.

Hôm sau khi mặt trời vừa ló lên ở mạn Charenton thì ông Ferdinand đi làm về, mắt sưng húp, tay cầm một chiếc hộp sắt tây đựng suất ăn của mình.

Bà Jeanne kéo những thùng rác ra vỉa hè, báo tin cho người bán sữa, rồi lên trên lầu nhìn qua ông Bouvet trên môi còn phảng phất một nụ cười.

Mười giờ sáng, một chiếc tắc xi đưa bà Marsh đến Đại lộ Haussmann để đón luật sư Rigal.

— Đến Sở Cảnh sát!

Từ đây tới đó rất gần. Từ xa người ta đã nhìn thấy ngôi nhà trắng.

Luật sư Rigal là một nhân vật quan trọng.

— Chúng ta đã có cuộc hẹn với ông Giám đốc Sở Cảnh sát.

Người ta yêu cầu họ đợi một lát. Bà Marsh vận đồ đen từ đầu đến chân

nhưng bà vẫn mang đồ nữ trang và xúc rất nhiều nước hoa.

— Xin mời luật sư. Xin mời bà. Xin mời các vị ngồi.

Các cửa sổ quay về phía sông Seine đều được mở to. Trên cầu Saint Michel có những hình bóng rất nhỏ của khách bộ hành đi lại như trong những cuốn phim sản xuất năm 1910.

— Thân chủ của tôi, bà Marsh, vừa tìm thấy người chồng đã mất tích hai chục năm nay.

— Xin có lời chúc mừng, thưa bà.

— Nhưng ông ấy đã qua đời.

Ông Giám đốc ra một cử chỉ lấy làm tiếc.

— Ông ấy chết dưới một cái tên khác, do đó chúng tôi đến gặp ông, ông Giám đốc thân mến, chúng tôi cần sự giúp đỡ của ông.

— Câu chuyện xảy ra ở Paris ư?

Vì nếu việc này xảy ra ngoài Paris thì đó là việc của Bộ Nội vụ.

— Tang lễ sẽ diễn ra gần đây thôi, bến cảng Toumelle, nơi người chồng của thân chủ tôi qua đời, nơi ông ấy mang cái tên René Bouvet suốt mười bốn năm nay.

— Khó mà nói rằng ông ta mắc chứng quên lãng.

— Tại sao ông ấy biến mất mà không để lại dấu vết gì và tại sao ông ấy lại mang tên René Bouvet. Cái cấp thiết là đám tang phải mang tên thật của ông ấy và thân chủ của tôi được hưởng các quyền của mình.

— Ông ta là người giàu có ư?

— Ông ấy là như vậy.

— Ông ta khai mình làm nghề gì khi sống ở Toumelle?

— Theo tôi biết ông ấy chỉ tỏ ra mình là một người hưu trí khiêm tốn thôi. Hình của ông ấy đã được đăng lên báo chiều hôm qua, do đó người thân chủ của tôi...

— Bà Marsh có thể nhầm lẫn không?

— Bà ấy đã cùng một thanh tra cảnh sát ở Quận năm tới đó. Theo lời khai trước đó của bà Marsh, viên thanh tra đã nhìn rõ một vết sẹo ở chân phải như bà đã mô tả.

Trời nắng nóng. Ông luật sư phải thấm mồ hôi, Ông Giám đốc thở dốc.

— Việc lập lại căn cước phải làm trong một thời hạn ngắn nhất, và rõ ràng chúng tôi có quyền đòi hỏi như vậy...

— Thừa bà, bà có thể cho chúng tôi những tin tức chi tiết về ông nhà không? Ông ta là người Pháp ư?

— Một người Mỹ. Tôi gặp ông ấy ở Panama vào năm 1918. Lúc ấy tôi còn rất trẻ.

— Lúc ấy ông ta làm nghề gì?

— Ông ấy rất giàu. Tôi cũng vậy. Cha mẹ tôi có nhiều trang trại trồng ca cao ở Colombie.

— Rồi sao nữa?

— Rồi chúng tôi kết hôn. Chúng tôi đi xuống Nam Mỹ một năm và tôi sinh được một cháu gái.

— Cô gái vẫn còn sống chứ?

— Lúc này nó đang ở Pháp.

— Bà có gặp cô ta không?

— Rất ít.

Ông Giám đốc ghi chép hoặc làm ra vẽ đang ghi chép.

— Thời ấy chồng bà là người thế nào?

— Đó là một con người đặc biệt. Rất nhiều phụ nữ phải lòng ông ấy.

— Lúc ấy ông ta bao nhiêu tuổi?

— Bốn mươi năm. Ông ấy đã đi nhiều nơi và nói được ba hoặc bốn thứ tiếng.

— Đối với tiếng Pháp thì sao?

— Nói tốt. Tôi cũng vậy; mẹ tôi là người Pháp, cha tôi là người Colombie.

— Bà không biết mọi hoạt động của ông nhà trước khi kết hôn ư?

— Tôi đã nói với ông: chồng tôi đi rất nhiều nơi. Ông ấy đã sống nhiều thời gian ở San Francisco. Ông ấy biết rất rõ vùng Trung Đông. Chúng tôi đã đi Louisiane và chính tôi sinh cháu ở đấy.

— Và rồi ông ta mất tích ư?

— Không phải ngay lúc ấy. Sau đó chồng tôi gặp một người Bỉ mà tôi quên mất tên rồi. Hai người nói chuyện với nhau về Congo và tài nguyên

của nó. Ông ấy quyết định tới đó để tiến hành công cuộc kinh doanh.

— Ông ta đi một mình ư?

— Vâng. Chồng tôi viết thư đều đặn cho tôi. Ông ấy ở vùng biên giới giữa Kenya và Soudan thuộc Ai Cập. Ông ấy khai thác một mỏ vàng trong một vùng có tên là Oucle.

— Từ bấy đến nay bà không gặp lại ông ta nữa chứ?

— Xin lỗi. Tôi đã tới đó thăm chồng tôi hai hoặc ba lần.

— Hai hay ba?

— Khoan. Hai lần. Lần thứ hai vào năm 1932. Tôi tới bằng máy bay.

— Chồng bà đón tiếp bà ra sao?

— Ông ấy sống trong một khách sạn duy nhất ở đấy, một nơi kinh khủng, nơi muỗi tấn công người, nơi mà người ta phải đội mũ suốt ngày. Ban đêm hổ báo rình mò bên cửa sổ, con chó nhỏ của tôi bị hổ ăn thịt.

— Cho phép tôi được đặt ra một câu hỏi, thưa bà. Thời gian ấy chồng bà có gửi tiền cho bà không?

— Tôi muốn bao nhiêu thì ông ấy gửi bấy nhiêu.

— Có nghĩa là rất nhiều ư?

— Theo thói quen chi tiêu của tôi.

— Thời ấy bà sống ở đâu?

— Ở Riviera, ở Paris, ở Londres, ở Capri.

— Cùng với con gái chứ?

— Con gái tôi sống trong một nhà tu kín gần Paris. Nhà thờ Sacre Cocur; hẳn ông biết rõ nhà thờ này.

— Chồng bà không quan tâm đến con cái ư?

— Ông ấy đã thay đổi.

— Bà muốn nói gì?

— Khác với người tôi đến thăm lần đầu ở Congo thuộc Bỉ. Tôi đến mà không báo trước.

— Bà đến bất chợt ư?

— Vâng. Vì đã một năm chồng tôi không viết thư cho tôi.

— Ông ta có đề nghị ly hôn không?

— Không. Vì ông ấy biết tôi không bao giờ chấp nhận.

- Bà nói rằng chồng bà đã thay đổi; vậy thay đổi như thế nào?
- Ông ấy có đến năm chục bộ complet trong tủ áo. Ngoài bản thân ông thì không ai được đánh giày cho ông ấy.
- Ông ta có mang người hầu sang Congo không?
- Không, ở đây tôi gặp một ông Marsh vận pyjama, đội mũ trắng, lái một chiếc xe bị tháo tung chạy trong rừng rậm. Hầu hết thời gian ông ấy không nghỉ ở khách sạn mà sống trong những túp lều của người bản xứ và...
- Xin bà nói tiếp.
- Trong lều nào cũng có một hoặc nhiều phụ nữ da đen, một vài người đang cho con bú.
- Bà có đánh ghen không?
- Không. Chúng tôi vẫn là bạn tốt của nhau. Tôi chỉ buồn khi thấy ông ấy sa đọa đến như vậy.
- Ông ta có kiếm được nhiều tiền không?
- Rất nhiều. Việc khai thác vàng ở mỏ Ouagi đạt hiệu suất rất cao khiến ông ấy có một thị trấn nhỏ ở vùng trung tâm với một bệnh viện và một trường học...
- Và ông bà đã chia tay nhau một cách vui vẻ ư?
- Vâng.
- Chồng bà không quan tâm đến con gái mà bà mang theo ư?
- Ông ấy khen nó khá khinh nhưng nói khí hậu ở đây không tốt, nên mang nó về Sacre Cocur.
- Ông ta mất tích trong những điều kiện nào?
- Chỉ một điều kiện: đơn giản là ông ấy mất tích thôi. Tôi viết thư cho ông ấy nhưng không nhận được thư trả lời. Tôi đã viết rất nhiều thư. Cả ngân hàng của tôi nữa vì họ không nhận được tiền gửi. Chúng tôi gửi thư cho chính quyền ở Ouelé và người ta trả lời là Samuel Marsh đi mà không báo tin cho ai cả.
- Thế còn việc khai thác mỏ thì sao?
- Ông luật sư trả lời:
- Chúng tôi đã tới đó. Đã mười tám năm nay thân chủ của tôi và tôi cố gắng giành quyền sở hữu cái mỏ đó. Đây là một vấn đề phức tạp, cái đó

phải mất hàng giờ mới có thể trình bày đầy đủ được. Việc kinh doanh ở đây là do một công ty vô danh và ông Marsh chiếm quá nửa cổ phần trong đó. Chúng tôi đã cố gắng đề ra việc ông ấy gặp tai nạn trong rừng rậm nhưng người ta đã cho chúng tôi biết vài tuần lễ sau khi mất tích, ông ấy đã rút một khoản tiền lớn trong ngân hàng ở Caire.

— Cảnh sát Bỉ không tiến hành điều tra ư?

— Tôi hiểu rõ câu hỏi. Ở đây việc đi lại rất khó khăn, người ta phải đi cáng, trong khi làng nọ cách làng kia một trăm năm mươi kilômét.

— Nói tóm lại...

— Nói tóm lại, lúc này bà Marsh chưa được hưởng cái tài sản mà bà ấy có quyền hưởng.

— Bà Marsh đã nói, về phần mình, bà ta cũng rất giàu kia mà?

— Đó là của cha mẹ bà ấy. Họ đã qua đời và trước khi chết người cha đã tiêu đại bộ phận gia tài vào cờ bạc rồi. Vài năm gần đây, cây cacao ở Colombie bị sâu phá hoại, và bà đã phá sản ba phần tư vốn liếng rồi.

— Bà ta không còn nguồn vốn nào khác ư?

— Bà ấy đang gặp khó khăn.

— Thưa bà, hiện giờ bà cư trú ở đâu?

— Khách sạn Napoléon trên Đại lộ Friedland. Điều đó rẻ hơn nhiều so với việc mua và gìn giữ một ngôi nhà.

Một công việc như loại này, xảy ra vào tháng tám, tháng mà già nửa số nhân viên đi nghỉ, có nhiều khó khăn đối với một vụ án hình sự. Các vị khách nhìn ông Giám đốc bằng những con mắt nghiêm khắc làm ông không có lối nào thoát ra cả.

— Tôi sẽ tiến hành một cuộc điều tra, tất nhiên.

Cái đó theo ngôn ngữ nghề nghiệp được gọi là “điều tra những quyền lợi của gia đình”.

— Bà có địa chỉ của con gái mình không?

— Tôi không biết hiện nay nó ở đâu.

— Cô ta năm nay bao nhiêu tuổi?

— Ba mươi một hoặc ba mươi hai tuổi. Nó đã lấy chồng.

— Là ai vậy?

— Một kẻ khờ khạo tên là Frank Gervais làm không đủ ăn. Chúng tìm mọi cách để moi tiền tôi.

— Tôi cho rằng cô gái ấy cũng được thừa kế gia tài của người cha, đúng không?

— Cái đó để luật sư Rigal trả lời.

— Cái mà chúng tôi đề nghị, ông Giám đốc thân mến, là không nên đi vào chi tiết mà đi vào việc chính là ông Samuel Marsh phải được chôn cất theo tên thật của ông ấy.

— Ông có đầy đủ giấy tờ không?

Người luật sư có chiếc cặp bằng da mang theo.

— Đây là giấy đăng ký kết hôn. Tôi đính theo đây bức thư gửi cho vợ của ông ấy sau ngày thành hôn.

— Thế còn những bức thư gửi từ Congo về thì sao?

— Thân chủ của tôi đã cho rằng không cần giữ lại. Hầu hết là được viết vào mẫu giấy bằng bút chì.

— Tôi sẽ cho ông biết tin tức, ông luật sư. Tôi cho rằng tôi sẽ liên hệ với ông, đúng không?

— Cái đó rất đơn giản. Đáng lẽ tôi đã đi nghỉ, nhưng tôi đã cho vợ con tôi đi trước, tôi sẽ gặp họ sau đó. Điều quan trọng là...

— Tôi biết.

Hai người cùng ra về và viên luật sư tự nhủ là sẽ không để ông Giám đốc Sở Cảnh sát được yên.

Để tránh công việc bị kéo dài, ông Rigal dặn bà Marsh đến toà báo đã công bố bức ảnh của ông Bouvet nằm giữa những bức ảnh của Epinal.

— Tôi muốn gặp ông tổng biên tập. Nói với ông ấy là tôi mang lại cho ông ấy những tin tức giật gân.

Ông ta rút ví lấy một tấm danh thiếp và nhìn thân chủ của mình.

— Bà hãy nói về thời kỳ chồng bà ở Congo và nói kỹ về cuộc sống của bà ở Nam Mỹ. Không nên quên nói về năm chục bộ complet và tất cả những gì đập mạnh vào trí tưởng tượng của độc giả.

— Mời ông ngồi, ông Beaupere.

Đó là người cảnh sát duy nhất của Sở mà khi gọi người ta không thể thêm danh từ “ông” vào. Đây có thể là do tuổi tác, tính trầm mặc của người cảnh sát già, cũng có thể do bộ thường phục như đưa tang của ông.

Ông Beaupere thường được giao những công việc thuộc loại “quyền lợi các gia đình” mà cấp trên không muốn giao cho người nào khác.

— Có một ông tên là René Bouvet vừa qua đời sáng hôm qua ở bến cảng Toumelle.

— Tôi đã nhìn thấy hình ông ta trên báo.

— Hình như ông ấy không phải là Bouvet mà là Marsh, sinh ra ở Mỹ và đã sống một phần đời mình ở một mỏ vàng tại Congo.

Ông Beaupere không động đậy, tiếp tục nhai kẹo cao su.

— Ông hãy đến Quận năm. Chính cảnh sát ở đấy phải có ý kiến về việc này.

— Tôi hiểu, thưa ông Giám đốc.

— Ông ấy có một người vợ hiện ở Paris, đang trọ tại khách sạn Napoléon. Họ cũng có một người con gái đã kết hôn với một người là Frank Gervais mà tôi không có địa chỉ.

— Rõ, thưa ông Giám đốc.

Và ông Beaupere về văn phòng của các thanh tra để lấy chiếc mũ bằng rơm rồi ra đi với vẻ một con quạ lớn trong nắng mặt trời gay gắt đổ xuống bến cảng.

Trong Sở Cảnh sát, ông Beaupere là người đi bộ nhiều nhất vì không bao giờ ông đi taxi vì giá tiền của nó, tránh đi xe buýt càng nhiều càng tốt và chỉ xuống ga tàu điện ngầm trong những trường hợp cần thiết.

Ông không để ý đến những quán rượu trên Đại lộ Saint Michel, cả những bà hàng hoa, những phụ nữ mặc những chiếc áo dài nhẹ, màu sáng tha thẩn đi dạo.

Toà thị chính của Quận năm trên Đại lộ Panthéon. Các toà thị chính không có gì là bí mật đối với ông. Không làm phiền đến cách nhân viên, ông tự lôi những cuốn sổ màu đen nặng chịch ra: Bouvat Martin... Bouveau... Bouverat... Bouveret... Bouveric... Bouvet... Bouvet Albert...

Bouvet Armand... Bouvet H... Bouvet M... Bouvet P...Bouvet René

Để có được thẻ chứng minh, Bouvet, René Hubert Emile, đã xuất trình bản trích lục giấy khai sinh có chữ ký của ông Thư ký Toà Thị chính Wimille, theo đó René Bouvet là con trai của ông Bouvet Jean, làm ruộng và bà Marie Ernestine Meresse, không nghề nghiệp. Toà Thị chính của Quận năm không cấp các phiếu lương thực cho ông ta trong các năm từ 1940 đến 1943, nhưng đến 1944 thì có cấp sau khi René Bouvet đi nghỉ ở Langeac, Sarlat, Dordogne trở về.

Đã mười hai giờ trưa, sau khi uống một cốc nước lọc, ông Beaupere bước vào ngôi nhà trắng trên phố Toumelle. Ông không tò mò nhìn lên ô cửa sổ trên lầu ba, nơi ông Bouvet đang yên nghỉ giữa những tiếng vo ve của đàn ruồi là tiếng động duy nhất ở đây. Ông vào nhà của bà gác cổng sau khi được mời và lễ phép nhắc chiếc mũ trên đầu ra rồi mới ngồi trên chiếc ghế kiểu Henri II trong lúc bà Jeanne ngồi phía đối diện.

— Ông không nên nói to. Chồng tôi đang ngủ. Ông ấy làm ca đêm.

Ông ra hiệu rằng mình đã hiểu và cuộc trao đổi là những tiếng thì thào tới mức nếu đứng ngoài cửa kính nhìn vào, người ta có thể cho đấy là hai con cá đang đớp bọt.

○○○

Ông Beaupere dùng bữa theo giá “cố định” trong một quán ăn trên phố Châtelet, nơi ông có một chiếc khăn mặt riêng mắc trên giá. Sau đó, ông trở về văn phòng gọi điện thoại cho toà Thị chính của Quận năm.

Lúc ba giờ thì người nhân viên ở đây báo tin cho ông là René Bouvet đã chết hai năm trước đây ở Đông Dương, nơi ông ta đã sống hơn chục năm và chỉ về Pháp một đôi lần.

— Lần cuối cùng ông cấp cho René Bouvet bản trích lục giấy khai sinh là vào năm nào?

Lại phải chờ một lúc lâu.

— Vào năm 1039, Bouvet từ Paris có viết thư yêu cầu chúng tôi làm việc này và theo thủ tục chính tôi đã cho ông ta hai bản.

Đó là thời kỳ mà thẻ chứng minh trở nên cần thiết. Kể cả đối với những người ít khi dùng đến nó.

— Ông chắc chắn là ông ấy đã chết cách đây hai năm chứ?

— Chúng tôi có giấy khai tử từ Sài Gòn gửi về. Giấy tờ đi mất mười tám tháng. Ông ta không có ai là người thừa kế cả.

— Xin cảm ơn ông.

○○○

Báo chí đã tung ra thành phố, cùng với tấm ảnh cũ của ông Bouvet nhưng với đầu đề mới: *Bí mật của một nhà triệu phú Mỹ*.

Vào lúc năm giờ một chiếc taxi chạy đến đậu trước ngôi nhà trắng trên bến cảng Toumelle và một cặp vợ chồng dáng vẻ vội vã xuống xe bước vào. Bà Jeanne nhìn họ bằng cặp mắt lạnh lùng và cảnh giác.

Lại có người đến để lợi dụng cái chết của ông Bouvet.

Trước khi hai người bước vào trong nhà, bà Jeanne đã ra mở cửa đứng đợi, mắt nhìn họ chăm chăm, môi mím lại.

Chắc chắn đây là một cặp vợ chồng giàu có, chưa hề bước chân vào ngôi nhà loại này. Cả hai có vẻ vừa đi xem phim hoặc từ một khách sạn trở về. Tóc nâu, người phụ nữ mặc một chiếc áo màu kem, phía trước là chiếc ví xách tay như một chấm đỏ giống như đôi môi trên bộ mặt trắng bột. Người chồng tiến lên phía trước. Người phụ nữ ngập ngừng chớp đôi hàng mi giả. Như mọi người, cô ta có tờ báo trên tay.

— Có đúng ở đây không?

— Ở đây.

— Bà là người gác cổng ư?

— Tôi là người gác cổng.

Cô ta liếc nhìn làm nản chí người cùng đi như ngẫm bảo khó khăn nhiều hơn là họ nghĩ hoặc là bà gác cổng này rất khó tính.

— Tôi có thể nói với bà trong vài phút được không?

Có thể là cô ta đã chuẩn bị trước ư? Hay là cô không nghĩ đến cách đón tiếp như thế này? Cô ta mở ví như là để đánh phẩn lại, nhưng thực ra là lấy một mẫu giấy nhàu nát ra.

— Tôi nghe các vị đây.

Người đàn bà trẻ nhìn thang gác mà thằng bé Vincent, con trai bà Sardot, đang ngồi vắt vẻo bên trên.

— Bà cho phép chúng tôi vào trong nhà chứ?

— Với điều kiện là các vị nói khẽ thôi. Chồng tôi đang ngủ.

— Mẹ tôi đã đến gặp bà nhưng tôi không quan hệ với bà ấy. Xin giới thiệu với bà đây là chồng tôi.

— Rất hân hạnh.

— Bà hiểu chứ... rằng tôi là con gái ông... ông...

— Ông Bouvet, trông cô không giống ông ấy là mấy. Có thể là cô giống mẹ.

— Bà cho phép tôi ngồi chứ?

Người chồng cao lớn, người lông lá, vai sâu hõm, mặc bộ đồ xám không giống những người trong khu phố.

— Đã hai chục năm nay vợ tôi không có tin của ông ấy - Anh ta nói - Bà có thể hình dung là cô ấy xúc động như thế nào khi thấy ảnh của người cha trên báo.

— Hôm qua cô không đọc báo ư?

— Chúng tôi về thăm mấy người bạn ở nông thôn. Trưa hôm nay, khi về...

Bà Jeanne vẫn đứng nhìn từng người để xem họ muốn gì.

— Tôi cho rằng chúng tôi không được phép lên thăm ông cụ, đúng không?

— Ai cấm điều đó? Tôi có chìa khoá. Chính tôi và những người hàng xóm phụ trách tất cả.

— Tôi không biết. Tôi nghĩ rằng vì hoàn cảnh đặc biệt...

Cô ta nhìn chồng như muốn hỏi ý kiến.

— Vợ tôi muốn bà cho phép cô ấy được hỏi vài câu. Vợ tôi bối rối không biết mở đầu ra sao cả.

Cô ta mở bàn tay ra, những tờ giấy bạc nhàu nát được đặt lên bàn.

— Theo báo chí thì chính bà là người giúp cha tôi trong việc nội trợ. Tôi tin chắc ông ấy tin tưởng và đã trò chuyện cùng bà. Cha tôi có nói gì về tôi không?

— Không bao giờ.

— Còn về mẹ tôi?

— Cũng vậy, kể cả những người khác.

— Bà muốn nói cha tôi không nói gì ư?

— Ông cụ nói như mọi người về thời tiết, khí hậu, về Paris và tất cả những gì xảy ra trên thế giới với những người thuê nhà, với thằng Vincent mà cô đã nhìn thấy nó trên đầu cầu thang.

— Cha tôi là người buồn rầu và kín đáo ư?

— Không, thưa cô, ông già tỏ ra rất sung sướng.

— Cha tôi có nhận được thư từ gì không?

— Không bao giờ.

— Và... nói thế nào nhỉ... cha tôi có túng thiếu không?

Vừa nói cô ta vừa nhìn xung quanh. Ông Ferdinand vừa thức giấc và đi vào nhà tắm.

— Ông già không thiếu một thứ gì. Ông ấy rất sung sướng. Buổi sáng, sau khi dùng những món mà tôi chuẩn bị cho ông, ông nằm trên giường và đọc báo. Sau đó, vận quần áo, ông cụt xuống nhà chào tôi rồi đi dạo. Trong khi đó, tôi thu dọn và quét tước căn hộ. Công việc không nhiều nhận gì. Qua cửa sổ, tôi thấy ông cụt để hầu hết thời gian trong các quầy sách cũ. Ông cụt quen với mọi người bán hàng và nói chuyện với họ.

— Ông ấy có mua những sách quý, hiếm không?

— Không mua sách, chỉ thấy mua tranh ảnh. Có lúc ông cụt đến Đại lộ Saint Michel để mua xúc xích và trở về với những gói nhỏ trên tay. Ông cụt đứng trước cửa sổ để ăn.

— Ông ấy có dùng rượu vang không?

— Không bao giờ dùng rượu vang cũng như mọi loại rượu khác. Chỉ uống nước lọc. Và cà phê nữa, hai tách mỗi ngày.

— Ông ấy có hay ốm đau không?

— Ông cụt uống thuốc viên đựng trong một chiếc hộp để trong túi, nhưng tôi không thấy ông ấy ốm bao giờ, trừ chứng thấp khớp. Trong hai năm vừa rồi ông cụt phải nằm bẹp trên giường ba lần. Còn thường ngày thì trưa đến, sau khi ăn, ông cụt ngủ một giấc, tiếp đó ông cụt đi dạo vào mùa hè và trở về nhà trước chín giờ tối.

— Ông ấy có tiếp khách không?

— Không bao giờ.

— Bà tin chắc rằng cha tôi không bao giờ nói về tôi chứ? Tên tôi là Nadine.

— Không, thưa cô.

— Trong đồ đạc của ông ấy bà có thấy tấm ảnh một bé gái không?

- Không, thưa cô,
- Có bao giờ bà để ý đến những giấy tờ của cha tôi không?
- Giấy tờ gì?
- Mọi người đều có những giấy tờ của mình, giấy tùy thân, thư từ...
- Ông cụ không có giấy tờ gì cả.
- Mẹ tôi đã lên căn hộ của cha tôi chứ?
- Đã lên. Với một thanh tra cảnh sát.
- Bà có cho phép chúng tôi lên trên đó không?
- Chắc chắn là được!

Bà Jeanne hài lòng chỉ cho họ căn hộ và người qua đời như một sự thách đố. Nhưng họ sẽ nhầm lẫn nếu muốn động chạm vào vật gì ở đây.

Bà dẫn họ lên cầu thang. Việc này coi như một thủ tục. Sau đó bà bắt họ đứng chờ ở ngoài hành lang để bà vào trong phòng thấp nển. Cuối cùng bà đưa họ vào trong phòng bắt đầu có mùi khó chịu và có những con ruồi không tài nào xua hết được.

Bà không bức mình vì họ tỏ ra ngạc nhiên khi thấy bà bình thản, không sợ người chết như giữa họ là đôi bạn thân vậy.

- Ông cụ nằm yên. Ông ấy mỉm cười.

Người phụ nữ nhìn những đồ đạc dán giấy niêm phong.

- Tôi tin chắc là cha tôi đã đi tìm tôi vì chúng tôi cùng sống trong một thành phố.

Bà Jeanne để ý thấy người đàn bà trẻ không làm dấu thánh, không biết nhánh hoàng dương dùng vào việc gì. Cô ta luôn luôn lấy khăn tay thấm vào hàng mi giả.

- Tôi cho rằng bà biết rõ ngày giờ đưa tang, đúng không?

- Chúng tôi đã thu xếp làm việc này vào ngày mai, một tang lễ đàng hoàng, có cha cố, nhưng cảnh sát đã đến bảo chúng tôi đợi đã.

Hai vợ chồng nhà ấy lại nhìn nhau. Họ vội vã đi ra, nhưng hình như họ đã thất vọng vì thực tế không như họ tưởng tượng.

- Tôi cho rằng tôi cần cho cảnh sát biết địa chỉ của mình, đúng không?
- Có thể như vậy là tốt. Đây là công việc của các vị.
- Bà tin chắc là cha tôi không khổ sở chứ?

— Vâng, thưa cô.

— Xin cảm ơn bà.

Họ đi xuống trong khi bà gác cổng khoá trái căn hộ và cho chìa khoá vào trong túi. Bà đi xuống thang gác trong khi thằng bé vẫn ngồi đấy với cái nhìn nghi ngờ hơn cả bà Jeanne.

Tới phòng đợi, họ ngập ngừng.

— Nếu ngẫu nhiên bà nhớ được một chi tiết nào đó... - Người chồng cầm trên tay một tấm danh thiếp rồi nói tiếp, - ... chi tiết mà vợ tôi quan tâm. Mẹ con cô ấy bất hoà... Chính vì bà ta mà vợ tôi không biết đến cha đẻ của mình. Tôi không thể đến gặp bà mẹ vợ được.

Anh ta đưa cho bà Jeanne tấm danh thiếp.

— Tôi rất biết ơn khi bà gọi điện thoại đến văn phòng của tôi. Bên phải tấm danh thiếp có địa chỉ nhà riêng.

Và họ ra đi, người vợ với đôi giày cao gót, người chồng với đôi vai gầy gò, và cánh cửa chiếc xe taxi đóng sập lại.

Xe không nổ máy ngay vì hình như hai người đang cãi nhau, chê trách nhau về một sự vụ về nào đó.

Bà gác cổng đọc tấm danh thiếp.

Frank Gervais và Will Goldstein

Bán tranh cổ

135 bis, phố Saint Honore

Bên phải tấm danh thiếp ghi địa chỉ nhà riêng: 62, *Bến cảng Passy*. Và chữ **WILLY GOLDSTEIN** đã bị gạch xoá.

○○○

Paris vẫn nằng nực rờ như hôm trước, vẫn có những tiếng xào xạc trên các vòm cây và những làn bụi mỏng trên đường phố.

Một người đàn ông tẻ nhạt trông giống như một nhân viên bảo hiểm hoặc một người lắp đặt máy hút bụi gỗ nhẹ lên ô cửa kính nhà bà gác cổng trong khi ông Ferdinand đang ăn uống trong bếp để chuẩn bị đi làm.

Người gõ cửa là ông Beaupere.

— Tôi không quấy rầy bà chứ, bà Jeanne?

Bà gác cổng quay ra.

— Xin mời vào. Mời ông ngồi. Ông có tin tức gì mới không?

— Không nhiều lắm. Tôi đang đi tìm hiểu.

Người cảnh sát nhìn bà xem bà muốn nói gì.

— Con gái ông ấy và chồng vừa tới đây. Họ có để lại danh thiếp. Cũng có cả một trăm francs đặt trên bàn.

— Cô ấy không nói gì ư?

— Cô ta hỏi về giấy tờ, về những tấm ảnh. Họ có lên trên lầu.

— Còn có ai nữa không?

Ông Beaupere cẩn thận ghi địa chỉ trên danh thiếp vào một cuốn sổ tay lớn có dây cao su để buộc.

— Không. Chỉ có hàng xóm thôi.

— Bà biết không, bà Jeanne, người ta nói có lý.

— Có lý là thế nào?

— Ông Bouvet thật đã chết ở Đông Dương cách đây hai năm.

— Có hai ông Bouvet ư?

— Nhưng không cùng căn cước. Tôi muốn biết rõ những người lượn lờ quanh đây vì chắc chắn họ là người biết rõ sự thật.

— Có một bà già...

— Bà già nào?

— Người mà tôi gọi là “bà” thì bà ta đích chính lại là “cô”. Bà ta trên bảy chục tuổi.

— Đúng rồi.

— Tại sao lại đúng rồi?

— Vì những người quen biết ông Bouvet ngày trước tất phải là những người già.

— Tôi không nghĩ đến điều đó.

— Bà ta tới đây hồi nào?

— Chiều hôm qua. Đây là người đầu tiên. Tôi tưởng là bà ấy đi tìm một phòng nhỏ để thuê.

— Bà ta ăn vận xoàng xĩnh, đúng không?

— Nghèo nàn nữa. Trước hết môi bà ấy run lên vì không biết nói thế nào. Bà ấy to béo, mặt tròn trĩnh nhưng xanh lợt, mắt còn trẻ. Bà ấy chỉ vào tờ báo rồi lẩm bẩm: “Có đúng là ở đây không?” Tôi thấy bà ấy cầm một bó hoa tím trên tay. Tôi cảm động và hỏi: “Bà biết ông ấy chứ?” Tôi cho rằng bà ấy cũng sống trong khu phố này, bà ấy đã nói chuyện với ông Bouvet lúc ông ấy đi dạo. “Bà có muốn nhìn mặt ông ấy lần cuối không?” Bà ấy lắc đầu rồi như muốn khóc. “Ông ấy có đau đớn lắm không?” Rồi lại đặt thêm một câu hỏi nữa: “Có gì để làm tang lễ không?” Tôi trả lời rằng có, ông ấy có tiền trong túi và tôi thấy bà ấy lục tìm như tìm tiền trong túi xách tay. Bà ấy không có thời gian vì ngay lúc ấy thì con quỷ kia đến.

— Con gì?

— Con quỷ. Có phải người ta gọi mụ như vậy không? Người đàn bà đi cùng ông thanh tra và chắc chắn mụ ta sẽ lục lọi đồ đạc nếu người ta để một mình mụ trong phòng.

— Bà cho rằng mình chưa bao giờ nhìn thấy bà già đã nói ư?

— Tôi biết mọi người trong khu phố này. Tôi đã sống ở đây bốn chục năm nay. Tôi chưa hề gặp bà ấy.

— Bà ta đi bộ ư?

— Bà ấy đi giày vải. Tôi đã nhìn kỹ. Cũng giống như đôi giày tôi đang đi.

— Sau đó bà ta đi về Đại lộ Saint Michel ư?

— Không. Về phía cầu Toumelle.

— Đây là người duy nhất tới đây ư?

— Ngoài ra còn một ông già, nhưng ông ấy không nói một lời.

Ông Beaupere tin bà gác cổng. Ông có một đàn cháu nội ngoại đông đúc. Ông kiếm sống rất chật vật. Ông không hề nghi ngại gì bà Jeanne.

— Ông già nào?

— Trông giống một kẻ lang thang ở vùng này. Vào lúc chiều tối, khi chồng tôi đi làm, thì tôi thấy ông ấy ở bên kia đường, tựa lưng vào lan can, nhìn lên cửa sổ căn hộ ông Bouvet.

— Ông ta không làm gì khác ư?

— Không. Sau đó ông ấy đi. Rồi tôi lại thấy ông ấy xuất hiện và ăn bữa tối của mình với một chai rượu vang bên cạnh. Ông có cho rằng người ta sẽ để tôi yên không?

— Ai kia?

— Người con rể của ông Bouvet. Tôi đã thu xếp xong mọi việc với bà con trong khu nhà. Mọi người đều nhiệt tình. Thế rồi vợ chồng anh ta lại đến.

— Tôi không biết.

— Dù sao họ cũng đi rồi, đúng không? Chắc chắn là họ có lý do của họ. Không nên làm phiền người đã chết rồi. Ông ấy đang yên ổn nằm trên kia. Ông có muốn lên trên đó không?

Ông Beaupere không có thời gian. Ông phải gọi điện thoại đến toà Thị chính Langeac, lúc này không có ai trả lời. Ông còn phải kiểm tra một số tin tức một cách thận trọng như thường làm trong khi ông lắc cái đầu buồn bã và nhai kẹo cao su.

— Nếu bà gặp bà già hay ông lang thang ấy thì bà cố hỏi cho được tên và địa chỉ của họ. Cái đó có thể giúp chúng ta rất nhiều.

— Ông có muốn dùng một tách cà phê không?

— Không. Tôi không uống gì giữa hai bữa ăn cả.

○○○

Một buổi chiều yên ả đối với bà Jeanne. Một vài câu chuyện gẫu với những người thuê nhà. Đến chín giờ tối thì một mình bà lên với ông Bouvet như là để chào ông. Bà không sợ hãi khi đối diện với người chết. Bà làm dấu thánh, miệng lắp bắp như nói chuyện với ông. Tất cả đều gọn gàng, trật tự. Bà đập những con ruồi, sửa lại tấm rèm cửa sổ.

Bà khoá trái cửa sau đó vào căn hộ của nhà Sardot. Thằng bé đã ngủ, ông chồng đang đọc báo còn bà vợ đang giặt giũ. Cửa sổ nhà họ mở toang. Tất cả mọi cửa sổ của Paris đều mở. Trong một vài khu phố, người ta ngủ ngoài hành lang và thường nghe thấy tiếng còi tàu hoả trong các nhà ga.

— Cô gái lấy một người bán tranh cổ. Theo tôi thì anh ta bị ho lao. Cô ta

lấy khăn tay trong túi xách ra nhưng tôi không tin là cô ta đã khóc.

— Nếu đây là cha đẻ thì cô ấy cũng không thể biết được.

Người chơi đàn phong cầm đã đi làm. Bà Jeanne trở về thu dọn nhà cửa một lúc rồi thay quần áo để đi ngủ. Bà ngủ say cho đến khi người nhạc công trở về. Không nhìn đồng hồ nhưng bà cho rằng lúc này khoảng hai ba giờ sáng.

Bà đã có một giấc mơ phức tạp trong đó ông Beaupere đóng một vai trò quan trọng như là chồng bà. Bà khó chịu tự hỏi tại sao lại có chuyện này vì bà không phải là người goá bụa. Ông Ferdinand vẫn đi gác đêm trong xưởng sửa chữa xe hơi trên phố Saint Antoine. Và ông Beaupere đã trả lời bà: “Đúng rồi”.

Cái gì đúng rồi? Có phải người nhạc công đã về ư? Nhìn hai chiếc kim đồng hồ có chất lân tinh thì lúc này mới một giờ sáng.

Không khí trong nhà vẫn còn ngọt ngào. Thức giấc, bà thấy mọi việc không như ý muốn của mình, bà thấy mình có lỗi mà không hiểu tại sao.

○○○

Hôm sau trời u ám hơn mấy hôm trước, một lớp sương mù bay trên mặt sông Seine trên đó có những chiếc xà lan sửa soạn khởi hành. Bà Jeanne mang những thùng rác ra xếp trên vỉa hè rồi vào nhà để chuẩn bị cà phê, chải đầu chờ nước sôi.

Bà không bao giờ gặp may nhưng không kêu ca. Khi bà kết hôn với ông Léliard Ferdinand, thời ấy ông là một trung sĩ trong quân đội, bà không biết ông bị chứng động kinh và ông không dám uống rượu nữa. Đây không phải là một người đàn ông. Ba lần bà mang thai nhưng cả ba lần bị sẩy thai. Bà muốn thử một lần nữa, nhưng bác sĩ khuyên bà nên từ bỏ ý định ấy đi.

Đã ngoài năm chục tuổi nhưng bà không cảm thấy mình đã già. Nhỏ bé và gầy gò, phải gắng sức lắm bà mới mang được thùng rác từ trong nhà ra vỉa hè.

Bà thở dài khi nghĩ đến ngôi nhà sẽ có thêm một người thuê mới và bất chợt sợ hãi, bà thấy mình phải lên trên lầu ngay lập tức. Song bà phải trở

xuống vì quên chìa khoá. Bà lại chạy lên, tra chìa vào ổ và thắc mắc không biết tối hôm qua bà có khoá cửa phòng hay không vì hôm nay vừa tra chìa vào ổ là cửa đã bật mở.

Bà vào phòng khách mà không nhìn xung quanh và cảm thấy căn hộ đã có một sự thay đổi nào đó. Xác của ông Bouvet vẫn nằm trên giường nhưng bà tin chắc là ông không nằm trong tư thế cũ nữa. Ông ấy không thể cử động được. Một người nào đó đã tới đây. Hắn đã động vào chiếc giường. Có những chiếc lông từ trong gối rơi ra. Bà quay lại thấy những tờ giấy niêm phong đã bị xé rách.

Người ta đã mở tủ, mở các ngăn kéo.

Và bà cảm thấy ở đây không an toàn nữa. Bà chạy ra hành lang và gọi:

— Bà Sardot!... Bà Sardot!...

Bà quên mất lúc này mới sáu giờ sáng và gia đình Sardot hãy còn ngủ.

— Bà Sardot!... Tôi đây!... Ra đây ngay!... Bà hay chồng bà cũng được...

Đó là người chồng ra mở cửa sau khi mặc thêm chiếc quần dài, nhưng đi chân đất.

— Có kẻ nào đó đã vào nhà ông Bouvet.

Người vợ ra theo sau đó là đứa con trai có vẻ là người lớn trong bộ pyjama.

— Kẻ nào đó đã xé giấy niêm phong và động vào chiếc giường.

Mọi người vào trong căn hộ vừa đáng kính vừa rùng rợn.

— Cần phải báo cho cảnh sát.

Trong nhà không ai có máy điện thoại.

— Ông có thể chạy đi gọi nhờ được không, ông Sardot?

Người chồng vội vàng mặc thêm quần áo, đội chiếc mũ cát-két lên đầu và ra đi trong khi đó người vợ cố dỗ dành đứa con đi ngủ lại.

— Bà có gài các thanh gài không?

— Tôi cho rằng tốt nhất là không được động vào vật gì cả.

Bà Jeanne cảm thấy mình có lỗi. Nhớ lại cái đêm xấu vừa trải qua, bà cho rằng mình đã hai lần giật giây để mở cửa cho người nhạc công.

— Bà ở lại đây một lúc chứ?

Bà lên lầu năm đánh thức người chơi phong cầm rồi nói qua cánh cửa.

— Xin lỗi vì đã làm phiền ông. Tôi muốn biết đêm hôm qua ông về nhà vào lúc mấy giờ?

— Bà Jeanne, khoảng từ hai giờ đến hai giờ rưỡi.

Ông ta cùng xuống lầu ba với mọi người. Một người cảnh sát đi theo ông Sardot đi lên.

— Không ai được vào căn hộ. Tôi đã nhận được lệnh. Bà là người gác cổng đấy ư? Bà hãy trở về vị trí của mình và không cho ai vào khu nhà, trừ những người cư trú ở đây. - Một viên thanh tra cảnh sát vừa tới nơi nói.

Đây không phải là viên thanh tra chiều hôm qua mà là một người to béo đang ngồi trong nhà người gác cổng. Qua những câu hỏi mà ông ta đặt ra, người ta biết ông ta không hiểu đã có những chuyện gì xảy ra ở đây.

— Sở Cảnh sát đã được báo tin. Họ sẽ tới đây ngay bây giờ.

Một chiếc ô tô chạy tới và có bốn người xuống xe với những chiếc máy lớn, chắc chắn là máy ảnh. Mười lăm phút sau họ đi lại và nói năng ồn ào trên lầu ba. Sau đó có hai chiếc taxi cùng chạy đến.

— Bà là người gác cổng ư? Mời bà lên đây với chúng tôi.

Bà Jeanne sốt ruột vì có quá nhiều người trong căn hộ của ông Bouvet. Máu bốc lên mặt khi bà chứng kiến những việc họ đang làm.

Ba cửa sổ được mở rộng. Một chiếc máy ảnh rất lớn, rất nặng hơn bất cứ máy ảnh nào khác được đặt lên một cái giá ba chân. Họ lôi trong tủ ra những quần áo và đồ dùng khác ném bừa bãi trên sàn nhà.

— Khi tắt thở ông ta ăn vận như thế nào?

Bà chỉ tay vào chiếc veston màu sáng, chiếc quần màu xám. Khi bà nhìn lại thì một tiếng kêu tắc nghẹn trong cổ họng bà vì người ta đã lật tung chăn và để xác người nằm tơ hơ, không chăn, không có gì che thân cả.

Ngồi trên một chiếc ghế trong góc phòng, một người đang đếm những đồng tiền vàng.

— Bao nhiêu?

— Tôi đã đếm đến chín trăm. Còn một vài đồng nữa.

Và ông ta lại tiếp tục lăm nhăm đếm.

Những thứ này ở trong chiếc nệm bị rách tung. Trước khi cảnh sát tới, chúng vẫn nằm trong đó vì bà gác cổng thấy những chiếc lông trong nệm

rơi vương vãi.

Hai người mặc quần áo cho người chết như ở cửa hiệu thợ may người ta mặc cho những chiếc Mannequin. Xong việc người ta vác ông Bouvet ra phòng khách và đặt lên một chiếc ghế.

— Bà đã kéo dây mở cửa mấy lần trong đêm qua?

— Một người thuê nhà trở về sau khi tôi đã đi ngủ.

— Tôi hỏi bà đã kéo dây mở cửa mấy lần kia.

— Một lần.

— Bà có tin chắc không?

Bà nhìn ông Bouvet đang ngồi trên ghế để chờ chụp ảnh và không đủ can đảm để nói dối.

— Tôi không tin chắc lắm. Đêm hôm qua tôi rất mệt. Trời quá nóng nực. Tôi nằm mơ. Tôi đã kéo dây mở cửa rồi đi ngủ lại, một lát sau thức giấc, tôi mới thấy giờ...

— Giờ gì?

— Tôi muốn nói là trước đó ông Francis chưa về.

— Và bà lại kéo dây mở cửa lần nữa, đúng không?

— Tôi không nhớ. Tôi cố gắng nhớ lại. Tôi đã làm việc một cách máy móc. Cái đó đã trở thành một thói quen.

— Ông ta ở đâu?

— Ông Francis ư? Trên lầu năm, căn hộ bên trái.

Người ta cử một người lên gặp người nhạc công.

— Bà có thấy đồ đạc trong phòng này có xô dịch so với hôm qua không?

— Có xô dịch.

Bà nhìn xung quanh với vẻ lo ngại, tránh không nhìn ông Bouvet như ông đang còn sống. Cái đó tạo nên một hình ảnh ma quái khiến bà muốn bỏ đi.

— Bà nhìn kỹ đồ gỗ xem.

— Tôi cho rằng người ta đã lục soát những tranh ảnh.

Cả bà cũng không tin chắc lắm. Bà không biết gì cả. Ánh nắng tràn qua các ô cửa sổ soi vào mặt bà như trước đây bà dọn dẹp trong phòng, và bất chợt bà ôm mặt khóc nức nở. Người cảnh sát vỗ vai bà.

— Nào! Nào! Bà bình tĩnh vì dù sao cũng không phải lỗi tại bà. Nhưng cái đó là cần thiết để chúng tôi biết rõ. Bà xuống nhà uống cái gì đó. Tôi sẽ xuống ngay.

Đây như là một sự phản bội, nhưng dù sao bà Jeanne cũng không thể ở lâu trong căn phòng ấy được.

Đứng trước cửa, một cảnh sát ngăn không cho mọi người đi lại trong hành lang. Cánh cửa nhà Sardot động đậy. Ông Sardot đang ăn sáng và chuẩn bị đi làm.

Từ trong nhà, bà Ohrel ngồi trên chiếc xe đẩy, gọi bà Jeanne.

— Đã có chuyện gì xảy ra?

— Tôi không biết. Xin đừng hỏi tôi. Nếu mà bà biết được họ đang làm gì.

Ông Ferdinand tệ hại chắc đã đi uống rượu và đang ba hoa trong quán rượu bên cạnh. Có vài người đứng trên hè với một cảnh sát vẻ mặt trịnh trọng.

Đến chín giờ thì các phóng viên nhà báo tới làm khu nhà trở nên ồn ào. Bà Jeanne như không còn ở trong nhà mình nữa. Những người lạ mặt đi ra, đi vào, đi lên, đi xuống như đang trong một công trình công cộng. Trong năm phút, ba lần họ chìa ống kính vào mặt bà, bật đèn sáng để chụp ảnh bà. Lúc này bà không thể nghĩ đến việc ông Ferdinand lợi dụng cơ hội để đi uống rượu nữa.

Đây mới chỉ là sự mở đầu.

Ông Giám đốc Sở Cảnh sát vừa nhận được báo cáo đầu tiên bằng điện thoại, ông cho gọi ông Beaupere tới.

Khi viên thanh tra gõ cửa thì người ta mang đến một bức điện tín.

Cần thiết phải hoãn tang lễ của Bouvet tức Samuel Marsh cho đến khi tôi tới đây (stop) Mang theo những chứng cứ căn cước giả của Marsh cũng như của Bouvet (stop) Sẽ có mặt ở Paris lúc mười hai giờ bốn mươi phút.

Joris Costerman

Bức điện từ Anvers gửi đến.

— Xin mời ông vào, ông Beaupere. Ông có tin gì mới không?

— Tôi đã tìm thấy kẻ lang thang.

— Kẻ lang thang nào?

— Người mà bà gác cổng thấy lượn lờ trước cửa ngôi nhà tối hôm ấy. Ở khu Maubert người ta biết ông ta dưới cái tên là Giáo sư.

— Ông ta đã khai những gì?

— Chưa. Tôi gặp ông ta lúc mười một giờ đêm qua trong khi ông ta say mèm. Tôi đã mang ông ta về Sở, định bụng khi sắp cần, tôi sẽ đưa ông ta tới.

Ông không nói thêm, cả đêm qua ông không chớp mắt được lúc nào, mặt ông tái nhợt hơn lúc nào hết, mắt sững húp.

Ông Giáo sư đang ngủ khi ông Beaupere đến nơi tạm giam tìm ông.

— Họ đi tìm ông đấy! Ông được thừa kế gia tài của Rockefeller rồi!

Một người bạn tù đã hét vào tai ông khi thấy nhân viên của bộ phận “điều tra quyền lợi các gia đình” tới nơi.

Ông già nhìn viên thanh tra không ngạc nhiên, không sợ hãi nhưng cái đó không có nghĩa là ông biết người bắt giữ ông đêm hôm qua là ai. Ông tìm giày, cái này rất quan trọng vì ở đây giữa người với người là giày dép.

Ông đã tìm thấy chúng và đi vào chân mà không hiểu tại sao người ta đã tống mình vào cái thế giới xa lạ này.

Không hỏi là sẽ đi tới đâu, ông cứ lẻo đẻo đi theo viên cảnh sát bí hiểm này. Khi đi qua trạm gác, ông phải ký vào một cuốn sổ và nhắm mắt lại vì ánh sáng mặt trời.

Lên khỏi tầng hầm, ông Beaupere muốn đi dạo một vòng quanh Sở Cảnh sát nhưng ngại rằng kẻ lang thang không muốn như vậy. Hình như ông già bị chóng mặt, đi không vững nữa.

— Đói à?

Trong điều kiện của mình hiện nay, ông già không dám trả lời là không, nhưng viên thanh tra đã hiểu vì đáng nhẽ đi thẳng về Sở thì ông ta lại rẽ vào một quán ăn trên Quảng trường Dauphine.

— Vang đỏ chứ?

Ông già không ngạc nhiên về sự hào hiệp ấy. Ông biết đời là thế. Ông biết mình hôm nay rơi vào tay người này, hôm khác vào tay người khác và ông sẽ được hưởng những cú đá vào chân.

Người chủ quán không hỏi nhiều chỉ nháy mắt nói thêm:

— Một lít chứ?

Một cốc vang xanh, ông già uống một ngụm lớn. Sau đó ông cầm lấy cái

nút và với một thói quen ông đút nó vào túi. Người ông tỉnh táo hẳn lên như một cái cây vừa được tưới nước. Nhưng ông vẫn tỏ vẻ ngập ngừng khi bước lên cầu thang của Sở Cảnh sát.

Mỗi khi có việc, ông Beaupere lại phải đi tìm một văn phòng để ở, vì ba mươi năm công tác ông không hề có văn phòng riêng của mình. Ông thường gõ vào mấy cánh cửa và được trả lời bằng những tiếng cầu nhàu.

May thay hôm ấy một nửa số nhân viên đã đi nghỉ.

— Mời ông ngồi.

Ông thanh tra này không xưng hô mày tao như những người khác. Ông ấy cũng không làm ra vẻ quan trọng hoặc bí mật. Ông lấy trong túi ra một cuốn sổ tay lớn như kiểu ghi chép những yêu cầu đặt hàng.

— Tôi có thể không?

Ông già hỏi và lấy chai rượu vang uống dở ra. Lần này sau khi uống, ông thở dài nghĩ đến những chuyện đêm hôm qua.

— Tên ông là gì?

— Người ta gọi tôi là Giáo sư.

— Ông có thể chứng minh không?

Ông già tìm không phải trong túi mà là trong mũ một tấm giấy bìa cứng nhàu nát trên đó người ta đọc mãi mới ra: *Félix Legalle*. Về nghề nghiệp người ta ghi là nhật giẻ rách, chắc chắn một phần đêm ông ta đi bới các thùng rác. Ngược với điều người ta nghĩ, ông ta chưa đến sáu mươi năm tuổi.

— Ông biết ông René Bouvet chứ?

Ông già nhìn người hỏi bằng cặp mắt nghi ngờ, chưa rõ câu hỏi.

— Ông ta làm nghề gì?

— Đêm hôm qua... - Viên thanh tra gợi ý.

Ông già hiểu ngay sự bối rối của viên thanh tra người đã đếm từng ngày, từng đêm và từng lít vang đỏ nữa.

— Ông vẫn nghe tôi đấy chứ?

— Vâng, thưa ông. Liệu tôi có thể...?

Lần này ông đã cầm sẵn chai rượu trên tay trước khi hỏi.

— Ông chú ý nghe đây. Hôm kia là ngày ông Bouvet qua đời bên một

quán sách trên bến cảng.

Nói đến đây ông Beaupere đưa tấm ảnh thứ nhất trên báo ra.

— Ông biết người này chứ?

— Vâng.

— Tại sao đêm hôm qua ông lảng vảng trước cửa ngôi nhà ấy ở bến cảng Toumelle?

— Tôi quý trọng ông ấy.

— Ông chơi bời thân thiết với ông ta ư?

Ông già chau mày trước mỗi câu hỏi như sợ rằng không hiểu hết ý của nó. Đầu óc ông lúc này như đang trong một lớp mây mù.

— Ông có biết tên ông ta là Bouvet không?

— Không.

— Ông có biết ông ta có một cái tên khác không?

— Không.

— Ông gọi ông ta bằng cái tên nào?

Ông già không hiểu. Ông Beaupere hỏi nhanh quá.

— Ông thường gặp ông ta chứ?

— Thường gặp.

— Lâu chưa?

— Tôi không biết. Lâu rồi.

— Một năm ư?

— Nhiều hơn.

— Mười năm ư?

— Tôi không biết.

— Ông ta gọi ông là gì.

— Ông ấy không gọi tên tôi.

Có một vài điều lảng quên. Sau khi tợp một ngụm rượu, ông già lấy mu bàn tay lau miệng, nhưng rượu còn vương trên râu.

— Ông với ông ta làm quen với nhau ở đâu? Ông nghĩ cho kỹ trước khi trả lời, Tôi hỏi ông, lần đầu tiên ông gặp ông ta ở đâu?

Ông Legalle chăm chăm nhìn ra cửa sổ, trán cau lại: ông ta không đủ sức để nghĩ nữa.

— Tôi không biết.

— Ở Paris ư?

— Chắc chắn là ở khu phố Maubert. Có thể là tôi đang ngồi câu cá thì ông ấy tới nói chuyện. Tôi thường đi câu. Bây giờ thì tôi cho là không lâu lắm đâu.

— Ông ta có nói mình làm nghề gì không?

— Tại sao?

— Ông nghe kỹ đây. Khi xem báo biết tin ông ta đã qua đời, ông đã đến trước cửa ngôi nhà. Liệu ông có muốn vào không?

Có thể nói câu hỏi đó là một con đường rộng rãi để trả lời. Trong căn phòng nhỏ nhưng có hàng ngàn thứ làm ông già quan tâm. Ông già cầm lấy chiếc chặn giấy như đứa trẻ cầm lấy cái xẻng để xúc tuyết.

— Ông có muốn vào không?

— Tôi muốn gặp ông ấy.

— Tại sao ông không hỏi bà gác cổng.

Một nụ cười trên miệng ông già, một nụ cười chế giễu. Một người cảnh sát bằng này tuổi mà không nghĩ đến việc liệu bà gác cổng có thể cho một người như ông vào trong nhà không?

— Ông có định vào trong nhà mà không ai trông thấy không? Ông chưa bao giờ vào trong nhà chứ? Ông ta có mời ông vào trong nhà không?

Hai người đều nói tiếng Pháp cả, tất nhiên là như vậy. Nhưng không cùng loại ngôn ngữ. Ông già bắt đầu thất vọng, ông quyết định cố gắng trả lời trong chừng mực có thể của mình.

— Nói cách khác ông chỉ gặp ông ta ở ngoài phố thôi ư?

— Ngoài phố, trên bến cảng...

— Ông ta nói những gì với ông?

— Tôi không biết.

— Ông ta coi ông như một người bạn ư?

Cái đó là rất khó, tuy nhiên ông Beaupere là người có nghị lực và kiên nhẫn.

— Ông ta có cho ông tiền không?

— Thường cho tiền.

— Nhiều không?
— Không nhiều. Đủ để mua một hoặc hai lít rượu.
— Có lúc nào ông ta cùng ông vào uống trong một quán rượu không?
— Ông ấy không uống rượu.
— Tại sao ông biết?
— Vì ông ấy đã nói như vậy. Uống rượu sinh bệnh tật. Cũng vì lý do ấy nên...

Ông già yên lặng giữ lại một phần bí mật cho mình.

— Nên làm sao?
— Tôi không biết.
— Ông từ chối trả lời ư?
— Tôi không từ chối. Tôi không biết.
— Ông ta có kể ngày xưa ông ta làm nghề gì không?
— Không.
— Ông có biết ông ta rất giàu không?
— Tôi nghi ngờ điều đó.
— Tại sao?
— Vì ông ấy nói năng như một người trước kia giàu có thì đúng hơn.
— Ông giải thích rõ xem nào.
— Ông ấy không thích tiền.
— Vậy thì ai thích?

Ông già nhìn người hỏi chuyện với cặp mắt van vãn, không xin phép, ông ta lại tợp một ngụm rượu. Sau đó như nói cho mình nghe.

— Rất khó giải thích và tôi không tin chắc. Ông ấy đề ra cho tôi những câu hỏi. Ông ấy quan sát tôi và quan sát những người khác...

— Những người khác nào?
— Những người như tôi.
— Ông ta muốn biết điều gì?

— Như mỗi khi ông ấy muốn tôi thay đổi cuộc sống... Làm thế nào mà người ta nhận tôi xuống làm việc trên các xà lan của Đội quân cứu thế... Nếu bị cảnh sát tóm được thì sao... Tôi không biết... Thật là phức tạp... Tôi không có thói quen suy nghĩ... Tôi cảm thấy ông ấy muốn đến...

- Đến đâu?
- Đến với chúng tôi. Tôi có thể nhầm lẫn. Vì những câu hỏi của ông ấy... Và cũng vì ông ấy cứ chạy theo tôi... Nhiều khi ông ấy đứng đợi tôi hàng giờ...
- Đứng ở đâu?
- Ở phố Maubert, hoặc chỗ khác...
- Ông ta chán ghét xã hội ư?
- Xã hội nào?
- Ông ta có nói với ông về vợ, về con gái và về việc kinh doanh của ông ta không?
- Tôi biết ông ấy có những cái đó. Ông ấy chỉ nói ám chỉ thôi.
- Tại sao ông ta lại bắt chợt từ bỏ những cái đó?
- Ông già ngạc nhiên nhìn viên thanh tra.
- Ông cũng không hiểu ư?
- Có thể vì lý do gì ông ta sống một cuộc đời ẩn dật ở khu phố Toumelle? Ông nói là ông ta không uống rượu kia mà...
- Vì ông ấy không thể.
- Nếu ông ấy uống thì sao?
- Tôi cho rằng cái đó sẽ đến.
- Ông ta sẽ trở thành một kẻ lang thang ư?
- Legalle gật đầu nhưng trong mắt ông có đôi chút tinh quái.
- Như tôi thường nói với ông ấy không chỉ có cái rét làm người ta đau đớn
- Thế còn cái đói thì sao?
- Không. Ông ấy biết tất cả những cái đó.
- Nói tóm lại, theo ông, nếu ông Bouvet đi theo các ông thì đó là do ý muốn được sống như các ông, đúng không?
- Có thể. Tôi cho rằng còn những người khác cũng muốn như vậy.
- Thực tế ông đã là một vị giáo sư ư?
- Có thể nhưng không hoàn toàn như vậy.
- Là giáo viên ư?
- Cái đó đã lâu lắm rồi.

— Ông uống đi, nếu ông muốn, ông Legalle, nhưng hãy nghe tôi. Rất cần thiết, không phải chỉ đối với cảnh sát mà còn đối với nhiều người, là biết rõ quá khứ của ông Bouvet. Rất có thể là ông ta có một cái tên khác, có thể là nhiều tên khác nữa. Hiện giờ ông là người mà ông ta chuyện trò nhiều nhất. Ông vẫn nghe tôi nói đấy chứ? Đây không phải là phản bội. Trước hết vì ông ta đã qua đời. Sau đó, chúng tôi không tố cáo ông. Điều quan trọng là phải biết rõ ông ta là ai.

— Tại sao?

— Vì ông ta có vợ, có một người con gái, có những cổ đông, có tiền và có những dự định trong công việc. Ông ta có nói chuyện về vợ con với ông không?

— Có thể.

— Nói như thế nào?

— Ông ấy nói bóng gió về một “kẻ quấy rầy”. Tôi cho rằng đấy là vợ ông ấy.

— Thế còn người con gái thì sao?

— Ông ấy hỏi tôi có con không. Tôi trả lời rằng tôi không biết. Người ta không thể nào biết được, đúng không?

— Và ông ta nói thế nào?

— Cái đó chẳng đáp ứng được gì cho câu hỏi.

— Vậy ông kết luận ra sao?

— Tất cả.

— Tất cả những gì?

— Tôi cho rằng ông ấy đã có một con tàu và ông ấy đã sống trên tàu. Tôi không biết danh từ, nhưng tôi thấy ông ấy có một cái nhìn đặc biệt những chiếc xà lan trên sông.

— Ông cho rằng ông ta không sung sướng ư?

Một sự ngạc nhiên thể hiện trong cặp mắt của Legalle.

— Tại sao?

— Chẳng phải ông ấy đã luyện tiếc cuộc sống cũ của mình đó sao?

Tốt hơn cả là uống. Và lúc này một tia nắng mặt trời đã rơi vào mặt ông già làm ông phải lim dim cặp mắt quen nhìn ban đêm.

— Có bao giờ ông thấy ông ta đi với một bà già, mặt mày nhợt nhạt, ăn vận xoàng xĩnh không?

Ông già lắc đầu.

— Có bao giờ ông thấy ông ta đi xe buýt vào một ngôi nhà ở khu phố khác không?

— Một lần khi tôi đang ngồi trên Quảng trường Vosges thì thấy ông ấy đi qua.

— Về hướng nào?

— Tôi quên rồi. Ông ta ngừng lại một lúc để nhìn lên cửa sổ một ngôi nhà.

— Nhà nào?

— Ngôi nhà đầu phố Francis Bourgeois trên quảng trường, trước mặt có một cửa hàng bán thuốc lá.

— Ông có tin chắc là không còn chuyện gì để nói với tôi không?

— Tin chắc. Ông là người tốt. Tôi đã cố nhớ lại tất cả.

Ông Beaupere đáng thương ghi vào trong sổ tay được rất ít tin tức.

○○○

Và trong lúc ấy, trong nhà mình bà gác cổng đang trả lời một viên cảnh sát cấp cao, một người như đang chơi trò mèo vờn chuột với bà.

Trên lầu ba, lúc này người ta đang mặc bộ complet màu xanh nước biển, bộ complet thứ ba, cho người chết để chụp ảnh. Có thể bà Jeanne phải hét lên nếu thấy cái cảnh người ta trang điểm cho bộ mặt ông Bouvet để làm ra vẻ ông còn sống.

Người ta lục lọi khắp nơi. Người ta chụp ảnh mọi chỗ. Đây là một nhà máy. Phóng viên nhà báo tràn vào ngôi nhà. Họ gõ cửa mọi căn hộ để phong vấn mọi người thuê nhà. Một người trong số họ cho thằng con trai nhà Sardot kẹo để moi tin tức. Thằng bé ném kẹo xuống cầu thang, hăm hăm nhìn anh ta và nói:

— Ông ấy là bạn tôi!

○○○

Mười hai giờ bốn mươi phút trưa, ở nhà ga phía bắc cửa Paris có hai người từ xe lửa bước xuống, một ông to béo, một ông ít to béo hơn, mỗi người mang một chiếc cặp da vôi vàng vấy chiếc taxi đầu tiên gặp được.

— Đến Sở Cảnh sát. Nhanh lên!

Họ có vẻ quan trọng, hút những điếu xì gà lớn, nói với nhau bằng tiếng flamangant nên người lái xe nghe mà chẳng hiểu được gì.

Đến Sở Cảnh sát, người to béo hơn cả đi thẳng vào văn phòng của ông Giám đốc.

— Tôi là Joris Costerman - Ông ta tự giới thiệu.

— Rất hân hạnh...

— Đi cùng tôi có ông luật sư cố vấn, không may ông ấy không nói được tiếng Pháp. Ông đã nhận được bức điện tín của tôi rồi chứ? Người ta chưa chôn ông ta, đúng không?

Tóc ông ta màu xám cắt theo kiểu bàn chải, trên người từ đầu đến chân toát ra mùi xì gà. Ông ta đưa hộp thuốc ra mời ông Giám đốc, ông này từ chối nói rằng mình hút tẩu.

— Tôi đợi chuyện này từ lâu vì tôi không phải là người của hôm qua, đúng không?

Tại sao lại là người của hôm qua, ông ta không nói rõ, nhưng chắc chắn là ông ta hài lòng với bản thân. Cái đó thấy được qua cách ngồi trên chiếc ghế bành, cách bắt chéo hai cẳng chân ngăn cùn cồn.

— Trước hết, cũng như tôi, các ông đã khám phá ra, như báo chí đã đăng tải, rằng ông ta không phải là Bouvet. Tốt! Điểm thứ nhất! Sau đó tôi lại được biết, cách đây mười năm, ông ta cũng không phải là Marsh. Điểm thứ hai! Và ông sẽ thấy cái đó là rất phức tạp. Ông Cornelius có thể giải thích cho ông nếu ông ấy nói được tiếng Pháp. Hậu quả thứ nhất, bà Marsh nhưng không phải là bà Marsh khi cho rằng họ kết hôn với nhau ở Panama dưới cái tên đó. Hôn nhân dưới một cái tên giả thì sẽ tự động coi như là không có. Vậy, cô Marsh cũng không phải là cô Marsh nữa.

Câu chuyện thật hấp dẫn.

— Ông vẫn nghe tôi nói đấy chứ?

— Tôi vẫn nghe. Điều tôi muốn biết do đâu mà ông nói Marsh không

phải là tên thật của ông ấy?

Costerman nháy mắt cho Cornelius và dịch lại câu hỏi cho ông này.

— Rất đơn giản - Ông Costerman nói tiếp - Nhưng lại là một câu chuyện rất dài. Tôi năm nay bảy mươi sáu tuổi, thưa ông. Bề ngoài có vẻ ít hơn, nhưng thực ra là như vậy? Và tôi đã sống ở Congo hai chục năm. Ông biết Congo chứ? Không ư? Không quan trọng. Năm ba mươi tuổi tôi làm việc cho Công ty Kim loại. Tôi kiếm được nhiều tiền, nhưng kiếm đến đâu tôi tiêu hết đến đấy. Tôi không lấy vợ. Tôi sống trong rừng rậm và khi tôi xuống Stanleyville là để chè chén, tôi xin nói với ông như vậy.

— Ông gặp ông Marsh ở Congo ư?

— Marsh nhưng không phải là Marsh vì thời kỳ này ông ta coi mình là Marsh. Đúng thế. Đúng hơn nữa là ông ta chạy theo tôi vì cần tôi. Ông ta được khoáng sản Ouagi. Ông Cornelius là luật sư cố vấn của tôi.

Ông luật sư có vẻ biết tiếng Pháp vì ông ta đã gật đầu như để xác nhận câu chuyện.

— Đây là một cái mỏ dễ khai thác và trữ lượng lớn. Tất nhiên phải với điều kiện khai thác có hiệu quả. Trong năm năm - tôi cùng làm việc với ông Marsh năm năm - chỉ có một khó khăn là có đủ nhân công và giữ được họ ở lại với mỏ. Đến năm thứ sáu, sau khi thoả thuận với ông ta, tôi trở về Bỉ để điều khiển văn phòng của Công ty và tôi không có dịp nào trở lại Congo để xem ông ta còn ở đấy không.

— Ông có biết ông ấy đã kết hôn không?

— Tôi đã nhìn thấy vợ ông ta. Một con người lộng lẫy. Có thể là không dễ dãi lắm nhưng lộng lẫy. Tôi không hiểu tại sao bây giờ mọi người quay lưng lại với bà ta.

— Ông ấy yêu vợ chứ?

— Ông nói gì? Xin lỗi, hình như ông không biết gì cả. Tôi không biết có phải để chạy trốn vợ nên ông ta phải sang sống ở Congo không. Ông ta cho đầy đủ tiền theo ý muốn của bà ấy để được bình yên. Về phần mình, bà ta cũng rất sung sướng, sống xa hoa trên mọi thành phố lớn của Châu Âu.

— Và ông biết gì về sự mất tích của ông ấy?

— Thoạt tiên, chúng tôi không lo ngại gì, nghĩ rằng ông ta sẽ trở về vào

một ngày nào đó. Thật là khó khăn khi muốn biết những người ở bên ấy ra sao. Không ai nghĩ đến một vụ tai nạn, cũng không ai nghĩ là ông ta ra đi một cách tự nguyện. Chỉ hai năm sau tôi mới cảm thấy nghi ngờ và lo ngại và tôi gửi đến Chính phủ Mỹ để hỏi những tin về ông ta. Những giấy tờ lưu trữ cho biết ông ta sinh ở Santa Cruz thuộc bang Californie, không xa San Francisco là mấy. Người ta điều tra thì biết không có ai tên là Marsh tới Santa Cruz, cũng như vùng lân cận, và kết luận đây là căn cước giả.

Chừng như hiểu ý của câu trả lời Cornelius De Grief bắt đầu cựa quậy.

— Có thể ông sẽ hỏi chúng tôi tại sao không khai báo từ hồi đó. Xin ông hiểu cho, cái đó không liên quan gì đến chúng tôi. Công ty chúng tôi là một công ty vô danh và phần lớn cổ phần trong tay người có tên là Samuel Marsh. Chúng tôi không thể sử dụng số tiền ấy. Nó được gửi ở ngân hàng dưới cái tên ông ta. Chúng tôi chỉ biết một điều số tiền ấy đã bị phong tỏa.

Bà Marsh đã gây cho chúng tôi rất nhiều khó khăn. Bà ta đòi tiền trước mặt ba người luật sư của bà. Cái quan trọng là chúng tôi phải có một thái độ đúng đắn. Còn tuyên bố với bà ta: “Marsh không phải là Marsh, và bà không phải là bà Marsh...” thì đây không phải là việc của chúng tôi.

Chúng tôi đang chờ đợi ông, ông Giám đốc. Ông đã thấy rõ chúng tôi làm việc đứng đắn như thế nào rồi. Việc cuối cùng là của toà án. Việc trước mắt của ông là điều tra xem Samuel là ai và vì sao ông ta lại biến mất. Khi được biết rõ điều này, tôi và ông Cornelius sẽ có mặt ở toà với những tài liệu của mình và chúng ta sẽ tranh cãi.

Ông ta rút khăn tay ra và cẩn thận lau mặt, phúi nhẹ những tàn thuốc rơi xuống áo.

— Ông có mang theo những tài liệu của Chính phủ Mỹ đấy không?

Costerman nói với Cornelius bằng tiếng flamingant và ông này mở cặp lấy ra một tập hồ sơ màu vàng.

— Đây chỉ là những bản sao. Ông biết là chúng tôi không thể có bản chính được. Ông sẽ thấy ở đây bản trả lời của toà Thị Chính Santa Cruz và bản dịch của nó cùng các văn bản đính theo.

— Nói xem, ông Costerman, ông Marsh có vai trò như thế nào trong Công ty?

— Ông ta có số vốn hai trăm francs Bì vào thời ấy. Ông sẽ tự tính ra giá trị của nó hiện nay. Trước toà án chúng tôi sẽ có những con tính cụ thể. Số tiền hiện nay dưới cái tên của Marsh lên tới năm chục triệu francs.

— Ông ấy không muốn sử dụng toàn bộ hoặc một phần số tiền ấy ư?

— Không bao giờ.

— Ông ấy không nghĩ đến việc giao cho ngân hàng trách nhiệm tự động định kỳ trả cho vợ và con gái một khoản tiền nào đó ư?

— Không tự động. Ông ta viết thư yêu cầu chúng tôi chuyển một số tiền là bao nhiêu đó vào tài khoản của bà Marsh ở Paris, ở Londres hoặc một nơi nào đó.

— Và từ năm 1933 đến nay bà ấy không nhận được đồng nào cả ư?

— Đúng thế.

— Ông biết nhiều về Samuel Marsh, đúng không? Từ nay chúng tôi có thể nói ông là người như vậy không?

— Được thôi. Tôi biết rõ về ông ta, vâng. Tôi gặp ông ấy nhiều lần trong một tuần lễ trong suốt năm năm trời và chúng tôi đã sống chung một nhà trong vài tháng.

— Ông ấy là người thế nào?

— Ít nói.

— Ông ấy có khoẻ không?

— Khỏe hơn so với hình thức bên ngoài. Trên người có những bắp thịt.

— Ông ấy có tỏ vẻ buồn rầu không? Có sùng đạo không?

— Ông ta không vui, không buồn, không sùng đạo. Ông ta không cần đến ai cả. Có những buổi tối, ngồi hàng giờ với nhau, chúng tôi không nói với nhau một câu.

— Ông cũng vậy ư?

— Tôi thì không. Tôi hỏi, ông ta không trả lời.

— Học vấn của ông ấy ra sao?

— Ông ta là người có học.

— Ông ấy học những gì?

— Tôi không biết. Chỉ biết ông ta nói được nhiều thứ tiếng.

— Những ngôn ngữ nào?

— Tiếng Pháp...

— Rất sôi chứ?

— Không hề lơ lơ chút nào. Tiếng Anh, rõ rồi. Tôi đã thấy ông ta nói chuyện với những người Anh ở Kenya, sau đó có người hỏi ông ta đã sống ở nước Anh lâu chưa.

— Ông ấy trả lời thế nào?

— Ông ta nói mình biết nước Anh. Có lần tôi thấy ông ta nói cả tiếng Thổ Nhĩ Kỳ nữa.

— Tiếng Tây Ban Nha thì sao?

— Rất thành thạo.

— Ông ấy có đọc nhiều không?

— Tôi chỉ thấy ông ta đọc báo thôi.

— Ông ấy không nói gì về gia đình, về thời thơ ấu, về trường đại học của mình ư?

— Không hề.

— Vậy thì ông ấy nói về cái gì?

— Tôi đã bảo là ông ta không nói kia mà. Ông ta dành thời gian để đàm đúm với những phụ nữ da đen, ông ta có cả một hậu cung.

— Tóm lại ông hoàn toàn không biết ông ta đi đâu phải không?

— Vâng, thưa ông.

— Ông cũng không biết ông ta đang ở nước nào ư?

— Không. Nhưng bây giờ thì rõ rồi. Do đó tôi sợ người ta đã mai táng người qua đời.

— Ông ở Paris được bao lâu?

— Cho đến ngày mai, Ông Comelius có cuộc hẹn quan trọng ở Anvers. Còn tôi thì phải đi gặp ông Giám đốc ngân hàng ngay sau đây.

— Ông không thể theo dõi sát sao vụ này ư?

— Đó là việc của ông Comelius. Chúng tôi sẽ có mặt ở toà án. Về phần mình, tôi rất yên tâm.

— Ông có thể cho tôi biết ông trọ ở khách sạn nào không?

— Khách sạn Ý. Tôi thường tới nghỉ ở đấy.

Ông ta quên việc người đối thoại hút thuốc tẩu nên lại đưa xì gà ra mời

lần nữa. Sau đó ông ta ra về có Comelius đi theo.

Ông Giám đốc vào văn phòng của các thanh tra, hỏi người gặp đầu tiên:

— Anh rồi việc chứ?

— Vâng, thưa ông.

— Đi theo dõi hai người vừa ra khỏi cơ quan. Họ còn ở dưới nhà. Họ nghỉ ở Khách sạn Ý.

Ông trở về văn phòng của mình với bộ mặt cau có. Trong lúc này trong tay ông có rất ít người và vụ án ở phố Toumelle lại quá phức tạp.

Ông nhắc mấy điện thoại hỏi:

— Ai phụ trách vụ Bouvet?

— Sáng nay Lucas đã đi cùng với một thanh tra rồi.

Mười phút sau Lucas gọi dây nói cho ông.

— Tôi không biết phải làm gì, thưa sếp. Thợ chụp ảnh nói họ không làm được gì nếu không mang tử thi về Phòng căn cước.

Ông Giám đốc không còn dịp nhìn thấy ngôi nhà trắng cũng như không gặp bà gác cổng, nói lời báo trước:

— Mang ông ấy đi rồi về gặp tôi ngay.

Không có gió bão nhưng tinh thần bà Jeanne rất căng thẳng. Suốt cả buổi sáng, bà như là một con mèo bối rối xoay quanh đàn con.

Bà rất khiêm tốn, trả lời mọi câu hỏi người ta đặt ra. Từ khi còn ít tuổi người ta đã dạy dỗ bà biết vâng lời, và những người đến đây đều là những người có quyền lực. Cũng như người mẹ sinh ra bà, bà vâng lời ông mục sư, ông đốc công, ông chủ và cả những người ít quyền lực hơn, kể cả những người vận động phục đến ghi số điện.

Một người nào đó lên thang gác và bà nghe người ta bảo nhau:

— Ông biện lý.

Không phải vì bà mà mọi người tới đây. Bà không có việc gì làm ngoài việc trả lời những câu hỏi mà người ta lần lượt đưa ra làm bà phải cố gắng nhớ lại.

— Bà hãy cố gắng một chút! Bà cố nhớ lại.

Đúng là họ không ngờ vực là bà giấu giếm một cái gì đó.

— Ai cũng có giấy tờ, dù là ít.

Cái đó rất hợp lý. Bà cũng có. Chúng được đặt trong liên súp và không được dùng đến. Trong đó có một giấy giá thú, một thẻ quân nhân của người chồng và những văn bản khác đã ố vàng.

— Xin thề rằng tôi không trông thấy giấy tờ gì của ông ấy cả.

Người ta đã làm cho ông Ferdinand say khướt, chắc chắn đây là cánh nhà báo thường chạy sang quán rượu bên cạnh để gọi nhờ điện thoại. Và cái lão mất dạy ấy, mặt đỏ gay, mắt lắc lảo, đã ra vẻ ta đây là nhân vật quan trọng.

— Khi tới đây thuê nhà, ông ta có nói tại sao mình lại không thuê ở chỗ khác không?

— Ông ấy không nói gì cả.

Bà còn nhớ ngày đầu gặp ông Bouvet thì ông ấy tỏ ra lạnh nhạt và xa cách. Nhưng người ta thường nhầm lẫn về con người.

Câu hỏi nào cũng làm bà bối rối.

Những người khác như vợ chồng nhà Sardot, nhà Buteau hoặc người nhạc công thì người ta chỉ hỏi một cách ngẫu nhiên hoặc chỉ khi rất cần thiết. Một số người sinh trưởng trong khu phố này và họ không muốn rời đi nơi khác. Một số người khác tới đây làm ăn. Họ ít nhiều đều là hàng xóm của nhau cả. Một số người tới chỉ vì có căn hộ chưa ai thuê và giá cả phù hợp với túi tiền của mình. Cuộc sống đã đưa đẩy họ, họ không lựa chọn, cũng như bà Jeanne không chọn nghề gác cổng cho mình.

Những cái đó thoát đầu chưa rõ ràng trong tâm trí bà, mà chúng là do kết quả của một sự khám phá, một sự khám phá cảm động.

Càng nghĩ thì càng thấy rõ ông Bouvet đã có sự lựa chọn. Với những đồng tiền vàng ấy, học vấn ấy, ông ấy có thể sống ở bất cứ đâu, trong một biệt thự ở Côte d'Azur, một lâu đài ở nông thôn hoặc một khách sạn sang trọng ở Champs Elysée. Ông ấy có thể sống trong một ngôi nhà mới, hiện đại, với một phòng tắm có những dụng cụ mạ kền sáng loáng, với một lò sưởi trung tâm. Ông ấy có thể có nhiều kẻ hầu người hạ. Nhưng ông ấy đã tới đây, trên bến cảng này, trong ngôi nhà cổ sơn trắng này mà bà cố gắng giữ gìn sạch sẽ, cố gắng làm cho mọi người, kẻ giàu, người nghèo sống hoà thuận với nhau, không quá căm ghét nhau.

Bà suy nghĩ theo ý thích, nhưng liệu họ có cho bà suy nghĩ không? Từ sáng sớm đến giữa trưa, mọi người xúm lại hỏi bà, khi có một vài phút không phải trả lời thì bà lại phải chạy lên chạy xuống, và rồi lại phải nghe những câu hỏi khác nữa.

○○○

Cuộc đời đầy rẫy ngẫu nhiên! Sự ngẫu nhiên muốn anh thanh niên người Mỹ ra bến cảng đúng cái ngày hôm ấy, và sự ngẫu nhiên muốn anh ta đi với chiếc máy ảnh trên tay. Nếu những tấm ảnh Epinal không rơi lả tả xung quanh ông Bouvet thì chưa chắc anh sinh viên ấy đã chụp ảnh ông. Nếu có

tiền trong túi thì chưa chắc anh ta đã đi bán cuộn phim cho một tờ báo buổi chiều.

Anh ta vô tội. Anh ta đi thêm Rome hai ngày sau đó thì sang bên kia bờ Đại Tây Dương mà không hề nghĩ đến ông già mặc chiếc veston màu sáng ngã xuống vỉa hè mà phía trước là nhà thờ Notre Dame.

Nếu không có tấm ảnh ấy thì mọi người, kể cả ông Bouvet, không thể thấy trước được mọi việc sẽ diễn ra theo cách này, và bây giờ mọi việc như sắp sửa kết thúc.

Hôm nay phải đưa tang, đúng thế. Ông Sardot đã xin phép nhà in nghỉ buổi sáng. Bà Jeanne đã bố trí một bà thay mình gác cổng trong một vài tiếng đồng hồ.

Mọi người, những người hàng xóm thuê nhà, những người láng giềng, những người bán hàng trong khu phố, những người bán sách cũ, đã sẵn sàng dù cho hôm nay là một ngày tháng tám nóng bức.

Phòng tang lễ được sắp đặt gọn ghẽ, bà Jeanne đã mượn được hai cây nến bằng bạc có nhiều nhánh cắm nến và đi mua thêm những cây nến mới. Vòng hoa đã được đặt trước. Có thể khi trở về, bà Jeanne, theo phong tục, còn đãi mỗi người một cốc rượu nhỏ nữa chăng?

Không chỉ không có gió bão mà mặt trời rất rạng rỡ, không mây, không một làn gió và rất nóng nực. Các bà tuy đã mặc áo mỏng nhưng lưng áo đã đầm mồ hôi.

Người ta không thể nào biết trước được mọi việc. Vào khoảng một giờ trưa, trong lúc một số người đi ăn, một số người đang dọn dẹp nhà cửa thì bà Jeanne sững người khi nhìn qua tấm rèm thấy một chiếc ô tô khủng khiếp: đó là một chiếc xe hòm sơn màu xanh sậm, rất dễ dàng biết nó sẽ dừng lại ở đâu.

Hai kẻ vũ phu xuống xe khiêng một chiếc cang đến hỏi người cảnh sát đang đứng gác:

— Ở đâu?

— Trên lầu ba.

Bà muốn hỏi ông Bouvet hiện giờ được ăn mặc như thế nào, người ta sẽ thu xếp việc này ra sao nhưng chân đã quỵ xuống, bà phải ngồi lại. Một

người hỏi chuyện thằng bé con nhà Sardot đang đứng trong phòng xếp mớ tối.

— Nói xem, anh bạn...

— Tôi không phải là bạn của ông.

Người bạn của nó là ông già qua đời đã bị người ta làm tình làm tội và bây giờ họ lại mang ông ấy đi.

Người ta nghe thấy những bước chân đi xuống, những tiếng va chạm của chiếc cang đụng vào các đồ đạc hoặc tường nhà. Xác người được phủ bằng một chiếc chăn dạ màu đen bẩn thỉu như đã nhặt được ở góc phố nào đó của Paris.

Bà Jeanne hỏi Lucas đang đứng trước cửa.

— Các anh mang ông ấy đi đâu?

— Đến phòng Căn cước của Sở Cảnh sát. Có những xét nghiệm không thể làm ở đây được.

— Rồi các anh trả ông ấy về đây chứ?

Anh ta nhìn đi nơi khác.

— Các anh không trả về ư?

— Tôi không phải là người quyết định.

— Thế còn tang lễ? Chúng tôi phải làm gì bây giờ?

Người ta đóng cửa xe rầm rầm và máy đã nổ.

— Người ta chưa thể chôn ông ấy ngay được. Còn phải đợi kết luận của Viện Pháp y.

Đọc báo, bà biết đây là cái tên mới của nhà xác. Có lần bà đã tới để thăm một bà thuê nhà chết đuối. Chỉ có sàn nhà lát gạch trắng men với những cái xác trần truồng và những vòi nước chảy suốt ngày đêm để làm mát bầu không khí ở đây.

Có lẽ bây giờ đỡ tồi tệ hơn. Người ta đã đặt xác người vào trong những chiếc ngăn kéo bằng sắt đánh số trong phòng làm lạnh.

Thằng bé con nhà Sardot không khóc, và bà cũng vậy.

— Chúng tôi không muốn như vậy. Chúng tôi làm theo bốn phận của mình. - Người cảnh sát nói. - Không phải như vậy. - Anh ta có vẻ khó chịu.

— Tôi muốn lên để thu xếp lại căn hộ.

— Cửa đã bị niêm phong rồi.

— Thế cứ để lộn xộn như vậy ư?

— Cái đó không quan trọng, bà hãy tin tôi. Có thể tôi còn quay trở lại. Bà có thấy đây là một vụ án phức tạp không, có thể có những chuyện đột xuất.

Ông Bouvet đi một mình trong chiếc xe hòm ấy, không có áo quan. Ngồi nhà với hần người đi. Chỉ còn vài nhà báo ở lại, hỏi một vài câu với hy vọng mình không quên gì cả.

Ông Ferdinand đi lảo đảo trên vỉa hè, và bà buộc ông phải về đi ngủ. Ông ta chống cự lại. Đây là lần đầu tiên người ta đối xử cứng rắn với ông. Ông đã nói với các nhà báo, như nói với những người bạn thân, về ông Bouvet làm như mình biết rõ ông này lắm. Có trời mới biết ông đã nói những gì! Những cái đó có thể được đăng lên các báo không?

— Đừng giãy giụa nữa! Để tôi cởi giày cho ông...

Người chồng rất sợ vợ vì bà có thể đánh ông nhưng ông đã quyết định trốn đi để uống rượu và để kể những câu chuyện kỳ lạ trong quán rượu ở khu phố. Ông tin chắc ảnh của mình sẽ được đăng lên báo.

— Đẹp mặt nhỉ. Ông lại muốn đau ốm đấy ư?

Bà xếp giày vào tủ và khoá lại để ông không thể trốn được khi bà vắng mặt. Từ trong cửa sổ nhìn ra, bà lại thấy ông già nhỏ bé đang đi chậm chạp, cổ chai một lít đựng rượu thò ra ngoài túi áo.

Cần phải viết tất cả những chuyện này cho chủ nhà đang đi nghỉ ở Biarritz, nhưng bây giờ thì phải ăn đã. Bà dùng một miếng bánh, một mẩu pho mát và một tách cà phê. Bà chưa ăn hết nửa số thức ăn trên thì ông Ferdinand đã ngáy.

○○○

Bà Marsh, người để hầu hết thời gian ở trong các tiệm nhảy với những người trẻ tuổi, đã nói với luật sư Rigal:

— Congo đã làm ông ấy phát điên, ông biết không? Tôi tin chắc rằng ông ấy không hiểu những điều mình nói và cũng không biết mình là ai nữa.

Ông Rigal không cãi lại, vì thật là thừa khi gây chuyện với một nữ thân chủ sau này có thể trở nên thú vị, nhưng ông cũng có một ý kiến nhỏ về việc này. Tuy nhiên đây không phải là một ý kiến rõ ràng lắm. Ông ta đã có vợ con, một văn phòng luật sư quan trọng; từ lâu ông cũng có một tình nhân gây ra cho ông nhiều phiền muộn và, nhiều đêm nằm trên giường ông đã có ý nghĩ bỏ tất cả và ra đi.

Cái đó thật là mơ hồ. Có thể xảy ra ở một người nào khác chứ không thể là ông. Nhưng biết đâu những giấc mơ ấy lại thành hiện thực thì sao?

Ông Costerman không đi xa hơn. Trước hết phải chứng minh được bà Marsh không có chút quyền nào để hưởng thừa kế, phải khẳng định là Comelius đã bảo đảm cho Công ty khai thác khoáng sản Ouagi không gặp điều gì phiền phức.

Còn thanh tra Lucas thì đang gặp khó khăn trong một vụ ăm trộm đêm ở đây, không giống như những vụ trộm thông thường, thực hiện với những phương pháp kỳ cục.

Có phải hăn đã chuẩn bị, có thể giả danh thành khách tới thăm thì hăn lại đóng vai người nhạc công. Bà Jeanne thì không tin chắc hăn có xưng tên khi đi qua cửa không. Kết quả cũng như vậy thôi. Hăn đã chuẩn bị kỹ về giờ giấc, tin chắc rằng bà gác cổng không có sự đề phòng. Hăn đã mở cửa mà không để lại một dấu vết nào cả! Hăn không lấy những đồng tiền vàng. Vậy hăn đã lấy gì?

Một vấn đề thú vị được đặt ra: có phải người có tên là René Bouvet, sinh ở Wimille, đã làm việc ấy không? Hay là Samuel Marsh, đã sống ở Santa Cruz và mỏ Ouagi đã tới đây không?

— Lucas khốn khổ, tôi sợ rằng chúng ta không thể kết thúc được vụ này.

Ông Giám đốc Sở Cảnh sát đã bảo anh như vậy.

Đây là một công việc quá sức nhưng lại có những trách nhiệm nặng nề, hơn nữa thời kỳ này mọi người đang đi nghỉ cả. Đã có hai luật sư can thiệp vào công việc, luật sư của bà Marsh và người luật sư nói tiếng flamingant đi theo Costerman.

Lucas giải thích:

— Báo chí đã bắt đầu làm rùm beng vụ này lên với những tấm ảnh chụp

được sáng hôm nay. Bà gác cổng không biết gì cả. Trong nhà không có lấy một dấu vết, không có một vật gì có thể nghi vấn để tìm ra dấu vết cả. Quần áo, giày dép đều mua ở Paris cả. Những tấm ảnh Epinal đều mua của các cửa hiệu sách cũ.

— Ông Beaupere đã hỏi ông già lang thang nhưng cũng không biết gì hơn.

Họ đi ăn. Lucas về nhà còn ông Giám đốc tới một quán ăn ở Quảng trường Dauphine gần cơ quan.

Trong khi chờ đợi người ta giao cho mình việc khác, thì ông Beaupere làm việc theo cách của mình. Đây là một con người bận rộn, muốn thấy rõ toàn bộ vấn đề trước khi đi sâu vào từng vấn đề cụ thể. Ông đã học tập và rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình. Ông đã vãi mồ hôi trán, và cả mồ hôi chân nữa, để gia đình và khu phố biết ông là con người như thế nào.

Từ câu chuyện của ông già sáng hôm nay, ông chỉ lưu ý một chi tiết: ông Bouvet đã tới Quảng trường Vosges để nhìn ngôi nhà ở góc phố Francs Bourgeois.

Bà gác cổng ở đây không giống như bà gác cổng ở phố Toumelle. Đây là một bà già mang kính mắt, mặc bộ đồ lụa màu đen, vẽ mặt cau có.

Ông đưa tấm thẻ cảnh sát ra.

— Tôi không hiểu ông quan tâm đến cái gì trong ngôi nhà này?

— Bà có biết ông Bouvet không?

— Tôi chưa từng nghe nói đến ông ta.

— Còn ông Marsh thì sao?

— Ở chỗ chúng tôi chỉ có ông Marchal, trên lầu bốn, đã sống hai mươi năm năm ở đây và có cô con gái lấy chồng tuần lễ trước.

Ông Beaupere sử dụng bức ảnh của anh sinh viên người Mỹ in trên báo.

— Bà đã nhìn thấy người này bao giờ chưa?

Bà gác cổng nhìn chăm chú, thay cả kính mắt nữa, rồi lắc đầu.

— Trong nhà có nhiều người thuê nhà không?

— Ba mươi hai hộ. Nhưng hầu hết đã đi nghỉ rồi.

— Trong nhà có bà già nào vận đồ đen không?

— Ông muốn hỏi bà Lair ư?
— Bà ta vẫn ở Paris ư?
— Đã ba năm nay bà ấy không rời khỏi nhà.
— Bà Lair là người thế nào?
— Một bà già hiền lành, người ở phương bắc. Bà ấy đã sống mười lăm năm ở đây.

— Mặt bà ta có xanh xao không?
— Mặt bà ấy xanh xao mỗi khi đau đớn.
— Chân bà ta có bị đau không?
— Như mọi bà già. Nhưng không phải chỉ có phụ nữ bị đau chân đâu. Bà gác cổng nhìn vào đôi giày quá cỡ của ông Beaupere.
— Lúc này bà ta đang ở trên lầu ư?
— Bà ấy ít khi rời khỏi nhà.
— Bà có thấy chiều hôm kia bà ta đã đi ra ngoài phố không?
— Tôi không canh gác những người thuê nhà.
— Bà ta có người giúp việc không?
— Bà ấy có một bà nấu bếp, một bà hầu phòng. Bà ấy rất giàu. Các con gái đã lấy chồng. Trước chiến tranh bà ấy còn có cả người lái xe nữa.

Ông Beaupere ngấp ngừng nhưng vẫn lên thang gác sau khi bỏ một thỏi kẹo cao su vào miệng như bỏ tiền vào ống tiền.

Thang gác rất rộng, có hai cánh cửa và tay vịn bằng gỗ chạm như nhà của cơ quan Nhà nước, nhưng rất tối. Ông giật chuông và đợi. Ông không có thói quen chờ đợi những bước chân từ rất xa đi tới.

Có hai phòng khách rất rộng, một tủ sách. Ông hỏi người phụ nữ trạc bốn chục tuổi, đầu đội một chiếc mũ trắng viền đăng ten, ra mở cửa:

— Bà Lair có nhà không?
— Ông có cuộc hẹn ư?
— Có nghĩa là...
— Bà Lair không tiếp nếu không có hẹn.
Ông đưa tấm thẻ ra.
— Tôi là cảnh sát.
— Ông muốn nói chuyện trực tiếp với bà ấy ư?

Người ta để ông đứng chờ ngoài hành lang để vào báo cho chủ nhà và một lúc rất lâu sau đó cánh cửa lại được mở ra.

— Bà chủ đang nghỉ trưa. Bà ấy yêu cầu ông đợi cho một lát.

Người ta không mời ông ngồi và ông cũng không dám ngồi xuống một trong những chiếc ghế bành bọc nhung kia. Ông đứng như đang đứng trong kho đồ thờ nhìn những đồ gỗ, đồ pha lê choáng lộn. Cho đến bây giờ ông mới nhìn thấy sự giàu có như thế này. Trong phòng còn có gác lửng nữa. Tường không dán giấy mà được ốp bằng gỗ chạm trổ, lấp lánh, những tấm đồng đen có những cây đèn gắn vào.

Người ta nghe thấy hai tiếng tích tắc của hai chiếc đồng hồ một lúc, một trong phòng khách, một ở phòng ngủ của bà Lair tuy ở khá xa. Ngoài ra không có tiếng động nào khác..

Đây là một thế giới riêng khép kín, cả ánh nắng mặt trời cũng có một màu sắc riêng, nghiêm trang và oai vệ.

Ông giật mình khi cánh cửa bên trái mà ông không hề chú ý đến bật mở và một bà già tóc bạc trắng đang đứng trước mặt.

Ông hiểu ngay mình đã nhầm. Đây không phải là bà già, chân đi giày vải, đã đến phố Toumelle, đặt một bó hoa tím vào tay bà gác cổng.

— Người ta nói ông muốn gặp tôi ư?

Bà già không chỉ tay vào một trong những chiếc ghế bành mà vào một chiếc ghế tựa mời ông ngồi.

— Ông là cảnh sát ư?

Ông Beaupere khó chịu khi bị người khác coi mình như là một kẻ quấy rầy định đưa tấm thẻ ra nhưng bà già ra hiệu làm như vậy là vô ích vì bà ta đã tin ông.

— Tôi xin lỗi vì đã làm phiền bà. Tôi đang tiến hành một cuộc điều tra khá tế nhị là tìm căn cước của một người vừa qua đời ở bến cảng Toumelle.

Ông không dám nhìn mặt bà già vì chắc chắn bà vẫn tỏ vẻ dửng dưng như khi mới gặp nhưng ông cũng nhận ra hai bàn tay đi găng thừa mắt của bà ta đang nắm chặt lấy nhau.

— Có thể là bà đã thấy ảnh của ông ta trên báo chứ?

Đưa mắt nhìn lên, ông thấy chủ nhà tỏ ra ngập ngừng:

— Xin lỗi bà một lần nữa, tôi phải làm tròn bốn phận của mình, đúng không? Cho phép tôi đưa bà xem bức ảnh đó.

Ông đứng lên, đưa tấm ảnh trên tờ báo ra.

— Ông ta sống trong một căn hộ của một ngôi nhà ở phố Toumelle, dưới cái tên là René Bouvet.

Tay bà già không run khi cầm tờ báo. Có thể nói rằng giây phút cảm động của bà ta đã qua.

— Ông là thanh tra ư?

— Vâng, thưa bà, tôi phụ trách “điều tra quyền lợi các gia đình”.

— Là trường hợp này ư?

— Đúng thế. Khi công bố bức ảnh này, một phụ nữ nhận ông ta là chồng mình tên là Samuel Marsh đã mất tích trong nhiều năm nay.

— Như vậy...

— Chỉ có điều chúng tôi biết Marsh cũng không phải là tên thật của ông ta.

— Tôi cho rằng ông ta có một gia tài kếch xù phải không?

— Người ta chưa xác định cái đó là bao nhiêu. Ông ấy có một gia tài, đúng thế.

— Mời ông ngồi xuống, được không? Tôi không muốn nói chuyện với người đang đứng.

— Xin lỗi bà.

— Ông có thể cho tôi biết ai đã gợi ý cho ông tới gặp tôi không? Tôi cho rằng ông không đến đây một cách ngẫu nhiên, rằng cảnh sát Pháp chưa báo động cho các đồn cảnh sát của Paris chứ?

Ông Beaupere không đỏ mặt vì máu trong người ông không chảy mạnh nhưng ông đã đứng lên vì biết rằng bây giờ đã đến lúc. Không thể để bà già điều khiển được ông. Ông không đứng trước một bà gác cổng mà trước một phụ nữ thông minh mà quyền lực của ông chỉ có giới hạn. Nếu nói thật thì có thể ông không thu được gì, ngược lại, bà sẽ biết ông là người nói dối.

Và ông hơi mỉm cười như đồng sự của ông thường làm và lắc đầu.

— Xin lỗi, thưa bà, nhưng tôi không thể tiết lộ những chi tiết của cuộc điều tra. Đây là bốn phận của tôi, thưa bà.

Đáng lẽ phải bức mình thì bà ta lại tỏ vẻ kính trọng và yên lặng.

— Tóm lại, ông không thể cho tôi biết những điều ông nắm được, thưa ông?

— Không, thưa bà.

— Vậy ông muốn gì ở tôi?

Mặc kệ! Đây là sự may rủi. Trong nghề, ông chưa bao giờ gặp tình huống này.

— Bà có biết ông Bouvet không? Có nghĩa là bà có biết người có ảnh đăng trên báo không?

— Ông có lý do cho rằng tôi biết ư?

— Nói xem, thưa bà, bà đã đọc tờ báo mà bà đang cầm trên tay chứ?

— Có thể.

— Đặc điểm là phía dưới đầu gối bên chân phải của ông Bouvet có một vết sẹo nhỏ hình ngôi sao.

— Tôi muốn nhìn vết sẹo ấy có được không?

— Tôi không biết.

— Bà có tên là bà Marsh mà ông vừa nói là người thế nào?

— Tôi chưa nhìn thấy bà ta. Đó là một người cao tuổi nhưng rất xinh đẹp và hãy còn đom đống lắm.

— Một phụ nữ đứng đắn chứ?

— Tôi không biết.

— Ông cũng không thấy con gái của bà ấy chứ?

— Tôi chỉ điều tra một phần của vụ này thôi.

— Ai đã cho ông địa chỉ của tôi?

Có thể ông phải nói mình không biết gì cả và đã gõ nhầm cửa chẳng?

— Chồng tôi tên là Lair, đúng thế, và đã qua đời mười lăm năm nay rồi.

— Vâng, thưa bà.

— Ông ấy là người đứng đầu Công ty Đường sắt phía bắc nước Pháp.

— Vâng, thưa bà.

— Cha tôi tên là Lamblot. Desire Lamblot, ông có nghe nói đến cái tên đó không?

— Không, thưa bà.

— Vợ ông có đan len không?

Ông không nghĩ là bà ta gợi ý: len Lamblot.

— Tôi là người thừa kế nhà máy len và nhà máy dệt của cha tôi ở Roubais.

— Vâng thưa bà.

— Bây giờ thì con rể tôi đang điều khiển các nhà máy đó. Tôi cho rằng ông không biết gì về tôi trước khi ông tới đây.

— Có nghĩa là...

— Tôi nghe ông đây...

— Không có gì, thưa bà. Tôi xin lỗi bà nếu tôi đã nhầm lẫn. Tôi muốn tin chắc rằng bà không biết ông Bouvet.

— Bây giờ rồi, thưa ông...

Bà ta đợi ông xưng tên mình.

— Beaupere.

— Bây giờ rồi, thưa ông Beaupere?

Đáng lẽ nhìn chiếc đồng hồ treo tường thì người cảnh sát lại lấy chiếc đồng hồ quả quýt trong túi ra trước hết xem nó có chạy không.

— Hai giờ hai mươi năm phút.

— Năm phút nữa thì người đại diện pháp luật của tôi, ông Guichard, sẽ có mặt ở đây.

Đã có hai luật sư trong vụ này, bây giờ lại thêm một ông đại diện pháp luật nữa.

— Ông có biết tại sao ông ta tới đây không?

Ông Beaupere yên lặng.

— Ông Giám đốc Sở Cảnh sát tên là gì, thưa ông?

— Ông Guillaume.

— Tôi và người đại diện pháp luật của mình phải tới gặp ông Guillaume. Lúc này chắc chắn ông Guichard đã gọi điện xin một cuộc hẹn với ông ta rồi.

Ông hỏi một câu khiến bà ta không thể không mỉm cười.

— Bà quen ông ấy, đúng không?

— Ai kia?

— Ông Bouvet.

— Nhìn trong ảnh, và nhất là việc ông mô tả vết sẹo thì đây là anh trai tôi.

Ông không động đậy. Một chút rung mình vì vui mừng, vì tự kiêu chạy dọc sống lưng ông. Cuối cùng thì ông Beaupere đã một mình tới đây do sáng kiến của chính mình.

— Ông biết ông ấy chứ?

— Không, thưa bà.

— Bây giờ, chúng ta nói riêng với nhau thôi, ông cho tôi biết những điều mà ông nắm được xem nào.

Ông không thể nói mình không biết gì cả, mà nói:

— Có một người đã thấy ông Bouvet nhìn ngôi nhà này rất lâu.

— A! Ông tin chắc chứ? Chuyện ấy xảy ra cách đây lâu chưa?

— Tôi sẽ kiểm tra lại. Chắc rằng đã nhiều tuần lễ rồi.

— Đó là tất cả ư?

— Tôi cũng được tin hầu như ngay sau khi báo đăng tin này bà đã đến bến cảng Toumelle.

— Và ai là người nhìn thấy tôi?

— Bà gác cổng đã nói chuyện với bà.

— Không, nhưng...

Ông cảm thấy ngượng ngùng. Nhưng cái đó chẳng có gì là quan trọng. Chuông gọi cửa sắp sửa réo lên. Ông chưa biết căn cước thực sự của René Bouvet trước kia tên là Lamblot.

— Ông có thấy, thưa ông... Tên ông là gì nhỉ?

— Beaupere.

— Ông có thấy, thưa ông Beaupere, tất cả những chuyện này thật là kỳ cục vì tôi chưa bao giờ đến Toumelle và tôi chỉ đọc báo vào buổi tối khi đã đi nằm. Thoạt tiên tôi chỉ thấy hao hao giống vì chúng tôi đã xa nhau nhiều năm, hai mươi ba năm. Chỉ đến hôm qua khi báo đăng về vết sẹo thì tôi biết ngay đây là anh tôi và tôi đã gọi điện cho người đại diện pháp luật của mình. Sáng hôm nay ông ta đã tới đây và chúng tôi đã quyết định...

— Bà không mang bó hoa tím ư?

Ông bậm môi. Làm như đấy là bà già đi men theo tường, mang một bó hoa tím trên tay tới bến cảng Toumelle và đưa cho bà Jeanne!

Có tiếng chuông gọi cửa. Người đại diện pháp luật đến rất đúng giờ.

Còn một bà già khác đau chân đã...

Từ Sở Cảnh sát đến Phòng Căn cước trong khu Toà án gần giống như một khách sạn từ phòng ăn đến bếp. Không lớn như bếp của một khách sạn, nhưng ở Phòng Căn cước người ta có thể xắn tay áo lên và nói những danh từ nghề nghiệp của mình.

Đối với những người ở dưới tầng hầm của Sở Cảnh sát thì người chết ở phố Toumelle như một “kẻ quấy rầy” trong những vấn đề ông Bouvet đặt ra. Đối với những người trên tầng thượng thì đây lại là một “món ăn ngon lành”, ông Bouvet đã làm phát sinh rất nhiều công việc vừa tế nhị vừa có tính chất nghệ thuật.

— Các anh đã xong việc với cái xác của tôi chưa?

Thình thoảng những người phụ trách chiếc xe hòm lại hỏi họ để chở người chết đến Viện Pháp y.

Mỗi lần nhìn vào xác chết là một lần người ta lo ngại cho nó vì trời rất nóng, người ta sợ nó bị “mối mọt”. Từ sáng đến lúc này, xác người được chụp ảnh trong mọi tư thế, ngồi và đứng, và được mặc bằng nhiều bộ đồ khác nhau.

Công việc có tính chất nghệ thuật hơn cả là người ta làm cho ông Bouvet trẻ lại hai chục tuổi bằng việc hoá trang và đội món tóc giả như ở nhà hát kịch.

Xác chết quả là đã mệt mỏi. Lúc mà ông Beaupere rời khỏi Quảng trường Vosges là lúc người ta trả tử thi cho Viện Pháp y.

Người ta đặt ông Bouvet lên cang và khiêng đi trong lúc người phụ trách xe hòm nói mà không hề có ác ý gì:

— Đưa “con nghê” vào đây!

Cánh cửa phòng xét nghiệm được mở to. Hầu hết những nhà chuyên môn đã đi dùng bữa. Những tấm ảnh đầu tiên đã xuất hiện trên báo, sau khi

đã được sửa sang một cách tỉ mỉ để tái hiện lại ông Bouvet qua các thời kỳ.

Bà Lair và ông đại diện pháp luật không mời ông Beaupere cùng đến Sở Cảnh sát. Sẽ không tệ nhĩ lắm khi có một người như ông Beaupere trong cuộc gặp gỡ với ông Giám đốc. Từ cửa hàng bán thuốc lá trên phố Francs Bourgeois, ông Beaupere gọi điện thoại về cho sếp.

— Người em gái của ông Bouvet và người đại diện pháp luật vừa ra khỏi nhà.

— Ông đã nói chuyện với bà ta chứ? Bà ta là người thế nào.

— Một bà già khác thường.

— Ông còn việc gì phải làm tiếp?

— Tôi còn một bà già trong khu phố cần tìm nếu không ai làm việc này.

—A! Ông làm tiếp đi, ông Beaupere.

Người ta không muốn làm ông phật ý. Vụ án đã đến lúc phải có những giải pháp cần thiết nên người ta mặc cho viên thanh tra già với bộ mặt khắc khổ muốn làm gì thì làm.

Như vậy là đủ. Ông Beaupere lại tiếp tục đến các cửa hiệu, gặp các bà gác cổng, đặt ra cùng một câu hỏi:

— Bà có biết một bà già to béo, mặt xanh xao, mặc bộ đồ đen khá xoàng xĩnh, đau chân và đi đôi giày vải không?

Người ta nhún vai, hoặc tò mò nhìn ông hoặc chỉ cho ông những bà già sống trên lầu năm, lầu sáu của ngôi nhà.

Ông đã có những cuộc điều tra tương tự nhưng kéo dài nhiều tuần lễ kể cả đối với những bà bán hoa, đặc biệt những người có hoa tím, những người đánh xe ngựa.

Mọi người đều khát, trừ ông Beaupere. Mọi người vội vàng vào quán rượu, thấm mồ hôi gọi bia hoặc rượu vang trắng với vẻ hài lòng. Các quán rượu chật ních người và những đứa trẻ nắm lại tay mẹ chúng và ăn những chiếc kem lạnh buốt.

Cái đã giúp ông, giúp ông trong suốt cuộc đời, là không bao giờ ông thấy việc làm của mình là vô ích, phù phiếm. Ông là một bánh xe ở vào chỗ không nhìn thấy được của guồng máy cảnh sát. Ông được cơ quan kính trọng đối với cá nhân ông và những việc làm của ông. Vợ ông đã giúp đỡ

ông nhiều. Bà tự hào nói với những người xung quanh:

— Chồng tôi là một thanh tra cảnh sát.

Người đại diện pháp luật, luật sư Guichard, là một người cao tuổi, vẻ đáng kính, hôn tay bà Lair khi gặp nhau. Ông ta đã ngoài sáu mươi năm còn ông Beaupere chỉ mới năm mươi hai và ông này cho rằng những người này đang sống như chưa hề được sinh ra.

Ông Bouvet là người đánh dấu vào lịch sử khi ông Beaupere còn khóc oe oe.

Thật là tẻ nhạt. Ông nhìn phớt lờ và những người xung quanh bằng cặp mắt khác cố tưởng tượng ra cách ăn mặc vào thời kỳ 1900, những ngọn đèn thấp bằng ga và những cỗ xe ngựa.

Năm mươi hai tuổi, ông Beaupere chưa cảm thấy mình già. Nhiều lúc ông vẫn cảm thấy mình còn là trẻ con.

Những người khác có như vậy không?

Còn sống, liệu ông Bouvet có coi ông là một đứa trẻ không?

Thật là phức tạp. Nhưng trước hết phải tìm bằng được bà già cầm bó hoa tím có rất nhiều trong khu phố này. Có thể nói trong mỗi nhà đều có một bà già như vậy cũng như mỗi nhà có một bà gác cổng và mỗi bà già đều có một tên họ, một tên thường gọi và một cách mỉm cười khác nhau. Một số thì bị tàn tật, không rời khỏi căn phòng của mình, một số người ít tuổi thì trông trẻ con và làm công việc nội trợ. Người ta cũng còn thấy nhiều bà ngồi trên ghế đá trong công viên với vẻ không để ý đến những chuyện xung quanh.

— Thưa bà, bà có nhìn thấy một bà già...

Có thể người ta sẽ kéo ông Beaupere ra khỏi việc này.

○○○

Những tấm ảnh vừa in xong được trải trên bàn của ông Giám đốc, và bà Lair nhìn chúng mà không tỏ một vẻ cảm động nào.

— Lần cuối cùng sống với nhau thì anh trai tôi hai mươi ba tuổi, còn tôi mười tám. Tôi ngạc nhiên khi thấy ông ấy ít thay đổi đến như vậy. Ví dụ

như khi nhìn tấm ảnh này, tôi có cảm giác như được gặp lại anh tôi. Nếu không có vết sẹo thì tôi không thể khẳng định được.

Người ta đưa cho bà xem tấm ảnh chụp vết sẹo được phóng to lên nhiều lần.

— Năm mười bốn tuổi anh tôi đã trèo lên cây và bị ngã. Chân phải của anh ấy bị vướng vào một gốc cây để lại một vết sẹo xấu xí. Tôi nhớ anh ấy phải nằm trên giường hai tháng ròng. Tôi cứ tưởng chân anh ấy bị gãy. Liệu tôi có thể nhìn thi hài anh tôi được không?

— Chắc chắn là được. Tôi sẽ thu xếp.

— Tôi xin lỗi là đã mời ông Guichard cùng đi, nhưng đây là một người bạn tận tâm. Tôi cho rằng ông ấy sẽ làm các thủ tục cần thiết. Tôi không biết nhiều về việc này.

Ông Giám đốc mới năm chục tuổi, ông ít tuổi hơn ông Beaupere.

— Liệu bà có thể nói về gia đình mình được không? Cái đó sẽ giúp ích nhiều cho chúng tôi.

— Ông muốn biết những gì?

— Tất cả những điều mà bà sẽ nói với tôi.

— Ông đã nghe nói về cha tôi, người đã xây dựng các nhà máy dệt Lamblot.

Bà ta lấy làm tiếc vì đã không mang theo quyển album để chỉ ông Desire Lamblot, mặc áo sơ-đan-h-gốt cài cúc đến tận cổ, có bộ mặt to với những chòm râu má rậm rạp.

— Cha tôi chỉ có hai người con, anh tôi và tôi. Đây là một con người nghiêm khắc như mọi người cha trong thời kỳ ấy, ít nhất là đối với các nhà kỹ nghệ ở Roubais.

— Tôi cho rằng ông cụ muốn người con trai nối nghiệp mình, đúng không?

— Không thể có một nghề nghiệp nào khác. Và tôi cho rằng cái đó vẫn còn ở Roubais, ở Tourcoing và ở Lille và nhất là ngành sản xuất len.

— Bà có con trai không, bà Lair?

— Chỉ có con gái, khốn thay. Một trong số các con rể của tôi đứng ra điều khiển nhà máy.

— Bà biết gì về anh trai mình?

— Là những điều người ta biết về người anh cả, có nghĩa là rất ít. Anh ấy có ảnh hưởng lớn đối với tôi vì anh ấy nhiều tuổi hơn tôi và nhất là tôi thấy anh ấy đẹp trai và thông minh. Cuối cùng tôi đứng về phe anh ấy để chống lại cha tôi.

— Ông ta không ưa cha mình về điều gì?

— Hai người không bao giờ hoà thuận với nhau cả.

— Còn bà thì sao?

— Tôi cho rằng cha tôi quá cứng rắn. Cuộc sống trong nhà được sắp đặt như trong nhà máy và, đến năm mười hai tuổi tôi vẫn chưa được phép nói trong khi ăn. Còn anh tôi, tuy đã mười bảy tuổi, nếu xuống phòng ăn chậm một phút thì vẫn bị cha tôi nhìn mà không nói gì, và Gaston (tên anh tôi) biết cái đó có nghĩa là: nhịn ăn và lên phòng ngủ đi nằm.

— Ông Gaston được học hành như thế nào?

— Lúc ấy anh ấy học ở trường trung học, anh ấy là học trò tốt, học trò xuất sắc trong lớp, Cha tôi đòi hỏi như vậy.

— Đòi hỏi ư?

— Vâng. Cả tôi cũng bị bắt buộc phải đứng đầu lớp. Gaston đã vâng lời. Sau đó bỗng nhiên anh ấy thụt lùi, cuối cùng thi đậu tú tài vừa sát điểm.

— Ông ấy có những bạn gái chứ?

— Vâng.

— Ông ấy có kể cho bà nghe những cuộc phiêu lưu tình ái của mình không?

— Có. Tuy tôi còn là một đứa trẻ nhưng anh ấy đã kể tất cả. Anh ấy yêu một cô gái hát trong quán rượu gần nhà ga ở Lille. Khi cô ta đi Paris thì anh ấy quyết định đi theo cô ta và anh ấy đã sửa soạn vali.

— Ai đã ngăn cản ông ấy làm việc này.

— Mẹ tôi vào trong phòng thấy hành lý đã sắp sẵn. Bà không dám nói gì với chồng vì bà cũng sợ ông như chúng tôi. Cuối cùng thì Gaston đã hứa sẽ ở lại nhà.

— Ông ấy có hay nóng nảy, giận dữ không?

— Trái lại, khi hai cha con cãi nhau thì chính anh ấy là người bình tĩnh

nhất. Cái làm tôi nhớ nhất là nụ cười của anh, chỉ hơi nhếch mép về một bên. Khi anh ấy cười kiểu ấy với tôi thì tôi đã giậm chân cho rằng mình bị lãng nhục.

— Ông ấy thương yêu em gái chứ?

— Tôi không biết. Thời trẻ, anh ấy chịu đau đớn một mình, sống cách biệt với mọi người. Anh ấy đọc rất nhiều sách. Hễ bắt được là cha tôi đốt sách đi khiến Gaston nhiều khi phải vào phòng ngủ để đọc.

— Bà vừa nói ông ấy đã thổ lộ những chuyện riêng tư với bà kia mà?

— Tôi nói là anh ấy kể lại những cuộc phiêu lưu tình ái của mình. Nhưng tôi cho đấy là anh tôi nói với chính mình, nói để xác định cá nhân mình.

Thật là lạ lùng khi thấy ba người đối thoại cùng nhếch mép cười. Có thể nụ cười của hai người đàn ông là do bị ảnh hưởng nụ cười của bà già chăng? Các cửa sổ vẫn để ngỏ. Nhưng họ như đang ở rất xa Paris về mặt không gian và thời gian.

Họ có một cảm giác buồn tẻ như đang sống trong một ngôi nhà cổ xây bằng đá như một pháo đài có tu viện, có phố xá chật hẹp trong những buổi chiều mùa đông.

— Bà thấy ông anh bà là người thế nào?

— Tôi có thể nhầm lẫn.

Bà nhìn hai người với vẻ bối rối.

— Tôi cho rằng anh ấy cũng như mọi người thôi... Đến tuổi nào đó, chúng ta có thể đánh giá về con người đó... Khi tôi chưa vào tu viện...

Nói tới đây bà có vẻ xấu hổ.

— Ông hiểu là tôi định nói gì rồi. Khi còn sống với Gaston tôi thấy anh ấy có vẻ phiền muộn về vẻ điển trai của mình và làm ra vẻ mình là một trí thức chán chường.

— Lúc ấy ông Gaston bao nhiêu tuổi?

— Mười bốn. Sau đó anh bắt đầu đọc tiểu thuyết Nga. Anh ấy để tóc dài, không cắt móng tay và nhìn cha tôi với một vẻ uất hận.

— Ông ấy có bạn bè không?

— Không. Không có bạn thân. Mẹ tôi muốn tổ chức một cuộc gặp mặt

giữa anh và các bạn bè của anh. Khi mẹ tôi hỏi nên mời những ai thì anh ấy trả lời: “Không mời ai cả”. Rồi anh ấy nói thêm với vẻ khinh miệt: “Đó là những hồn ma!” hoặc: “Đó là những con rối.”

— Ông ấy ham mê những gì?

— Tất cả.

— Có nghĩa là?

— Tất cả nhưng không chú tâm đến vấn đề gì. Có một điều chắc chắn: anh ấy không thích nổi nghiệp cha và nói thêm: “Đó là một kẻ nô lệ. Hạnh phúc cho cha là ông cụ không biết cái đó!”

— Ông ấy bỏ nhà ra đi từ hồi nào?

— Từ ngày anh ấy đi Paris để tiếp tục việc học hành. Cha tôi bắt buộc anh ấy học ở trường luật rồi về quản lý nhà máy.

— Ông cụ có cho ông Gaston nhiều tiền không?

— Rất ít. Thời kỳ đầu anh ấy về Roubaix vào mỗi thứ bảy như qui định của cha tôi. Sau đó thưa dần và bắt đầu có chuyện cãi cọ.

— Ông anh bà đã thay đổi ư?

— Rất khó nói. Tôi là một cô gái sống trong một môi trường mà anh ấy không thích. Anh ấy không nói chuyện gì với tôi cả, chỉ trả lời những vấn đề thật cần thiết và gọi tôi là “cô gái” với vẻ che chở. Cũng nhiều lúc anh ấy tỏ ra khiêm tốn khi tôi nói anh có cái đầu độc đoán, có lúc anh ấy sống lại thời thơ ấu, vui đùa với tôi.

— Quan hệ giữa con trai với người cha như thế nào?

— Không nên công bố những điều tôi nói với ông sau đây, đúng không? Nó là chuyện riêng tư của mỗi gia đình. Tiếp đó anh gọi cha là “ông già keo kiệt”. Anh ấy biết một chuyện gì đó về ông cụ nhưng không nói ra. Mãi sau này, trong thành phố, người ta nói cha tôi có quan hệ với một bà có danh tiếng ở Lille. Khi anh tôi nói bóng gió về chuyện này thì ông cụ chỉ biết cúi đầu.

Xin lỗi vì đã nói những chuyện không đâu. Người ta nói hạnh phúc gia đình chỉ có khi con cái còn nhỏ và một khi chúng lớn lên thì gia đình bắt đầu tan rã. Chính vì lý do ấy mà tôi ít gặp các con và đàn cháu của tôi. Người già và người trẻ không nên sống cùng một nhà.

Mẹ tôi sinh ra đau ốm. Một trong những ông chú tôi bắt đầu nghiện ngập rượu chè và người ta nói đến chuyện này như là một nỗi nhục của gia đình Lamblot. Gaston ít về nhà hơn và những chuyến trở về của anh gây ra một sự khó chịu cho mọi người. Cuối cùng thì anh ấy bỏ đi, không nói với ai một lời.

— Có nghĩa là?

— Anh ấy mất tích. Chúng tôi không nhận được một tin tức nào của anh ấy. Cha tôi cử người đi Paris để tìm anh ấy nhưng cũng không thấy. Địa chỉ cuối cùng của anh ấy là một khách sạn trên phố Đức Ông, nơi anh ấy sống chung với một cô gái mà tôi không nhớ tên.

— Còn cô gái thì sao?

— Cũng mất tích luôn. Ông nên tìm kiếm trong các hồ sơ thời đó xem sao. Sau đó cha tôi đi Paris. Khi về, trái với sự tưởng tượng của tôi và mẹ tôi, ông không giận dữ mà tỏ ra ân hận. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là Gaston đã xuất dương và người ta đã tìm kiếm anh trên các hải cảng. Ở trường Luật người ta nói anh ấy đã bỏ học, không gặp mặt bạn bè một năm nay.

— Như vậy bà không biết gì về hoạt động của ông ấy ở Paris vào những năm cuối cùng ấy, đúng không?

— Không biết gì cả. Cái còn lại trong tâm trí tôi đó là sự suy sụp của cha tôi. Ông cụ vẫn duy trì cách sống kiểu cũ, bắt mọi người phải theo đúng giờ giấc qui định. Ông cụ vẫn làm mọi việc như ngày xưa, nói năng vẫn những lời lẽ ấy. Cuối cùng ông cụ chỉ còn là cái bóng trong gia đình. Sau này tôi được biết, người thư ký của cha tôi đã cho đăng vào mục nhắn tin trên các báo, không chỉ ở Pháp mà còn ở nhiều nước ngoài nữa. Nội dung tin nhắn như sau:

Gaston Lamblot - Về nhà ngay - Sẽ không bị chê trách, bảo đảm hoàn toàn tự do.

Người nhắn tin: Desire Lamblot.

Mọi người cứ tưởng mẹ tôi sẽ chết vì phiền muộn. Bà như con chim nhỏ sống trước miệng mèo. Luật sư Guichard biết rõ bà cụ vì cụ chỉ qua đời vào năm chín mươi một tuổi trong một ngôi nhà ở Quảng trường Vosges của

Paris. Chính cha tôi là người chết đột ngột một năm sau ngày ra đi của Gaston. Các nhà máy của ông cụ bị sa sút trông thấy cho đến ngày con rể tôi đứng ra quản lý.

— Lần cuối cùng anh bà trở về Roubaix là vào thời gian nào?

— Tháng bảy, năm 1897. Tôi có thể nói chính xác vì tôi đã tìm lại các giấy tờ. Thời ấy dễ chịu hơn ngày nay.

— Bà có biết trước ông ấy sẽ ra đi không?

— Điều bất hạnh là thời đó tôi ít chú ý đến anh ấy. Hôm trước anh ấy về thì hôm sau tôi phải rời Roubaix để đi Le Touquet, nơi gia đình thường tới nghỉ và nơi hẹn gặp của người chồng chưa cưới của tôi. Đối với tôi, như những lần trước, chuyến về thăm nhà của Gaston lần này chỉ là chớp nhoáng, và cha tôi vẫn tỏ ra cáu kỉnh trước mặt con trai.

— Bà có cho rằng giữa họ đã có một sự giải thích nào đó không?

— Ngược lại. Cha tôi và anh tôi không bao giờ làm như vậy.

— Ông Guichard, về phương diện pháp luật, ông thấy chuyện này như thế nào?

— Tôi chưa nói gì với thân chủ đồng thời là người bạn của tôi và bà cho phép tôi được phát biểu thay bà để mọi người không hiểu nhầm lý do cuộc thăm viếng này. Báo chí thì đưa tin về một bà Marsh và con gái, đó là con gái của... Gaston Lamblot.

Thật là kỳ lạ. Mọi người đều ngập ngừng khi nói đến tên ông ta vì không biết nên gọi ông bằng cái tên Lamblot, Marsh hay là Bouvet. Nên chẳng dùng cái tên cuối cùng, tên của người thuê nhà của bà Jeanne đã qua đời?

Đây chẳng phải là cái tên mà ông ta đã lựa chọn, như ông đã lựa chọn lối sống và cách chết của mình đấy ư?

Ông Giám đốc nói:

— Bà Marsh và người luật sư của mình đã tới đây thăm tôi.

— Tôi cũng đã được đọc tin này trên báo. Về mặt pháp lý, vai trò của bà ấy cũng rất tế nhị.

— Sáng hôm nay tôi cũng đã tiếp người cổ đông trong Công ty khai thác khoáng sản ở Ouagi do ông Samuel Marsh sáng lập.

Sau đó ông giám đốc quay sang bà Lair.

— Bà có biết ông anh bà hình như để lại một số tài sản khá lớn không?
— Tôi có thể nói với ông là tôi không chú ý đến cái đó.
— Ngoài chín trăm đồng tiền vàng và một số đồng lẻ giấu ở trong nệm giường.

Cái đó làm bà già bật cười, một nụ cười thương cảm. Bà là người duy nhất chưa nhìn thấy ông Bouvet đã sống rất lâu ở phố Toumelle.

— Không có vết sẹo ấy thì tôi chưa dám nói đây là anh ruột của mình.
— Thế còn những đồng tiền vàng thì sao?
— Trong nệm giường ư? Cái đó đã gây khốn khổ cho Gaston.
— Ngoài số tiền nhỏ ấy, ông ta rất giàu, rất giàu, như tôi nắm được ở một ngân hàng nước Bỉ. Ông ta hầu như là người chủ duy nhất của mỏ vàng ở Ouagi giá trị ước tính một trăm triệu francs Bỉ.

— Tôi còn biết hơn thế nữa.
— Bà muốn nói gì?
— Rằng sau khi gửi tiền vào ngân hàng, anh ấy để lại một số vàng nhỏ để chi dùng cho những nhu cầu của mình. Ông không hiểu ư?
— Tôi chưa hiểu.
— Chắc hẳn lúc ấy anh ấy nở một nụ cười trên môi. Cái đó như một việc đánh lừa, đúng không?
— Bà cho rằng vào cái tuổi bảy mươi sáu rồi ông ta vẫn chơi cái trò con trẻ ấy ư?
— Tôi cho rằng những người như anh ấy thì không thay đổi gì kể cả khi đã về già.

Và bà mỉm cười, nụ cười cho riêng mình.

— Những ý định của ông Marsh cần được làm rõ và tôi không hiểu toà án sẽ quyết định như thế nào.

— Xin ông Giám đốc thứ cho, tôi xin nhắc lại một lần nữa, tôi tới đây không vì cái đó. Rất đúng là người phụ nữ ấy có đúng là con gái của anh trai tôi không...

— Cái này thuộc lĩnh vực công tác của tôi. - Người đại diện pháp luật lên tiếng - Hãy để những vấn đề ấy cho pháp luật. Họ biết cách giải quyết!

Bà Lair đứng lên. Bà không thấy cần thiết vận đồ tang cũng như bỏ đồ

trang sức ra. Bà cũng không khóc nữa. Bà không nói điều gì khiến cho cuộc gặp trở nên nặng nề và bà vẫn tỏ ra vui vẻ như bầu không khí của Paris.

— Liệu tôi có thể... nhìn anh trai tôi lần cuối không?

— Tôi đang tự hỏi ông ta còn ở Phòng Cẩn cước không.

— Người ta đã mang thi hài của anh ấy đi khỏi căn hộ ấy ư?

Bà ta có vẻ như thách đố, giọng nói có vẻ trách móc.

— Chúng tôi buộc phải làm như vậy. Bà có biết đêm hôm trước có người lọt vào căn hộ của ông ta không?

— Ai vậy?

— Chúng tôi không có ý kiến gì về việc này. Dù sao kẻ ấy cũng đã lục soát một cách tỉ mỉ, chính hắn đã tìm ra những đồng tiền vàng trong nệm giường.

— Hắn không lấy đi ư?

— Hắn ra đi mà không mang theo gì cả và đó là điều làm chúng tôi bối rối. Bà gác cổng, người giúp ông ta trong công việc nội trợ, đã bị thẩm vấn ba lần. Bà ta biết rõ mọi thứ trong căn hộ ấy. Bà ta nhớ tới mức có thể gọi tên mọi đồ vật trong nhà. Bà ta nhớ rằng mình chưa hề nhìn thấy một mảnh giấy nào. Việc ông Bouvet không có giấy tờ đó là khía cạnh đặc biệt của vụ này.

Tại sao bà ta lại mỉm cười một lần nữa?

— Người đàn ông bảy mươi sáu tuổi ấy không có giấy tờ gì ngoài tấm thẻ chứng minh mang tên mình mà lúc này chúng ta biết không phải là tên thật.

— Anh trai tôi bao giờ cũng vậy. Anh ấy là người không thích giấy tờ. Chúng tôi có một cuốn album của gia đình mà mẹ tôi thường xuyên bổ sung và giữ gìn cẩn thận. Năm mười lăm tuổi, thấy việc làm của mẹ, anh ấy đã giận dữ kêu lên: “Tại sao lại giữ cả một nghĩa địa ở trong tủ? Những người chết ở các trang đầu! Rồi đến những người còn sống nhưng cũng sắp chết, Những người khác thì đến một ngày nào đó...”.

— Bà có cho rằng ông ta sợ chết không?

— Vào năm mười lăm tuổi, đúng thế. Cả tôi cũng vậy, vào cái tuổi ấy, đôi khi người ta sợ cái chết đến mức đêm đến không thể nào chợp mắt

được. Có lần thấy tôi như vậy, bãi bỏ lệnh cấm của mình, cha tôi dành cho tôi nằm cùng giường với mẹ tôi.

Liệu ông Bouvet còn sợ cái chết khi cư trú ở phố Toumelle không? Có lẽ cái đó đã xảy ra khi, mặc dù sức khỏe không tốt lắm, ông ta vẫn sống một mình.

— Alô! Phòng Căn cước đấy ư? Thi hài ông René Bouvet còn ở chỗ các anh không? Đã mang đi cách đây một tiếng đồng hồ rồi ư? Cảm ơn anh Benoit.

Ông xin lỗi.

— Có lẽ các vị phải tới Viện Pháp y thôi. Ở đây thì không tiện lắm.

— Tôi sẽ đến đó - Bà ta nói.

Bà ta hỏi thêm:

— Tôi có thể đến thăm căn hộ ấy được chứ?

— Đã dán giấy niêm phong rồi. Nếu bà muốn thì tôi sẽ cử một người đi cùng. Bà muốn tới đó vào hôm nay ư?

— Nếu việc này không làm phiền ông.

Bà ta quay sang người đại diện pháp luật.

— Tôi nghĩ rằng lúc này ông có những việc thuộc về thủ tục cần làm, đúng không?

Bà ta lại hỏi ông Giám đốc:

— Bà Marsh là người khó tính lắm ư?

— Ai nói với bà như vậy?

— Tôi đọc trên báo.

— Bà ta rất đẹp - Ông Giám đốc nói một cách không nhằm lẫn sau đó khoát tay để khỏi phải nói tiếp - Bà muốn tới phố Toumelle trước ư?

— Nếu ông cho phép.

Ông Beaupere không có mặt ở đây, nếu không thì chắc chắn ông là người được cử đi theo bà Lair. Lúc này ông ta đang ở trên phố Minage, sắp sửa rẽ vào ngoại ô Saint Antoine, không lo ngại gì những trận gió cuốn rác rưởi trên đường phố, sóng sông Seine va đập mạnh vào mạn tàu thuyền, báo hiệu một trận bão sẽ tới.

— Anh không bận gì chứ, Jussiaume?

Ông Giám đốc đi ra ngoài một lúc dặn dò viên thanh tra trong khi đó bà Lair đang đứng trước cửa sổ nhìn bến cảng nơi mà ông Bouvet đã sống.

Người ta có thể nói bà đang vui vẻ như một cô gái, đang cảm thấy câu chuyện thật kỳ diệu như những chuyện ngày xưa anh trai bà thường kể trước cửa sổ lúc ba giờ sáng.

Bà đã sống một cuộc sống êm ả phần lớn cuộc đời ở Roubaix, cũng trong ngôi nhà ấy, cũng những đồ đạc ấy với những lo âu không biết thổ lộ cùng ai. Chồng bà là một người tốt, làm cho bà hạnh phúc. Bà đã nuôi dạy các con gái và đã trở thành bà ngoại.

Thời gian trôi nhanh tới mức nhiều lần bà tự hỏi có đúng là các cháu gái bà đang ở trong tu viện, tu viện trước kia bà đã sống, và đứa cháu lớn đang nghĩ đến chuyện lấy chồng không.

Bỗng nhiên lúc này bà gặp lại Gaston như trong một ác mộng. Gaston vẫn như vậy, vẫn tìm cách giễu cợt mọi người...

— Thanh tra Jussiaume đang đợi bà. Tôi thấy không cần nhắc bà không nên bực dọc về chuyện này.

— Tôi xin hứa điều đó với ông.

Ông Giám đốc không thể không mỉm cười trước cặp mắt trẻ thơ ấy. Cái chết không phải là cái chết vì nó có vẻ khác thường. Có thể nói không chỉ một mình bà muốn biết những chuyện thiên hạ đã rõ rồi.

Không ai thấy câu chuyện xảy ra trên phố Toumelle là bí hiểm cả. Ông Bouvet đã ngã xuống vỉa hè giữa những bức ảnh vùng Epinal. Anh sinh viên người Mỹ đã không ngần ngại chụp ảnh ông vì đây là nơi đẹp nhất trong khu vực nhà thờ Notre Dame. Và tờ báo đã đăng tấm ảnh đó vì những cái chết như vậy không làm ai buồn rầu hoặc sợ hãi.

Chẳng phải là bà Jeanne cùng bà Sardot đã lau mình cho tử thi với vẻ như ông Bouvet đang sống đó sao?

— Xin cảm ơn ông Giám đốc.

Và người đại diện pháp luật nói với thân chủ của mình:

— Xin lỗi vì tôi không đi theo bà được. Tôi muốn trao đổi với ông Guillaume một vài việc.

Bão ư? Không có bão ư? Có những luồng gió nóng hối xen lẫn những

luồng gió mát lạnh. Xe taxi đã tới. Viên thanh tra khoảng bốn chục tuổi không dám hút thuốc.

— Xin mời ông hút thuốc.

Bà Lair nóng lòng muốn gặp mặt bà gác cổng đã giúp việc anh trai mình và tin chắc rằng hai người sẽ nhanh chóng thông cảm nhau thôi.

Sau khi đã thảo luận với người đại diện pháp luật về những khía cạnh kỹ thuật của vụ án và khi ông này đã ra về, ông Giám đốc cho gọi Lucas tới.

— Tôi cho rằng chúng ta đã biết căn cước của ông Bouvet - Ông Giám đốc nói - Có một bà xưng là em gái ông ta vừa gặp tôi tại văn phòng này.

Và ông nói tóm tắt cuộc gặp gỡ với viên thanh tra.

— Cần phải liên hệ với Roubaix. Không thể chỉ tin vào lời một bà già: “Người này là anh trai tôi, người mà lâu nay tôi không gặp mặt; anh tôi cũng có vết sẹo như vậy bên chân phải”.

— Bảy mươi sáu tuổi! - Lucas thở dài.

— Anh nói gì?

— Không ạ. Tôi sẽ gọi điện thoại cho đội cảnh sát lưu động ở Roubaix, ở Lille, yêu cầu đi hỏi những người ngày xưa từng đánh bi với anh chàng Lamblot. Cũng có thể trường trung học còn lưu giữ hồ sơ của học sinh cũ, cái đó sẽ giúp cho chúng ta rất nhiều, về phần mình, tôi sẽ đến trường Luật lục tìm hồ sơ, sổ sách xem hiện còn những luật sư, quan toà nào đã học ở đó cùng với người của chúng ta không. Dù sao tuổi tác của ông ta cũng làm công việc đơn giản đi nhiều: không cần thiết tìm những người từ bảy mươi năm tuổi trở xuống...

— Cái đó cũng chưa cho chúng ta rõ ông ta đã làm những gì trong thời kỳ từ khi rời Paris năm hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi cho đến năm bốn mươi năm tuổi, trở thành ông Samuel Marsh và đã có một số tài sản lớn sau đó kết hôn ở Panama.

— Sếp có cho rằng bà già ấy là người thật thà không?

— Tôi tin chắc nhưng bà ta thì có thể nhầm lẫn.

— Tôi sẽ ngạc nhiên nếu thời gian tới có những người khác tới nhận ông ta là người thân. Nhất là báo chí lại đăng ông ta có những đồng tiền vàng!

Sếp có nhớ vụ có người mắc chứng hay quên quên một trăm ngàn francs trong ví không? Chính vì số tiền ấy mà năm người đàn bà tranh giành nhau.

— Tôi không cho đây là trường hợp của bà Lair. Có thể vụ đột nhập vào căn hộ ấy sẽ cung cấp cho chúng ta những dấu vết mới.

— Tôi nghi ngờ điều này. Tôi ở đây cả buổi sáng và kết quả lại trở lại lúc ban đầu. Sếp có muốn biết cảm giác của tôi không? Tôi cho rằng việc này cũng giống như việc mà những người ở phố Saussaies đã làm.

Ông Guillaume mỉm cười. Đã có những cuộc tranh chấp giữa Sở cảnh sát với Sở An ninh, đóng ở phố Saussaies, phụ trách những vấn đề chính trị. Có khi nhà một quan chức cao cấp, một dân biểu mất trộm vật là việc của Sở Cảnh sát nhưng họ cũng xông vào.

— Xin sếp hiểu cho. Đây là công việc của một tên chuyên nghiệp, hẳn không để lại một dấu vết nào. Một tên kẻ trộm tầm cỡ cũng có thể làm được như vậy nhưng hẳn không coi thường những đồng tiền vàng. Hơn nữa hẳn thừa biết việc đột nhập này nhất định sẽ bị phát hiện ra. Xin chú ý đây chỉ là một cảm giác của tôi thôi.

— Như vậy thật là kỳ cục, đúng không?

— Chắc chắn không phải ông già lang thang đã làm việc này. Ông ta không có tiền để mua găng tay bằng cao su rồi lại vứt đi. Một thằng bé đã nhặt được đôi găng tay ấy cách ngôi nhà chừng năm trăm mét. Cũng không phải là bà Marsh vì bà ta không đủ can đảm. Tôi nghi cho người con gái và con rể bà ta.

— Người con rể làm nghề gì?

— Buôn tranh. Có thể đây là đối tượng tình nghi duy nhất. Vợ chồng họ đã ăn tiêu quá mức nên sinh ra túng quẫn. Họ sống trong một ngôi nhà hiện đại ở phố Passy nhưng đồ đạc trong nhà đều mua trả góp cả. Hai năm nay còn nợ tiền thuế. Túng tiền nhưng họ vẫn thường tới những khách sạn ở Champs Elysée, và các hộp đêm. Sếp biết rõ những cái đó.

— Phải.

— Phòng tranh của anh ta không có gì là hấp dẫn cả. Anh ta chỉ có những bức tranh cùng một loại, không có bức nào có thể gọi là tuyệt phẩm cả. Ba năm trước đây anh ta hy vọng kiếm được nhiều tiền từ một bức tranh

của Rembrandt mua được. Anh ta phải mất nhiều tháng để các chuyên gia xác minh. Cuối cùng có hai chuyên gia công nhận đây là của thật nhưng đây lại là những chuyên gia hạng xoàng. Bây giờ anh ta đang tìm người mua. Nhưng những nhà triệu phú như những triệu phú người Mỹ trong vùng này thì hầu như không có. Anh ta gửi tờ quảng cáo tranh đi New York, Boston và Chicago. Hình như có một viện bảo tàng nào đó muốn mua bức tranh ấy với giá hai trăm ngàn đôla nếu ba chuyên gia người Mỹ công nhận tính xác thực của nó.

Như đã nói, câu chuyện xảy ra cách đây ba năm. Một chuyên gia đã tới Paris nhưng không nói đúng hay sai. Một chuyên gia khác sẽ tới Bruxelles trong thời gian tới. Phải nói trước, việc này không dễ dàng gì vì Nhà nước không cho phép bán những công trình nghệ thuật ra nước ngoài. Cái đó dẫn tôi nghĩ đến việc Frank Gervais đã đột nhập vào căn hộ với đôi găng tay cao su. Chỉ có điều, trong hoàn cảnh tài chính của vợ chồng họ hiện nay thì tại sao anh ta lại không bị những đồng tiền vàng lôi kéo.

— Hay là hắn tin chắc rằng vợ hắn sẽ được thừa kế số tài sản đó?

— Tôi biết. Tôi đã nghĩ đến điều đó. Nhưng dù sao cũng không phải là anh ta. Cảnh sát viên Mariette đã kiểm tra lại thời gian biểu của anh ta. Anh ta không tới Toumelle vào cái đêm hôm ấy. Bà già của sếp cũng như vậy. Chỉ còn lại bà già của ông Beaupere thôi.

— Ông ấy đã tìm ra bà ta chưa?

— Chưa. Nhưng ông ấy sẽ tìm ra. Có thể còn những người khác sẽ tới căn hộ ấy nữa. Tôi sẽ đi nghỉ trong ba ngày! Nếu cái thằng sinh viên người Mỹ đáng nguyên rủa ấy không chụp ảnh... Sếp có thấy ông Lamblot hoặc Marsh hoặc Bouvet ấy, gọi thế nào thì tùy, có vẻ giễu đời không?

○○○

Lucas vừa đi ra, thở không khí trong lành, với vẻ không bức bối lắm thì chuông điện thoại reo vang.

— Alô. Tôi đây...

Anh đứng lại lắng nghe.

— Anh tin chắc chứ?... Vào năm nào?... 1897 ư?... Trời!... Hãy lục tìm trong kho hồ sơ xem sao... Sau đó đưa tài liệu cho tôi...

Khi gác máy, ông Guillaume nhìn người thanh tra bằng cặp mắt ranh mãnh:

— Trên kia họ đang làm công việc thường ngày của họ vì họ không hiểu đây là chuyện gì. Vì người ta đã đưa đến cho Phòng Căn cước một xác người, họ phải làm những thủ tục cần thiết. Việc lấy dấu vân tay đang phát huy tác dụng của nó.

— Tờ phiếu của ông ta có trong hồ sơ của chúng ta từ năm 1897. Đây là loại hồ sơ lâu đời nhất và rất có thể trong đó có dấu vân tay của ông ta.

Họ không phải chờ đợi lâu, một nhân viên đã mang tới tấm thẻ có ba dấu vân tay. Ông Giám đốc úp tấm thẻ xuống để đọc mặt sau.

Vụ Mancelli ngày hai mươi tám, tháng hai, năm 1897. Những dấu vân tay lấy từ con dao dùng vào việc giết người. Hung khí đã nộp cho Toà án.

Không một người nào trong cơ quan biết vụ Mancelli. Những người biết thì đã qua đời hoặc nghỉ hưu rồi.

Người ta đã không dùng tấm phiếu kiểu này từ lâu rồi, ngày xưa người ta đã làm và giao nộp nó cho Phòng Căn cước.

Chuông điện thoại lại reo vang.

— Alô. Phải... Anh tin chắc chứ?... Xin cảm ơn anh...

— Đáng tiếc - Ông Giám đốc nói với Lucas. - Còn một tập hồ sơ về Mancelli, nhưng ở đây người ta không tìm thấy nó.

— Tôi sẽ cử một người nào đó đến Toà án.

— Họ sẽ phải mất tám ngày để lục lọi trong kho hồ sơ! Tôi thấy anh có thể làm nhanh hơn bằng cách tìm trong các tập báo hàng ngày cũ.

Và bất chợt ông mỉm cười.

— Tôi đang tự hỏi không hiểu các bà già đang đón tiếp nhau như thế nào. Chắc hẳn bà Lair đang ở phố Toumelle, vui mừng vì sắp được nhìn thấy mặt người anh trai, không biết ông ta đã để lại dấu vân tay trên con dao giết người.

Đúng là bà Lair đi theo viên thanh tra đang ở trong ngôi nhà này. Bà hài lòng khi gõ cửa nhà bà Jeanne và đã cười với bà ta một nụ cười đáng mến có đôi chút buồn bã.

— Tôi xin lỗi vì đã làm phiền bà.

Câu nói không quá đáng chút nào vì bà Jeanne đang cãi nhau với ông chồng. Ông Ferdinand đang cầu nhàu hai hôm nay không được một giọt rượu nào.

— Tôi là em gái của người thuê nhà của bà và, biết rằng bà đã giúp đỡ anh tôi rất nhiều, tôi muốn được nói chuyện với bà. Tôi cho rằng bà sẽ nhận lời đưa chúng tôi lên lầu. Ông thanh tra đây sẽ bóc giấy niêm phong.

Bà gác cổng kéo rèm che, buộc ông Ferdinand phải đi ngủ lại, sau đó bà mặc một chiếc tạp dề sạch, khoá cửa nhà mình, mang theo chìa khoá và đi ra.

Bà vẫn còn nghi ngờ, nhưng bà này xem ra còn có vẻ dễ chịu hơn bà người Mỹ kênh kiệu nhiều.

— Bà chỉ đường giúp chúng tôi được chứ?

Câu nói ấy không làm cho bà khó chịu vì đây là em gái của ông Bouvet mà ngược lại nó làm cho bà hài lòng nữa là khác.

— Bà sẽ thấy sự bừa bộn ở trên đó vì các ông ấy cấm không cho tôi dọn dẹp. Nếu bà biết nỗi thất vọng của tôi khi nhìn thấy họ mang ông ấy đi như thế nào! Có thể lúc này người ta đã biết rõ ông ấy là ai và họ sẽ trả ông ấy lại cho chúng tôi, đúng không? Bà sẽ làm một việc gì đó, phải không?

Viên thanh tra yên lặng đi theo hai người phụ nữ, biết đây là những chuyện giữa các bà, anh cho rằng tốt hơn cả là không nên góp chuyện. Anh cẩn thận xé những tờ giấy niêm phong trên cửa và đứng lại ở đấy mà không bước vào căn hộ đầy ánh nắng mặt trời ấy.

— Tuần trước ở đây rất gọn gàng, sạch sẽ! Nhưng, nói xem, bà nhận ra đây đúng là ông ấy chứ?

— Tôi đã được tận mắt nhìn thấy thi thể của anh trai tôi rồi. Diện mạo không thay đổi nhiều như tôi tưởng, và tôi đã quan sát kỹ vết sẹo.

— Tôi cũng đã nhìn thấy nó vì khi ông ấy ốm, tôi là người lau mình cho ông ấy mỗi buổi sáng.

— Chắc hẳn anh trai tôi rất quý mến bà.

○○○

Lucas đi taxi tới một toà báo trên phố Poissonniere. Khi anh nói mình muốn xem những tập báo lưu trữ, người ta đưa anh vào một căn phòng trải thảm có rất nhiều tập báo đóng bì màu đen, nhưng ngay lập tức anh nhận ra đó là những tờ báo phát hành từ năm 1900 trở về sau này.

Người ta phải sử dụng một người thư ký khác đi tìm chìa khoá và dẫn anh lên một cầu thang hẹp vào một căn phòng màu xám và lạnh lẽo trên lầu cao nhất của ngôi nhà.

— Có thể là ở đây. Coi chừng bụi bẩn!

Trong phòng có mùi ẩm mốc của giấy cũ và có những tờ báo theo một khổ nhỏ lạ mắt mà thời thơ ấu Lucas đã được nghe kể lại.

— Toà báo yêu cầu ông đặc biệt cẩn thận vì giấy cũ rất dễ gãy nát. Tôi có thể giúp ông. Ông muốn xem số báo ra ngày tháng năm nào?

— Hai mươi tám, tháng hai, năm 1897.

Ngày hôm ấy trên báo không có tin gì đặc biệt. Những cột báo in chữ rất nhỏ, đầu đề không lớn, bài này tiếp bài khác.

— Ông cho tôi xem số ra hôm trước.

Họ đã tìm thấy. Có một bài đăng tin sau đây.

CÁI CHẾT CỦA MỘT TÊN VÔ LẠI

Một người có tên là Pierre Mancelli, vô nghề nghiệp, đã đi tù nhiều lần về tội gây rối, đã bị một nhát dao đâm giữa ngực, lúc nửa đêm hôm qua, cách phố Moulin de la Galette vài bước chân. Vụ giết người xảy ra rất nhanh chóng trong đêm tối. Những nhân chứng ít ỏi cho biết Mancelli đứng nhìn một đôi trai gái và tiến lại khi họ rời khỏi một ngôi nhà lớn. Một cuộc cãi vã nổ ra, tiếp đó là một cuộc ẩu đả và, khi những người qua đường tới nơi thì đã thấy Mancelli nằm trên vũng máu, một con dao cắm trên ngực.

Hắn chết nửa tiếng đồng hồ sau khi mang tới nhà thương mà không nói được một lời.

Sau khi gây án, đôi trai gái đã chạy vào các ngõ nhỏ của khu Montmaitre, không tới trình báo với cảnh sát nên không biết họ là ai.

Cảnh sát cho đây là một vụ thanh toán lẫn nhau. Công cuộc điều tra đang tiếp tục.

Các số báo tiếp đó không đăng gì thêm. Vụ án ít gây chấn động trong công chúng.

Lucas rời toà báo và tới đồn cảnh sát quận mười tám bằng taxi, nhưng ở đây không ai biết gì về vụ Mancelli cả. Một nhân viên bảo anh:

— Có lẽ ông già Louette thì nhớ đấy!

— Ông ấy là ai?

— Ông ta đã làm việc ở đây năm chục năm. Ông nghỉ hưu cách đây bảy năm và vẫn sống ở khu phố Lamarck gần đây. Thỉnh thoảng bị chứng mất ngủ, ông tới đây chơi bài với đồng nghiệp cũ và kể chuyện mình. Những chuyện về các vụ án.

Anh tới phố Lamarck. Ông già Louette vẫn sống ở đây, gần bằng tuổi ông Bouvet, nhưng ông vừa về thăm con gái tám ngày ở Rambouillet.

○○○

Hai người đàn bà ở phố Toumelle đã bắt đầu quên sự có mặt của viên thanh tra và đang nói chuyện với nhau ngoài hành lang với thằng bé con nhà Sardot. Bà Lair là người khéo gợi chuyện.

— Tôi cho rằng ông ấy đã rất sung sướng - Bà Jeanne nói - Không phải là người vui vẻ nhưng ông ấy thích kể những chuyện vui. Nhưng ông ấy không ưu phiền, kể cả việc lo lắng về bệnh tật. Nhiều lần tôi hỏi ông ấy sao không đi khám bác sĩ và tôi giới thiệu cho ông ấy một thầy thuốc giỏi, không lấy nhiều tiền. Ông ấy đã trả lời, ông ấy biết rõ bệnh của mình hơn bất cứ bác sĩ nào và ông không lo lắng gì cả.

Năm ngoái khi ông ấy ngã bệnh, tôi hỏi có cần báo tin cho ai không, Ông ấy trả lời: “Không cần báo tin cho ai cả. Ích gì kia chứ?” Bà hãy nhìn

ba chiếc ghế bành kia. Chúng vẫn được kê gần như cũ. Tùy theo ánh mặt trời rọi vào, lúc thì ông ngồi trên chiếc ghế này, lúc trên ghế khác. Ví dụ như buổi sáng thì ông ấy dùng chiếc ghế này.

Ông ấy rất hiền lành. Ông không thích dùng cà phê. Giây một giọt cà phê vào đĩa chén của mình là ông không bằng lòng. Ông ấy cũng rất sạch sẽ nữa. Tôi chưa hề thấy ai sạch sẽ như ông ấy. Ông ấy thích tự chuẩn bị bữa ăn trưa cho mình và khi tôi lên đây. Tôi không thấy một vụn bánh mì nào ở dưới sàn nhà. Còn về tranh ảnh...

— Anh tôi có nói về cuộc sống của anh ấy trước khi về cư trú ở đây không?

— Không. Nhưng tôi đã thấy ông ấy đã đau đớn như thế nào khi bọn Đức quốc xã tới gần Paris. Ông ấy không cho rằng chúng sẽ kéo tới đây. Thời gian ấy ông ấy thường ra ngoài từ sáng đến chiều tối. Tôi không biết ông ấy đi đâu, nhưng ông ấy tỏ ra biết nhiều tin tức hơn báo chí.

Một buổi sáng, vào lúc mười một giờ, vừa đi đâu về, ông ấy vội vàng bảo tôi lên trên phòng thu xếp vali cho ông. Lúc ấy có nhiều người thuê nhà khác cũng đi di tản. Nhà ga rất lộn xộn. Tôi không biết thời ấy bà có ở Paris không và bà còn nhớ những chuyện đó không.

Có thể tôi đã rất phiền muộn khi thấy ông ấy đi như vậy. Tôi cứ tưởng ông ấy ở lại với chúng tôi. Tôi hỏi ông: “Ông đi đâu, ông Bouvet. Chúng không thể làm điều gì xấu với một người tuổi tác như ông đâu”. Ông ấy không trả lời tôi và tôi ngậm ngùi nhìn ông ra đi với chiếc vali trên tay vì lúc ấy không tìm đâu ra một chiếc taxi.

Suốt thời gian chiến tranh, tôi không nhận được tin tức gì của ông ấy. Ông ấy cũng không gửi tiền về để trả tiền thuê nhà nhưng tôi vẫn yên tâm và thỉnh thoảng lên quét dọn căn hộ của ông vì khi đi ông ấy chỉ mang một vài bộ quần áo và vài chiếc khăn mặt.

Một buổi sáng, có một người cắt tóc kiểu bàn chải, mặc một chiếc áo khoác dày, vì lúc ấy là mùa đông, đã gõ cửa nhà tôi và hỏi ông Bouvet có nhà hay không. Không hiểu tại sao tôi nghi ngờ người này. Hắn nói lơ lớ tiếng Pháp. Chắc hẳn đây là một người nước ngoài. Hắn đặt ra cho tôi rất nhiều câu hỏi nhưng tôi chỉ trả lời một cách mơ hồ, bà biết tại sao tôi lại

như vậy rồi...

Nghe thấy có tiếng động ở bên dưới, bà Jeanne chạy ra đầu cầu thang, cúi nhìn xuống.

— Có chuyện gì vậy?... Không!... Họ không có mặt ở nhà... Họ đi nghỉ rồi... Khi nào họ về ư?... Ngày hai mươi tám, tháng chín...

Bà ta mỉm cười khi đi qua người cảnh sát đang ngồi trên bậc cầu thang nói chuyện với thằng bé Sardot.

— Tôi xin nói tiếp. Như là một chuyện ngẫu nhiên, ba ngày sau đó, một người khác lại đến, nhưng nghe giọng nói, tôi biết ngay đây là một tên Đức quốc xã. Và một tuần lễ sau thì một chiếc xe chỉ huy của quân đội phát xít Đức chạy đến và đậu ngay trước cửa ngôi nhà. Một sĩ quan Đức xuống xe cùng với ba người vận đồng phục khác. Bọn chúng không thèm nói với tôi một lời. Chúng biết chúng cần đi đâu. Chúng chạy lên căn hộ này ngay lập tức. Nhưng tôi cũng chạy lên theo chúng. Khi chúng muốn phá cửa, tôi nói tôi có chìa khoá và chúng chờ tôi đi lấy chìa khoá.

Nhưng chúng không cho tôi vào trong phòng. Chúng đóng sập cửa lại trước mặt tôi. Chúng ở trong ấy bốn tiếng đồng hồ liền, có trời mới biết được là chúng đã làm những gì. Cuối cùng thì tên sĩ quan đi xuống một mình, còn những tên kia thì vẫn tiếp tục lục soát. Tên sĩ quan không đợi được mời, đành hoàng hoàng xuống ghế. Hắn biết đôi chút tiếng Pháp. Hắn hỏi tôi về ông Bouvet. Hắn hỏi tôi ông ấy đi đâu. Hắn luôn miệng nhắc lại: “Bà biết đấy, thưa bà”. Tôi nói: “Tôi không biết, nhưng nếu có biết thì tôi cũng không nói với ông”. Đó là một người cao lớn, tóc hung, đẹp trai. Hắn gọi một tên khác đang ngồi trong ô tô vào lục lọi trong nhà tôi. Chúng tôi nhận được nhiều bưu thiếp của những người thuê nhà ở vùng tự do gửi về. Chúng lấy và mang đi tất cả.

Bà biết không, sau đó chúng tới đây hai lần nữa cũng chỉ có một việc ấy. Tôi rất lo ngại nhưng cũng rất hài lòng vì việc này chứng tỏ ông Bouvet không yêu thích gì chúng. Ba tháng sau ngày giải phóng, tôi thấy một chiếc xe tải chở những người di tản từ Dordogne chạy đến, đỗ trước cửa nhà.

— Anh trai tôi đã nói với bà những gì?

— Không có gì. Ông ấy chỉ hỏi căn hộ của ông ấy vẫn còn nguyên chứ

và ở nhà chúng tôi có bị đói không?

— Khi bà nói việc bọn Đức đến khám nhà thì thái độ anh tôi như thế nào?

— Ông ấy cười. Cái cười có vẻ giễu cợt. Sau đó ông ấy kể thời gian đi di tản ông ấy sống trong một trang trại ở Dordogne. Ông ấy nói mình đã giúp đỡ chủ trại trong việc trồng trọt. Tôi tin chuyện này vì tôi thấy hai bàn tay ông sần sùi và chân còn đi đôi giày lớn của nông dân. Ông ấy kể về cuộc sống ở trang trại vui vẻ như thế nào khiến tôi phát ghen lên... Bà nói xem! Tôi cho rằng hôm nay họ phải trả ông ấy cho chúng ta, đúng không? Vì đây là anh trai bà nên họ chẳng có lý do gì để giữ ông ấy ở đấy.

Cặp mắt của bà Jeanne trở nên nghi hoặc.

— Bà có cho rằng đây là nơi tốt nhất để...

Bà Lair đang tìm danh từ. Gọi là tang lễ thì to tát quá, nhưng gọi là đưa ma thì lại quá thường tình.

—... Chiều hôm nay người đại diện pháp luật của tôi sẽ cùng bà thu xếp việc này. Tôi không cho rằng họ không nhanh chóng đưa anh tôi về đây đâu. Có thể những bạn cũ của anh tôi cũng đến viếng đấy.

— Ai?

— Ông bác sĩ chạy chữa cho anh ấy khi bị ngã từ trên cây xuống không may đã qua đời. Nhưng nhiều bạn cũ của anh ấy thì hẳn còn cả.

— Bà cho rằng ông ấy đã lấy người đàn bà ấy ư?

— Có thể. Có thể là như vậy.

— Nhưng ông ấy đã bỏ bà ta rồi phải không? Như vậy...

Viên thanh tra đứng trước cửa húng hắng ho và bà Jeanne, nhân lúc thì hài ông Bouvet không có ở đây, đi ra khép và gài các cửa sổ lại. Sau đó bà vội vàng đi thay khăn trải giường và cảm động khi thấy bà Lair giúp mình làm việc này.

— Nếu không hay chuyện thì tôi đã quét dọn xong căn phòng này rồi. Ông dán lại giấy niêm phong chứ, ông thanh tra?

— Đó là nhiệm vụ của tôi.

— Tôi rất áy náy khi nghĩ đến việc tôi đã kéo dây kéo cửa hai lần mà không biết.

Khi đi xuống cầu thang, bà nói với thằng bé Sardot:

— Cháu có biết bà này là ai không? Đó là em gái của ông Bouvet, bạn cháu đấy. Cháu chào bà ấy đi.

Cậu bé chìa tay ra và nói:

— Chào bà Bouvet!

○○○

Lúc năm giờ rưỡi chiều thì trời bắt đầu mưa nặng hạt. Cùng lúc ấy có tiếng sấm ở phía Charenton và một trận gió làm bay mũ khách qua đường đang vội chạy trú mưa dưới các cổng vòm và mái hiên.

Những người bán hàng rong ở ngoại ô Saint Antoine, đầu đội chiếc tạp dề hay chiếc túi xách tay, đang đẩy những chiếc xe đẩy tay chạy mưa. Nước hai bên đường bắt đầu chảy mạnh như những con suối, nước trong các ống máng chảy róc rách và trên các lầu cao người ta đã khép chặt các cánh cửa sổ lại.

Ông Beaupere đã tìm được một nơi trú ẩn ở giữa một người bán rau quả và một người bán thịt và lẩm nhẩm đọc các biển số nhà gắn trên tường. Một thợ trồng rừng trên lầu một làm ăn có vẻ dấm dúi, một thợ mát xa trên lầu hai và trong nhà này còn có một người làm hoa giả nữa.

Ông đã hỏi khoảng bốn chục bà già, nhưng những người này thì nhỏ bé và gầy gò, những người kia thì không bao giờ rời khỏi phòng ở khi ông hỏi gần đây họ có tới phố Toumelle không.

— Tôi đến phố Toumelle làm gì?

Một bà khác thì nói một thôi một hồi bằng một ngôn ngữ mà ông không biết; ông cho rằng đấy là người Ba Lan.

Ông gạch những địa chỉ đã tới thăm trong cuốn sổ tay lớn của mình. Ông đi dọc hành lang tới một căn phòng bên ngoài treo tấm bảng “*Người gác cổng*”. Vì mưa bão, nên người ta chỉ dùng một bóng điện tù mù.

Ông bước vào và thấy một phụ nữ đang nằm trên giường và trên một chiếc giường khác có một đồng đen ngòm, bên đó là một xô khoai tây đang gọt dở.

— Cảnh sát hình sự đây!

Một mùi mồ hôi người và thuốc bốc lên làm ông nhớ lại thời mình đi mổ ruột thừa.

— Xem ông ấy muốn hỏi gì, bà Blanche.

Một tiếng người yếu ớt cất lên từ chiếc giường thứ hai. Và một tiếng người như tiếng con trẻ hỏi ông:

— Ông muốn gì?

Ông cần làm quen với ánh sáng ở đây.

— Tôi chỉ muốn hỏi bà rằng trong nhà này có một bà già cao tuổi, vận bộ đồ đen và chân bị đau không?

Trong khi nói như vậy, ông bất giác nhìn chân bà gác cổng đi tất len và bên ngoài là đôi giày vải.

Bà già chưa kịp trả lời thì người người đàn bà nằm trên giường bên kia mệt mỏi nói:

— Bà ấy ở đây, phải. Đã hơn ba chục năm nay. Bà ấy thường giúp đỡ chúng tôi. Ông muốn hỏi gì?

Có những tiếng sấm chen vào cuộc nói chuyện, ánh đèn nhấp nhoe. Có thể sắp mất điện. Người đàn bà tên là Blanche tay cầm con dao gọt khoai tây sợ hãi nhìn ông.

Bà ấy có khuôn mặt rộng, da tái xanh, mắt lơ dờ, môi nhợt nhạt, cứ như các bộ phận trên mặt đều được nhào nặn bằng cùng một chất liệu.

— Bà biết ông Bouvet chứ? - Ông Beaupere hỏi một cách đường đột.

Bà ta ngẩng đầu, ngạc nhiên nhìn ông rồi nói:

— Ông ấy chết rồi.

— Bà biết ông ta ư?

Bà ta còn nói:

— Tôi đã mang hoa tím đến viếng ông ấy.

— Tôi biết.

— Nhìn thấy ảnh trên báo, tôi nhận ra ông ấy ngay.

Ông chưa bao giờ nghe thấy một giọng nói như vậy. Nó cũng nhợt nhạt như bộ mặt. Bà ta quay sang giường bên kia như để hỏi ý kiến bà bạn.

— Trước đó bà có thường gặp ông ta không.

— Đã lâu lắm rồi. Vâng.

— Hai chục năm ư?

— Nhiều hơn.

— Ba chục năm ư?

— Nhiều hơn.

— Gặp ở Paris ư?

— Vâng, ở Paris.

— Bà gặp ông ta trên phố nào ở Paris?

— Tôi đã cùng đi Bruxelles với ông ấy và chúng tôi đã sống ở đấy một năm. Có thể là ít hơn, tôi không nhớ nữa.

— Lúc ấy ông ta đã mang tên Bouvet rồi ư?

— Không. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái tên ấy. Lần đầu tiên tôi thấy nó trên báo. Cũng là ông ấy thôi.

— Khi bà biết ông ấy thì ông ấy tên là gì?

Bà ta lại lo ngại nhìn người nằm giường bên.

— Tôi cho rằng bà cứ nói hết với ông ấy, bà Blanche. - Bà gác cổng nói.

— Ông ấy đã đổi tên.

— Khi nào?

— Trước khi chúng tôi rời Paris.

— Tên đầu tiên của ông ta mà bà biết là gì?

— Là Gaston... Gaston Lamblot...

— Tên sau đó...

— Ông ấy tên là Pierron.

— Tại sao ông ta lại đổi tên?

— Tôi không biết.

— Còn bà?

— Ở Bruxelles người ta gọi tôi là bà Pierron.

— Hai người đã kết hôn ư?

Bà ta ngáp ngừng. Bà vẫn lơ đãng gọt khoai và ông Beaupere sợ rằng bà sẽ bị đứt tay.

— Không. Mọi người cứ tưởng như vậy thôi.

— Là những người nào?

— Những người trong quán cà phê.

Bà ta không giấu giếm, trả lời thật thà các câu hỏi, nhưng sự suy nghĩ của bà rất chậm, đó là những ý kiến rất đơn giản mà bà không thể nào nói khác đi được.

— Bà đã làm việc trong một quán cà phê ư?

— Tôi phục vụ trong hầm rượu.

— Bà nói thật đấy chứ? Bà tin chắc hai người chưa từng kết hôn chứ?

— Vâng. Chúng tôi làm cho mọi người tưởng như vậy.

— Hai người không có con ư?

Bà Blanche lắc đầu, ngạc nhiên rồi buồn rầu.

— Sau đó đã có chuyện gì xảy ra?

— Ông ấy bỏ đi.

— Tại sao?

— Tôi không biết.

— Ông ta đi đâu?

— Tôi không biết. Chỉ biết ông ấy đi thôi.

Không kiếm đâu ra được mấy điện thoại trong gian phòng này và ông Beaupere tới một quán rượu gần nhất.

— Mang bà ấy về đây! - Ông Guillaume ra lệnh.

— Không hiểu tôi có thể làm được việc này không?

— Bà ấy đang ốm ư?

— Không. Bà gác cổng ốm. Bà ta đang chăm sóc bà gác cổng.

— Trở lại bên bà ấy và đợi tôi cử người đến chăm sóc bà gác cổng.

Ông Beaupere không uống gì cả. Ông bỏ một thỏi kẹo cao su vào miệng, kéo cao cổ áo khoác lên và trở lại ngôi nhà. Giày của ông đã thủng nên nước làm ướt tất bên trong.

— Người ta sẽ cử một người tới đây - Ông báo tin.

Và người phụ nữ đang gọt khoai tây hỏi một cách đơn giản:

— Để làm gì?

Viện Pháp y có đèn sáng choang, nhưng bà Blanche vẫn chưa biết mình đang ở đâu. Bà tưởng mình được đưa đến một cơ quan nào đó. Nhưng tại sao cơ quan lại có những chiếc ngăn kéo lớn bằng sắt có đánh số?

Vẫn là ông Beaupere đi theo bà. Người ta đã cử một nữ y tá đến chăm sóc bà gác cổng. Không chỉ nhà của người gác cổng tắm tối mà cả Paris cũng vậy. Mây dày đặc làm cho người ta có cảm giác lúc này đang là chiều mùa đông. Mưa vẫn rơi như trời đang trút nước xuống làm sạch các đường phố và những người qua lại.

Cả hai người đều ướt sũng tuy đã tới đây bằng taxi. Có vài điều lạ lùng: bà Blanche đội một chiếc mũ kiểu cũ, màu đen, chỉ đủ che một chòm đầu, xung quanh mũ là mớ tóc bạc trắng làm thành một vòng hào quang bằng một chất liệu rất mịn như thường thấy trên những cây thông đêm Noel.

Khi được biết những ngăn kéo sắt chứa các xác chết, bà quá đỗi sững sờ, đứng lặng đi một lúc mà không có phản ứng gì. Rồi dần dần bà hiểu ra. Khi nhìn mặt ông Bouvet, những ngón tay bà làm động tác như đang lần tràng hạt. Bà không nói gì. Ở đây bộ mặt ông Bouvet không giống với mặt ông khi ở Toumelle, kể cả khi ở Sở Cảnh sát. Không phải là bộ mặt nữa mà là một hình thù có những đường nét và không ai có thể tưởng tượng trên đôi môi kia đã từng có những nụ cười.

Người phụ trách đứng chờ để đóng ngăn kéo lại trong khi đó bà vẫn nhìn, cặp mắt không màu sắc của bà bắt đầu loang loáng nước. Bà nhìn thấy lơ mơ như đang nhìn qua những giọt nước từ mớ tóc bạc đang nhỏ xuống. Đôi môi bà mấp máy. Những giọt nước mắt chảy theo những vết nhăn trên má, đi quanh co để rồi đọng lại dưới cằm.

— Bà nhận ra ông ta chứ?

Bà gật đầu, mắt vẫn đắm lệ. Ông Beaupere nhẹ nhàng và vụng về nắm

lấy cánh tay bà đi lùi lại trong khi người phụ trách đẩy chiếc ngăn kéo vào.

Xe taxi đợi ở ngoài cửa, nhưng trước khi đi bà Blanche còn ngoái cổ lại nhìn những ngăn kéo khác đựng xác người đang đợi người phụ trách mở ra tất cả.

Bước chân của họ để lại trên nền nhà lát gạch men. Họ phải vượt qua một tấm màn mưa để chui vào ô tô để trở về Sở Cảnh sát.

Người ta có coi ông Beaupere thiếu tế nhị trước khi tiến hành cuộc thẩm vấn không? Quyết định của ông có phải do vụ việc này đã vượt ra khỏi giới hạn của công tác “điều tra quyền lợi của các gia đình” không?

— Tôi sẽ thay thế ông. Ông về nhà để thay quần áo đi.

Thanh tra Lucas bảo ông Beaupere khi gặp hai người.

Ông Beaupere không muốn như vậy. Ông không muốn về nhà. Ông không mệt chút nào. Bà Blanche nhìn ông bằng cặp mắt thất vọng như ông đã phản bội bà, để lại bà một mình với một người không quen biết.

Nhưng Lucas không dữ tợn chút nào. Sở Cảnh sát vắng lặng khi mọi người đều trở về hết. Buổi tối, hầu hết các văn phòng đều đóng cửa. Trên bàn có những cốc bia đã cạn, có một cốc đầy, Lucas uống một ngụm.

Anh ta nói vài lời ngắn gọn sau khi mời bà già ngồi xuống một chiếc ghế bành bọc nhung màu đỏ.

— Bà hiểu là chúng tôi không làm điều gì xấu với bà, đúng không? Xong việc chúng tôi sẽ đưa bà về nhà, ở đây đang có một nữ y tá giỏi tay nghề và tận tâm săn sóc bà gác cổng.

Bà Blanche nói lí nhí, như không biết mình đang nói gì và không nghĩ đến điều mình nói, rất ngắn:

— Cảm ơn ông.

— Tôi muốn gặp bà vào sáng mai nhưng có nhiều người đòi hỏi vụ này phải được sớm làm sáng tỏ, tốt hơn cả là chúng ta làm việc ngay. Bà không đói chứ?

— Không, thưa ông.

— Bà có khát không? Không ư? Tốt. Bà có muốn tôi khép bớt cửa sổ lại không?

Các cửa sổ đang được mở. Bên ngoài là mưa bão như đang giết chết

dòng sông Seine, những tiếng sét làm sáng lên một thoáng chiếc cầu trên đó có những chiếc xe buýt, xe taxi, nhưng không có lấy một bóng người.

— Bà có sợ gió bão không?

Bà Blanche không dám nói là mình sợ, nhưng Lucas đã hiểu rõ. Anh ra gài cửa sổ, kéo rèm che rồi ngồi xuống trước mặt bà, châm một điếu thuốc.

— Bà là bà Blanche, nhưng bà mang họ gì?

Phải đợi một lúc để bà nhớ lại để có một ý kiến.

— Tên thật của tôi ư?

— Tên mà cha mẹ bà đã đặt cho? Bà sinh ra ở đâu?

— Ở Concameau. Cha tôi là Berbelin.

— Bà mang họ gì?

— Charlotte. Ông ấy đặt cho khi chúng tôi tới Bruxelles...

— Ông bà không làm lễ thành hôn ư?

Bà ta lắc đầu.

— Bà đang làm nghề gì khi gặp ông già vừa qua đời. Nếu tôi không nhầm thì thời ấy ông ta tên là Gaston Lamblot, đúng không?

Bà không trả lời ngay và Lucas đã giúp đỡ bà. Anh kiên tâm, thấy trước những điều có thể xảy ra.

— Bà đã sống trong khu phố nào của Paris?

— Gần Quảng trường Blanche.

— Một mình ư?

Thật là khác thường khi người ta khơi lên một dĩ vãng quá xa xôi. Có thể là bà ta không nhớ ra ư? Có thể là đầu óc bà ta đã mụ mẫm ư?

— Bà đã sống với một người có tên là Pierre Mancelli, đúng không?

Bà thở dài rồi gật đầu.

— Bà là gái điếm ư? Bà có thể hành nghề không?

Bà không khóc, không chối cãi, cũng không xấu hổ. Bà tiếp tục nhìn anh với vẻ hoảng hốt.

— Nếu tôi nói có điều gì sai thì bà cứ nói lại.

— Không, thưa ông.

— Điều tôi nói là không đúng ư?

— Không, thưa ông.

- Rồi bà trở thành tình nhân của ông Lamblot ư?
- Vâng.
- Thời ấy ông ta làm nghề gì?
- Tôi không biết.
- Ông ta là sinh viên ư?
- Tôi không biết.
- Ông ta sống ở đâu?
- Sống với tôi.
- Ở khu phố Blanche ư?
- Trong một khách sạn nhỏ, còn ở phố nào thì tôi quên mất rồi. Phố ở gần Đại lộ Batignolles và Quảng trường Clichy.
- Ông ta sống ở phố nào khi gặp bà?
- Ở phố Đức Ông.
- Vì ông ta mà bà bỏ Mancelli ư?

Bà Blanche cựa quậy. Lucas cho rằng điều ấy là không đúng, bà muốn đính chính lại nhưng không tìm ra câu chữ và cả ý kiến hỗn độn trong đầu của bà.

— Bà có nhiều thời gian để nhớ lại. Bà có muốn tôi gọi cà phê lên không?

Danh từ cà phê làm cặp mắt bà ta có thêm sức sống và anh nhắc máy điện thoại gọi một khách sạn ở Quảng trường Dauphine.

— Nói xem, ông Fermin, ông có đủ can đảm vượt qua mưa gió để mang bia và cà phê tới đây không? Cho nhiều cà phê. Loại tốt nếu có thể.

Lucas để bà Blanche nghỉ ngơi. Anh sang văn phòng kê bên tra cứu sổ sách của Đội cảnh sát phòng chống tệ nạn xã hội.

Khi anh trở lại thì bà ta vẫn ngồi yên. Bà có thể bất động hàng giờ liền ở nguyên một chỗ, trong lúc đó một đám mây mù ý nghĩ lảng vảng trong đầu. Anh ra ngoài hành lang đón người phục vụ của khách sạn Dauphine tới nơi với một chiếc khay. Fermin mang theo một chiếc ô lớn màu đỏ thường dùng để đưa hàng cho khách trên các vỉa hè và tỏ ra vui vẻ như mưa gió đã kích thích ông ta.

— Một vụ giết người ư?

Ông ta chỉ tay vào cánh cửa văn phòng.

— Một người to lớn ư?

— Một bà già.

Lucas cho đường vào tách cà phê của mình và giúp bà già cho sữa vào tách của bà một cách đáng mến.

— Trước hết tôi cần nói với bà rằng những chuyện quá khứ đã hết thời hiệu. Bà hiểu không? Không ư? Cái đó có nghĩa là pháp luật sẽ không xét xử bà và cả tình nhân của bà là ông Lamblot, nếu ông ta còn sống. Không phải vì cái chết của Mancelli mà tôi hỏi bà mà vì nhiều lý do khác nhau, chúng tôi muốn biết lai lịch của ông Lamblot.

Anh nói chậm, nhưng dù sao thì cũng còn nhanh, còn khó hiểu đối với bà già trong lúc bà ta vẫn giật mình mỗi khi có tiếng sấm sét. Có thể trong lúc anh đang nói thì bà ta đang canh chừng tiếng sét tiếp theo ư?

Bà Blanche nhẹ nhàng cầm chiếc tách và uống từng ngụm nhỏ như là một phu nhân trong một bữa tiệc.

— Khi ông Lamblot là tình nhân của bà thì bà bỏ Mancelli ư?

Anh nhắc lại hai lần câu hỏi đồng thời thay đổi một vài danh từ.

— Tôi không biết. Không phải là ngay lúc ấy. - Ông vẫn như là một khách hàng của bà ư?

— Không. Tôi không tin là như vậy.

— Ông ta có trả tiền bà không?

— Chắc chắn là không rồi.

— Chính ông ta đề nghị bà chung sống với ông phải không? Ông ta không cho bà ra đứng ở vỉa hè nữa, đúng không?

Cũng không phải là như vậy. Anh quan sát phản ứng trên mặt bà, đọc ở đó ý chí, sự ngập ngừng, nổi hổ thẹn của bà. Vì chính bà cũng muốn nói lên sự thật nữa.

— Ông Lamblot có tiền không?

— Không nhiều lắm.

— Hàng ngày ông ta làm gì? Ông ta có vẻ như người làm ở bàn giấy hoặc trong xưởng thợ?

— Không.

— Ông ta dậy muộn và ngồi một nơi suốt ngày ư?

— Vâng,

— Có nhiều lúc ông ta cần tiền chứ?

— Tôi cho là như vậy.

Lucas biết rõ cái thời ấy. Người ra đã dạy anh khi anh vào ngành cảnh sát. Quảng trường Clichy, Đại lộ Batignolles là một vành đai đỏ, có nhiều tên vô lại. Con gái mặc váy có nếp gấp, tóc búi trên đầu; con trai đâm chém nhau bằng dao.

— Ông Lamblot có giống như những người khác không?

— Không.

— Ông ta muốn làm cho bà thay đổi cách sống?

— Không phải ngay lúc ấy.

— Và Mancelli muốn gặp lại bà ư?

— Chắc chắn là như thế.

— Ông Lamblot có dẫn bà đi nhảy không?

— Một đôi lần. Thường thì đến các quán rượu ở gần Đại lộ Rochechouart để nghe hát, nghe kể chuyện.

— Với bạn bè ư?

— Vâng.

Bà không nhớ tên các quán rượu ấy. Hầu hết đấy là nơi vui nhộn của tầng lớp tư sản, nhưng có những nơi người ta nói về công bằng xã hội, thời ấy đã bắt đầu hình thành một bọn người vô chính phủ.

— Bà có nghe người ta nói chuyện nổ bom không?

— Có.

— Ông Lamblot nói ư?

— Ông ấy và những người khác nữa.

Có tiếng gõ cửa. Một viên thanh tra mang đến cho Lucas một tấm thẻ màu hồng đã cũ nát và bà già hoảng hốt khi nhìn thấy nó.

Bà Blanche đã đi khám bệnh da liễu hai lần một tuần trong cùng ngôi nhà ấy theo phong tục. Một đôi lần người ta cũng bắt bà đi nằm ở nhà thương một hoặc hai tuần lễ nữa.

— Ông Lamblot có mắc bệnh gì không?

Nhìn tấm thẻ trên tay Lucas, bà biết câu hỏi đó có ý nghĩa gì rồi.

— Không.

— Còn bà?

— May cho tôi là không.

— Ông Lamblot có yêu bà không?

— Tôi không biết!

Câu hỏi không cần thiết. Có thể ông ta đã rời khu La tinh như đã rời Roubaix, kết quả của một sự phản ứng do mệt mỏi hoặc chán nản. Việc chuyển tới Quảng trường Clichy cũng không có gì là khác thường. Thời ấy, rất nhiều con trai các gia đình tư sản tới Montmaitre để giao thiệp không chỉ với các nghệ sĩ, các ca sĩ mà cả với những tên ma cô có uy tín nữa. Một số người lập nên những nhóm bí mật bàn cách ném bom vào các quan chức trong chính phủ và của khách nước ngoài.

— Ông ta chỉ viết ư?- Chợt nảy ra một ý nghĩ, Lucass hỏi.

— Vâng.

— Viết sách ư?

— Tôi không biết. Ông ấy viết rất nhiều. Ông ấy đọc to cho bạn bè nghe những điều mình đã viết.

— Rồi những cái đó không bao giờ được in trên báo ư? Bà nhớ lại xem.

Mặc dù đã đi giày vải mỏng, nhưng cái nóng của lò sưởi đã làm cho chân bà ngứa ngáy và bà đang tự hỏi có thể tháo giày ra được không.

Lucas nhớ lại các lý thuyết và giúp bà Blanche khôi phục lại trí nhớ.

— Ông ta có tới khu Montmaitre không?

Bà ta đã tháo được giày và hỏi lại:

— Khu phố Montmaitre ư?

Rồi bất chợt bà nhớ ra.

— Có. Để vào một hiệu sách nhỏ.

Hiệu sách ấy đến nay có còn không? Thường có một điểm hẹn của những người vô chính phủ hoặc những kẻ không tin ngưỡng tới đây in sách báo.

— Bà cùng đi với ông ta chứ?

— Vâng.

— Họ làm gì ở đây?

— Họ tranh cãi. Lamblot đọc cho họ nghe một cái gì đó.

Bà không hiểu gì. Thời ấy bà không hiểu gì. Tình nhân của bà cũng không hỏi là bà có hiểu không. Ông ta chọn bà vì bà là một gái làng chơi để tự mình đoạn tuyệt với các qui ước.

— Mancelli đã đe dọa ông ta ư?

Đúng thế. Bà thấy không cần trả lời.

— Và Lamblot đã thủ sẵn dao trong người ư?

Một con dao lớn có chốt hãm, thật vậy, vì thời ấy chưa có súng lục.

— Rồi hai người cùng đi đến phố Moulin de la Galette ư?

— Đây là lần đầu tiên chúng tôi tới đây.

— Mancelli đang rình hai người. Lamblot đã đâm hấn và hai người cùng chạy trốn. Đêm hôm ấy hai người ở đâu?

— Chúng tôi cứ thế mà đi.

— Ở Paris ư?

— Ở Paris, rồi ra khỏi Paris ở ngoại ô Flandres. Chúng tôi về nông thôn. Sau đó chúng tôi lên xe lửa ở một ga nhỏ.

— Để đi sang Bỉ ư?

— Vâng.

— Hai người có tiền trong túi không?

— Gần như không có. Chỉ đủ chi dùng trong ba ngày.

Họ đi trốn, tuy nhiên người ta không tìm ra họ.

— Bà đã đổi tên ư?

— Vâng. Ông ấy bảo từ nay tôi tên là Blanche và để cho mọi người tưởng chúng tôi là vợ chồng.

— Bà yêu ông ấy chứ?

Bà ta nhìn viên thanh tra mà không trả lời. Và đây là lần đầu tiên từ khi tới văn phòng này, mắt bà rơm lệ.

— Bà đã vào làm việc trong một quán cà phê ư?

— Trong một quán rượu lớn ở Quảng trường Brouckere. Tôi phục vụ bàn, ông ấy làm việc dưới hầm rượu.

— Ông ta có đau khổ lắm không?

Câu hỏi ấy như đã làm cho bà ta sợ, trong thâm tâm bà buộc phải nhớ lại.

— Tôi không tin là như vậy. Ngày nghỉ chúng tôi về nông thôn hoặc vào rừng Cambre. Như thế gọi là gì?

Bà thấy thích thú khi trả lời như vậy. Cái đó làm bà nhớ lại những hình ảnh sáng sủa.

— Ông ấy đã rời bỏ bà để đi với một phụ nữ khác ư?

— Tôi không biết. Tôi không tin là như vậy. Ông ấy bỏ đi, thế thôi.

— Không báo trước cho bà ư?

— Ông ấy nói mình sẽ sang nước Anh.

— Ông ta có yêu cầu bà cùng đi không?

— Không!

— Ông ta có hứa là sẽ quay lại không?

Câu hỏi ấy làm bà ngạc nhiên, như nó không phù hợp với thực tế và bà nói theo cách của mình.

— Không phải như vậy.

Có thể là bà không muốn để người ta hỏi đến một người có một ảnh hưởng nào đó đến cuộc sống của mình chẳng? Ông ta đã nhặt bà trên vỉa hè, đã sống gần một năm trời với bà. Có thể là bà tưởng vì mình mà ông ta giết người ư? Bây giờ thì ông đã đi xa, bà không hy vọng được sống cùng ông nữa.

— Ông ta có viết thư cho bà không?

— Ông ấy chỉ gửi cho tôi một tấm bưu thiếp chụp phong cảnh ở Londres, chỉ có một cái cột.

— Trafalgar Square ư?

— Tôi cho rằng như vậy ông ấy đã viết rồi. Tôi còn giữ tấm bưu thiếp đó.

— Đây là tất cả những gì của ông ta ư?

— Và một đôi tất ngắn nữa.

— Sau đó bà trở về Paris?

— Không về ngay. Thoạt tiên tôi về Anvers.

— Làm việc trong một quán rượu khác?

— Một quán rượu của phụ nữ.

Lucas biết, ở miền bắc nước Bỉ, có những phụ nữ phục vụ trong quán bia. Khách hàng ngồi lên đùi họ để uống bia trước khi vào trong các phòng.

— Bà ở đấy có lâu không?

— Khá lâu.

— Là bao nhiêu năm?

Bà ta nhắm mắt lại để tính nhẩm, đôi môi lắp bắp.

— Mười sáu năm.

— Cũng trong quán bia ấy ư?

Cũng trong quán ấy. Không như Lamblot thích thay đổi. Có thể vì quá béo nên khách hàng không chuộng.

— Bà vẫn giữ cái tên mà ông ta đặt cho ư?

— Vâng. Tôi trở về Pháp. Thoạt tiên là ở Lille.

Sợ bà xấu hổ khiến Lucas không muốn hỏi bà làm gì ở đây.

— Ở Paris tôi phụ trách phòng rửa mặt cho một quán cà phê ở Bastille. Khi thấy tôi già yếu, người ta cho tôi làm chân quét dọn.

Bà ta vẫn làm những việc lặt vặt như vậy. Đối với những người nghèo, đối với những bà già khác như bà ta, những người đau ốm không nơi nương tựa.

— Bà nhận ra ông ta trong ảnh trên tờ báo ấy ư?

— Vâng. Tôi rất muốn nhìn mặt ông ấy nhưng không dám. Một bà đã đến khi tôi đang nói chuyện với bà gác cổng, tôi đành để lại bó hoa tím rồi ra về.

Còn một chút cà phê trong bình và Lucas rót cho bà già. Trong khi chờ đợi bà ta uống xong, anh uống nốt cốc bia của mình.

— Thôi! Bây giờ thì tôi đưa bà về.

— Người ta không cần đến tôi nữa ư?

— Tôi không nghĩ là như vậy. Sáng mai người ta lấy chữ ký của bà vào bản khai báo.

— Khi nào thì người ta chôn cất ông ấy?

— Tôi sẽ báo tin cho bà sau.

— Đúng như vậy chứ?

Lucas dẫn bà già vào một chiếc ô tô nhỏ của Sở Cảnh sát và hai người sau đó đến nhà của người gác cổng, nơi người nữ y tá đã dọn dẹp được một phần. Anh cũng dẫn bà già về căn hộ của bà vì trời vẫn mưa. Trên hè phố có những mảnh báo sũng nước, trên một mảnh có ảnh ông Bouvet.

ooo

Từ cái đêm có người vào trong nhà khiến bà cho rằng mình đã kéo dây mở cửa hai lần, bà gác cổng ở phố Toumelle thường ngủ chập chờn. Khi người nhạc công đàn phong cầm trở về vào lúc hai giờ sáng, bà đã phải đứng lên nhìn qua ô cửa kính xem có đúng là anh ta không.

Gia đình nhà Sardot chuẩn bị đi nghỉ hè. Họ đã đăng ký một phòng ở Riva Bella và hành lý đã được chuẩn bị đầy đủ, vé xe lửa đã được đặt mua sau đấy hai ngày, dù cho có sự cự nự của đứa con trai; nó không muốn đi chùng nào chưa dự đám tang của “bạn” nó.

— Người ta không mai táng ông ấy trước kỳ nghỉ hè đâu.

— Ai bảo thế?

— Phải tiến hành cho xong cuộc điều tra và không còn ai khiếu nại gì nữa.

— Nhưng nếu người ta cứ chôn cất ông ấy thì sao?

Vào lúc tám giờ tối, luật sư Guichard gọi điện thoại cho thân chủ của mình ở Quảng trường Vosges.

— Xin lỗi vì đã làm phiền bà, bà bạn, nhưng có một sự kiện mà bà cần biết vừa xảy ra. Như đã nói với bà, tôi có mối quan hệ công tác với luật sư Rigal. Trước bữa ăn chiều, ông ấy đã gọi điện để hỏi tôi về một số tin tức. Ông ấy nói ông ấy đang ở Paris một mình, gia đình ông đã đi nghỉ bên bờ biển, ông ấy phải ở lại do nhu cầu công tác. Ông ấy vừa được biết công việc tôi đang đảm nhiệm. Tôi cứ để mặc cho ông ấy nói. Điều thú vị là trong ống nghe tôi nghe thấy tiếng nói của bà Marsh. Tôi không thể nói lại chuyện này cho bà qua dây nói được và tôi muốn bà cho phép tôi gặp bà vào sáng mai. Sự lo ngại đầu tiên của tôi là muốn biết rõ ý định của bà.

Ông Rigal nói đây là một công việc phức tạp, giải quyết cho xong cũng

phải mất nhiều năm. Chưa thể biết trước còn bao nhiêu người nữa tới khiếu nại về việc thừa kế tài sản của Samuel Marsh tức Lamblot. Có nên vì lợi ích của cả hai bên mà có quan hệ với nhau không? Bà hiểu chứ? Ông ta không thừa nhận sự hợp thức của việc kết hôn này. Ông ta đã quan hệ với một người ở Panama và được biết pháp luật về hôn nhân của nước này.

Tôi không nhận lời với ông ta. Nhưng tin cuối cùng cho biết, cảnh sát đã tìm ra người sau này có tên là Samuel Marsh là kẻ đã gây ra một vụ giết người vào năm 1897 ở Paris. Chắc chắn là máy điện thoại có một ống nghe phụ vì tôi nghe thấy tiếng nói của phụ nữ trong đó. Đó là tất cả. Bà nghe rõ chứ?

— Phải. Tôi nghĩ đến người phụ nữ ấy và con gái của bà ta.

— Bà thấy thế nào?

— Sẽ có một cuộc chiến tranh giữa họ với nhau. Ông không tin ư?

— Cần biết trước thế thôi. Bây giờ xin chúc bà ngủ ngon. Ở khu phố của bà mưa có to không?

— Bà người hầu của tôi nói ở dưới nhà có một ống máng bị vỡ, sân bị ngập cả.

— Chúc ngủ ngon...

— Chúc ngủ ngon...

○○○

Sáng hôm sau khi Paris thức giấc thì mưa đã tạnh nhưng trời vẫn còn u ám như mấy hôm trước. Nước nhỏ giọt từ các mái nhà, vỉa hè đã khô ráo từng mảng. Nước sông Seine ngầu bùn, dòng nước chảy xiết làm thành những vệt trước mũi các xà lan.

Ông Sardot tay cầm chiếc hộp đựng bữa ăn sáng, nói khi đi qua nhà bà gác cổng:

— Chiều mai thì tôi đang bơi trên biển rồi.

Bà gác cổng đưa ông Ferdinand lên giường nằm và bắt đầu quét dọn. Sau trận mưa nhà cửa rất bẩn. Có thể bà đang nghĩ tới ông Bouvet chăng? Có thể là bà chẳng nghĩ gì cả chăng?

Tám giờ sáng, các cửa hàng đã mở, mọi người đã đi làm.

Khi ông chủ cửa hàng bán nhạc cụ vừa mở cửa thì đã thấy bà Jeanne đang đứng ở đó. Bà ngừng tay quét tuyết để nói chuyện với ông về trận bão đêm qua.

— Sét đã đánh xuống khu phố. Mong sao không thiệt hại gì!

Ông định trả lời thì bà đã nhìn thấy một người phía bên kia đường. Và bất chợt bà chạy đến giữ lấy cánh tay người ấy và kêu rất to:

— Hãy gọi một cảnh sát!

Ông chủ hiệu nhạc cụ đứng yên vì quá ngạc nhiên.

— Một cảnh sát! - Bà Jeanne kêu tiếp. - Nhanh lên!...

Người lạ mặt mặc một bộ complet màu xám, đội một chiếc mũ màu nâu tỏ vẻ ngạc nhiên. Người ấy tìm cách gỡ tay bà gác cổng ra nhưng không có vẻ gì là muốn dùng vũ lực.

— Xin bà, bà bỏ tay tôi ra... Tôi không tìm cách chạy trốn hoặc đánh bà đâu.

— Nhưng tôi thì tôi biết anh là ai. Anh là một tên Đức quốc xã.

Bà Jeanne nói thật to câu đó khiến hai ba người qua đường dừng lại. Người ta cho rằng bà giữ chặt như vậy, nếu người kia bỏ chạy thì bà Jeanne sẽ bị kéo lê trên đường.

— Đó là một tên boche! Một tên boche bắn thiu! - Bà ta nhắc lại - Chính hắn đã thăm vấn tôi về ông Bouvet trong thời gian chiến tranh và hắn muốn bắt ông ấy.

Ông chủ cửa hàng nhạc cụ đã gọi được một cảnh sát đang đứng trên cầu. Cả hai đang chạy lại.

— Nhanh lên, ông cảnh sát. Không hiểu hắn đang làm gì. Đó là một tên boche! Chính hắn đã đến để bắt một trong những người thuê nhà của tôi trong thời kỳ chiến tranh...

Người lạ mặt tỏ vẻ bình tĩnh. Khi bà gác cổng buông tay ra thì anh ta sửa lại cà vạt và áo veston.

— Anh có mang theo giấy tờ không?

Người cảnh sát nghiêm khắc hỏi.

Nhiều người khác đứng xúm lại và lúc này nhóm nhỏ ấy đã có hơn một

chục người.

— Tôi sẽ xuất trình giấy tờ ở đồn cảnh sát.

— Các ông, các bà có nghe thấy giọng nói của hăn không? Tôi tin chắc là mình không nhầm. Thời ấy hăn cũng cắt tóc kiểu bàn chải nhưng ngắn hơn kia.

Viên cảnh sát lật mũ người này ra: tóc cắt ngắn đến mức hầu như trên đầu không có tóc.

— Anh có thừa nhận là mình đã gặp bà này không?

— Tôi sẽ trả lời với sếp của ông, ông trung sĩ.

— Khoan đã! Để tôi đánh thức chồng tôi dậy trong nhà. Tôi cũng đến đồn cảnh sát. Tôi sẽ giải thích với ông cảnh sát trưởng...

Bà chạy về nhà, cởi chiếc tạp dề, xuất hiện trở lại với chiếc mũ trên đầu.

— Một tên boche - Bà nhắc lại như cho chính mình.

Nếu ông Bouvet còn sống thì chắc hẳn hăn sẽ bị xử bắn.

Trên đường đi, người lạ mặt không nói năng gì. Viên cảnh sát nắm chặt một cánh tay hắn và đẩy hắn đi như một hình nộm. Tuy chưa có những chứng cứ cụ thể nhưng nếu biết thì mọi người xung quanh có thể treo cổ hắn lên.

Bà gác cổng người nhỏ bé đi đầu, những bước ngắn nhưng bước nhanh, miệng đang lầm bầm những câu gì đó. Một vài người hiếu kỳ đi theo tuy không biết đã xảy ra chuyện gì.

Người lạ mặt trông rất vô vị nhưng là một vẻ vô vị đáng ngờ. Nếu có tiếng kêu “Kẻ cắp!” thì dù bất cứ ở đâu người ta cũng tóm hắn trước tiên. Và người ta cũng hình dung chính hắn là kẻ đứng rình các cô gái nhỏ khi tan trường. Có thể là do da hắn rất trắng, trên mặt là một cặp lông mày rậm, đôi mắt lồi, môi đỏ như vừa bôi son vậy.

Người ta không cho hắn là người có gia đình, mỗi khi đi đâu về là gặp vợ con. Đó là một con người cô độc, buồn nản, tẻ nhạt.

Hắn để người ta điệu đi như đã quen với việc này và chỉ khi đến đồn cảnh sát hắn mới sửa lại áo veston và cà vạt rồi nói một cách bất ngờ:

— Tôi muốn nói chuyện với ông cảnh sát trưởng.

Người nhân viên nhìn đồng hồ, mở cửa văn phòng một cách ngẫu nhiên và thấy ông cảnh sát trưởng đang ngồi đấy. Ông này đứng lên, ra mở cửa, ngạc nhiên nhìn người nhân viên và nhún vai.

— Đó là một tên Đức, thưa ông cảnh sát trưởng - Bà gác cổng kêu lên - Lần đầu tiên hắn đến là trong chiến tranh để xác minh trong ngôi nhà có ông Bouvet cư trú thật không và hai ngày sau thì bọn Gestapo tới. Tôi cho rằng chính hắn là kẻ lén vào ngôi nhà ban đêm để lục lọi. Ông nhìn hắn mà xem, hắn không hề chối cãi.

— Tôi muốn nói chuyện riêng với ông cảnh sát trưởng.

Trước khi để hãn vào văn phòng, người nhân viên khám người hãn để tin chắc hãn không mang theo vũ khí. Cánh cửa khép lại. Những người tò mò đứng bên ngoài. Không ai hỏi chuyện nhưng bà Jeanne vẫn kể lại chuyện này cho một phụ nữ đang đợi, chỉ có Trời mới biết là loại người gì, và đang cho con bú.

Về phần mình, ông cảnh sát trưởng gọi điện thoại rồi cho gọi một viên thanh tra tới văn phòng ngay và gài chặt cửa lại.

Mười lăm phút sau, cánh cửa văn phòng lại mở ra và người ta đưa bà gác cổng vào gặp ông cảnh sát trưởng. Viên thanh tra và người lạ mặt không còn ở trong văn phòng này nữa.

— Bà đã làm đúng, tôi xin cảm ơn bà, thưa bà. Bà có thể yên tâm trở về.

— Ông đã cho bắt hãn chứ? Đã tổng cổ hãn vào tù chứ?

— Chúng tôi đã làm những công việc cần thiết. Bà hãy tin tưởng ở chúng tôi.

Rất vô ích mà kể lại, theo yêu cầu của người lạ mặt, ông đã gọi điện thoại cho ông Giám đốc Sở Cảnh sát nói lại từng lời yêu cầu ấy:

— Tôi đang có ở đây người mà sếp đã gặp vào ngày mười bốn, tháng bảy. Người ấy muốn gặp sếp.

Ông Guillaume trả lời:

— Đưa người ấy đến gặp tôi ngay.

Không cần nói thêm là ông cảnh sát trưởng phải cử một viên thanh tra đi theo như chỉ thị của cấp trên và tính thận trọng của ông.

Hai người ngồi trong một chiếc taxi, cửa kính đóng kín. Ba hoặc bốn phút sau họ lên thang gác lúc nào cũng đầy bụi của Sở Cảnh sát.

Ông Giám đốc nhìn viên thanh tra rồi nói:

— Xin cảm ơn anh. Anh có thể đi.

— Tôi có cần đợi không?

— Không. Vô ích.

Ông ra khoá chặt cửa lại, ngồi xuống, mỉm cười với người trước mặt rồi hỏi:

— Ông làm thế nào mà bị người ta bắt?

— Tôi đã nhầm lẫn, sáng nay, vừa rồi việc lại vừa tò mò tôi đi qua ngôi

nhà ở phố Toumelle để nhìn vào. Bà gác cổng đã nhận ra tôi.

— Bà ta biết ông ư?

Ông Guillaume đã biết người này dưới cái tên O'Brien, chắc chắn anh ta còn nhiều tên khác. Hai người đã gặp nhau vào ngày mười bốn, tháng bảy hai năm trước đây để bàn cách giải quyết một vụ mà hai bên, Phòng nhì của Pháp và Intelligence Service^[2] của Anh quan tâm, và chính O'Brien là người đại biểu cho phía Anh.

— Ông hãy cho tôi biết thêm một vài chi tiết. Xin thú nhận là tôi đang bù đầu vì công việc. Ông đã ở Pháp thời kỳ chiến tranh ư?

— Không chỉ ở Pháp mà tôi còn làm phiên dịch trong một văn phòng của bọn Đức nữa.

Anh ta không giống người Anh, có lẽ anh là người Ai Len.

— Chính vì làm việc cho người Đức mà ông chú ý đến ông Bouvet ư?

— Nói một cách chính xác thì tôi chỉ nghe nói đến tên của ông ấy thôi. Sau đó tôi có dịp kiểm tra lại những tin tức thu được.

— Khoan đã. Có phải chính ông là người lên vào ngôi nhà ở phố Toumelle trong cái đêm sau khi ông ta qua đời không?

— Chính tôi. Cần phải báo tin cho ông nhưng tôi thấy tốt nhất là không nên làm như vậy.

Đúng là Lucas đã không nhằm khi nói kẻ lục lọi căn hộ của ông Bouvet không phải là người sống trong ngôi nhà.

O'Brien là người bướng bỉnh. Công việc anh ta làm ở đây không liên quan gì đến cơ quan Cảnh sát cũng như cơ quan An ninh, anh ta chỉ liên hệ với họ trên tinh thần đồng nghiệp.

— Ông có thời gian đấy chứ, ông Giám đốc?

— Trước mắt tôi chỉ có hai mươi phút thôi.

Thế là O'Brien châm tẩu thuốc, ngồi vắt vẻo trên thành cửa sổ. Ông Guillaume nghĩ đến chuyện anh ta đánh lừa được bọn Đức suốt bốn năm và nhìn anh ta một cách ngạc nhiên và thán phục.

— Đây là vụ việc xảy ra từ hồi Thế chiến lần thứ nhất. Mười năm trước đây, khi còn ở Londres tôi được nghe thuật lại vì nó là kinh điển trong công

tác của chúng tôi, nhưng nhờ vào bọn Đức mà tôi biết được toàn bộ sự thật. Đây là chuyện một điệp viên mà sau này chúng tôi biết tên là Corcisco. Ngoài cái tên “nhân viên ở Madrid” mà chúng tôi đặt ra lúc ấy thì chúng tôi không biết gì thêm, nếu không là chuyện ông ta là điệp viên được trả công hậu hĩnh nhất trong đại chiến 1914 - 1918. Cái đó có làm ông quan tâm không?

— Đó là ông Bouvet ư?

— Nói chính xác là con người vừa qua đời mang cái tên ấy. Ông hãy nhớ lại bầu không khí của cuộc Thế chiến ấy khi Tây Ban Nha trung lập thì những điệp viên của Anh và Đức thường hàng ngày gặp nhau ở đây. Công tác chống gián điệp được coi trọng. Những nhân viên bí mật được cài cắm khắp nơi. Đặc biệt là việc cung cấp cho lực lượng hải quân Đức trên bờ biển Tây Ban Nha. Cứ vài tuần lễ chúng tôi lại phải bổ sung người vì những nhân viên cũ biến đâu không rõ, đôi khi người ta thấy họ bị giết ở những nơi hoang vắng.

— Tôi đã được nghe nói đến chuyện này.

— Không may cho tôi vì tôi còn quá trẻ. Những cán bộ cũ đã kể lại cho chúng tôi nhiều buổi tối chuyện trò. Ông nên biết, có một người nhỏ bé đã tới gặp cơ quan của chúng tôi giả danh là một hãng buôn ở Madrid.

Từ chối không nói tên mình, người ấy nói là mình có thể cung cấp mỗi ngày một tấm ảnh của mọi hồ sơ qua kết sắt của Đại sứ quán Đức ở Tây Ban Nha. Cái đó là không thể tưởng tượng được. Nhưng người ấy đã thận trọng mang theo một tấm ảnh mà không rõ do cơ quan nào bảo quản. Và người ấy thản nhiên nói về giá cả: một ngàn livre sterling vàng một tấm ảnh.

Người ấy đề ra kế hoạch. Một người của chúng tôi đến một địa điểm vắng vẻ được chỉ định cùng với số tiền ấy và đợi ông ta. Chúng tôi đã tốn nhiều công sức để biết rõ người này là ai nhưng không có kết quả. Và từ ngày ấy cho đến khi chiến tranh kết thúc, guồng máy trao đổi tin tức và tiền diễn ra một cách hoàn hảo. Từ kênh này chúng tôi có những tin tức quý báu nhất. Còn người cung cấp tin thì nhận được một số tiền khổng lồ tới mức là từ Londres người ta phải chuyển về Madrid cho chúng tôi một tài khoản

lớn.

— Thời ấy Intelligence Service không tìm cách biết ông ấy là ai ư?

— Kể cả việc biết ông ta thuộc về quốc tịch nào nữa. Chiến tranh kết thúc, ông ta biến mất không để lại một dấu vết gì. Tôi biết câu chuyện huyền thoại ấy như mọi người trong cơ quan và sau đó khi Thế chiến lần thứ hai nổ ra, tôi quan hệ với cơ quan Gestapo.

Đây lại là một chuyện khác.

Anh ta nói cái đó mà không giả bộ khiêm tốn rồi hút thuốc.

— Tại đây tôi lại được nghe nói đến cái tên Corcisco. Một số nhân viên Gestapo ở đây cũng đã làm công tác phản gián trong cuộc chiến tranh trước. Một đứa có tên là Klein đã cho tôi biết về Corcisco và những hoạt động của người này. Hẳn hài lòng vì đã tìm ra dấu vết của ông ta.

Đây là một câu chuyện rất thú vị.

O'Brien hút thuốc và nhìn ra phía sông Seine.

— Người chụp những tấm ảnh tài liệu không ai khác người hầu phòng của viên Đại sứ Đức tại Tây Ban Nha. Ông ta đã làm việc ở đây từ trước chiến tranh. Người ta không nghi ngờ gì ông cả, nhất là viên đại sứ. Tôi nói về đời tư của viên đại sứ này. Hẳn có một cuộc sống tình ái rất phức tạp, những đòi hỏi của hẳn phải được đáp ứng một cách kín đáo, không hiểm nguy. Một phụ nữ thì không đủ mà phải có cả một nhóm... Và chính người hầu phòng đã thực hiện việc này một cách đầy đủ trong một ngôi nhà đi thuê trong một khu phố vắng vẻ.

Đó là tất cả. Đối với ông ta thì việc có được chiếc chìa khoá kết sắt thì không có gì là khó khăn và không hiểu ông ta đã mất bao nhiêu thời gian để chụp một bức ảnh. Bọn Đức đã mất nhiều thời gian để điều tra vụ này và chính Klein là người đầu tiên nghi cho người hầu phòng ấy.

— Tại sao ông biết ông ấy ở Paris?

— Không phải tôi mà là bọn Đức tìm ra chuyện này. Chúng nhớ dai và trong lòng chúng đầy hận thù. Chúng có ảnh của ông ta và không hiểu tại sao chúng biết ông đang ở Paris. Chúng muốn trả thù ư? Chúng nghi ngờ ông ta còn giữ những tài liệu khác nữa ư? Và chính tại văn phòng của chúng tôi nghe nói đến cái tên Corcisco ngày xưa và, cư trú trong một căn

hộ trong một ngôi nhà ở Toumelle, ông ta cũng là Bouvet.

Tôi bèn đi trước bọn chúng nhằm báo tin và khuyên ông ta chạy trốn. Tối thăm bà gác cổng, tôi bị bà ta coi như là một tên Đức do kiểu cắt tóc ngắn của tôi. Tôi yên tâm khi biết ông ta không ở Paris, chắc hẳn ông đã ra vùng tự do. Hai hoặc ba ngày sau, đến lượt chúng, bọn Gestapo tới khám xét căn hộ của ông ta ở phố Toumelle.

— Chiến tranh kết thúc, Intellience Service có sẵn sóc ông Bouvet không?

— Để làm gì? Tôi đã làm một báo cáo trình thủ trưởng của mình. Sau đó tôi làm nhiều việc khác nhau ở nước Đức trong nhiều năm sau sự sụp đổ của Hitler, Klein và những tên khác bị xử bắn hoặc bị treo cổ. Tôi trở về Paris lúc này, lúc khác làm nhiều nhiệm vụ khác nhau theo chức năng của mình.

Ngẫu nhiên bữa nọ tôi thấy ảnh ông ta trên báo. Tôi báo cáo với thủ trưởng trực tiếp của mình là không nên đưa vấn đề này ra trước các cơ quan hành chính mà chỉ nên rà soát lại xem ông Bouvet có để lại tài liệu gì có thể làm các báo chí dựa vào đó mà làm rùm beng lên không? Xin thú nhận với ông là tôi không thấy tài liệu nào, dù nhỏ, trong căn hộ của ông ta cả.

Sáng hôm nay tôi đã phạm phải một sai lầm là đi qua đấy khiến cho bà gác cổng can đảm tóm lấy tôi như một tên kẻ cắp vậy. Có lẽ bà ấy sẽ thất vọng khi đọc báo mà không thấy tin tôi bị bắt giữ.

Có tiếng gõ cửa. Ông Giám đốc ra mở khoá.

— Xin lỗi sếp. Tôi tưởng chỉ có một mình sếp.

— Vào đây, Lucas. Đây là việc của anh, về ông Bouvet.

Ông không thể không mỉm cười.

— Một chi tiết mới cần được bổ sung vào bản danh sách của anh: Corcisco! Và nghề nghiệp: người hầu phòng.

— Có một người vừa đến văn phòng của tôi khai báo là biết rõ ông ta vào năm 1908 ở Tanger là chủ kinh doanh một quán rượu ở ngoại ô.

— Sẽ còn những người khác nữa. Có thể là có nhiều phụ nữ. Đầu giờ sáng hôm nay bà Lair đã gọi điện thoại cho tôi.

— Bà ta nói gì?

— Bà ấy đã đồng ý với người đại diện pháp luật của mình quyết định thôi không đặt vấn đề tranh cãi về sự hợp pháp của cuộc hôn nhân của anh trai mình nữa và để bà Marsh và con gái bà ta được thừa kế tài sản của ông Bouvet.

— Hai người thừa kế sẽ có những vụ kiện tụng nhau thôi.

— Đó là việc cần thấy trước. Bà ta cũng hỏi tôi khi nào thì làm lễ an táng.

— Sếp đã trả lời như thế nào?

— Lúc nào thì tùy bà ấy. Chúng ta đã có quá nhiều những tấm ảnh và các hồ sơ để không giữ ông già ấy trong nhà xác nữa. Anh có thể báo tin cho bà gác cổng được không?

Ông Giám đốc không giới thiệu O'Brien với viên thanh tra, và người của Intelligence Service biến khỏi cơ quan và đi ra phố mà bộ tóc của anh ta không làm những người qua đường ưa thích chút nào.

Mọi việc diễn ra theo đúng nguyện vọng của bà Jeanne, nhưng bà Lair tế nhị làm cho bà gác cổng thấy như đây là cái chết của chính mình vậy.

Bà Jeanne đã có thời gian quét dọn căn hộ trên lầu ba và mở các cửa sổ cho nó thoáng khí trước khi người ta chở quan tài đến. Vì đứa con trai nói có lý nên nhà Sardot đã hoãn chuyến đi nghỉ sau đó vài ngày. Ông Sardot ra ga để đổi lại vé tàu.

— Ông có cho rằng có đèn thả xung quanh quan tài là sang trọng so với các đám khác trong khu phố này không? Theo tôi thì nên có mấy bức trướng treo trước cửa.

Đã có một bức rồi. Một bức có những chữ viết tắt và tua viền ở xung quanh. Cổ áo quan rất đẹp, và bà Jeanne đã thay thế những ngọn nến bằng những cây bạch lạp. Có những vòng hoa lớn được mang đến khiến bà không biết nên đặt chúng vào đâu.

Hôm nay đẹp trời giống như cái hôm ông Bouvet nằm xuống trên hè phố giữa những tấm ảnh vùng Epinal.

Bà Marsh muốn tổ chức tang lễ theo ý muốn của mình, nhưng người luật sư khuyên bà nên tránh mặt. Bà ta không phải là người đến trước tiên. Chắc chắn là do lơ đãng, bà đã để quá nhiều thời gian vào việc trang điểm, và, khi bà ra khỏi xe taxi thì bà Lair đã có mặt ở đấy trước rồi. Cũng tới lúc ấy thì vợ chồng nhà Gervais mới đến.

Không một bà nào chào các bà khác. Người mẹ và người con gái tỏ ra không quen biết nhau và chàng rể khẽ cúi đầu trước mặt bà mẹ vợ nhưng bà này lờ đi, không đáp lễ lại.

Người ta không thể nào nhìn thấy ông Bouvet vì trên nắp áo quan chất rất nhiều bó hoa và vòng hoa.

Một lần nữa bà Jeanne lại cho giày của ông Ferdinand vào tủ và khoá lại,

chỉ để cho ông đi tất không khiến ông phải thề rằng ông sẽ không ra khỏi khu nhà, vì đã có lần ông đi chân không tới quán rượu.

Bà Jeanne rất bận rộn. Từ chiều đến tối hôm qua bà đã đi mua một chiếc mũ mới. Vấn đề xe cộ làm bà bận tâm vì lúc này có nhiều người mà bà không biết là những ai kéo đến. Có những người ở tận Roubaix và xa hơn nữa. Ông Costerman và người luật sư của ông, các nhà báo, những nhà nhiếp ảnh và những người hiếu kỳ khác.

— Anh có tin chắc là có đủ ô tô không? - Bà căn vặn người của Công ty dịch vụ lễ tang.

Đúng mười giờ người ta nghe thấy những tiếng ầm ầm trên cầu thang và người ta thấy những người phu đòn mang chiếc áo quan xuống. Lần này ông Bouvet rời khu nhà một cách đàng hoàng và một tiếng nấc bật lên trong cổ họng của bà Jeanne trong khi bà già có bộ mặt tròn và xanh xao khóc một cách lặng lẽ.

Bà Marsh muốn mình là người đi chiếc xe dẫn đầu nhưng người của ban tổ chức không thể nào đưa thêm vợ chồng người con gái của bà vào xe này được vì ông Costerman và người luật sư của mình đã chiếm chỗ trước rồi.

— Bà có đi ra nghĩa trang không, thưa bà?

Bà Lair ngập ngừng nhìn cô con gái và chàng rể đi theo bà. Vì nhầm lẫn người ta cho vợ chồng nhà Gervais là người nhà của bà nhưng bà không cãi lại. Để làm gì kia chứ? Chúng là anh em con cô con cậu của nhau cả, tại sao lại phân biệt?

Các bà chỉ là một số trong cuộc đời của ông Bouvet. Còn các bà da đen ở Oucle và chắc chắn họ cũng có con cái nữa.

Ông Bouvet đã bỏ mặc họ, lần lượt từ người này đến người khác. Ông đã ra đi. Cả cuộc đời ông là những chuyến ra đi và bây giờ là chuyến ra đi cuối cùng của ông, người ta không thể ngăn cản ông được nữa.

Khi chiếc xe cuối cùng sửa soạn chuyển bánh thì trên vỉa hè còn lại ba người, ba người, ba người không muốn lộ mặt.

Bà gác cổng mời bà già to béo, bà Blanche, lên đầu tiên, sau đó đến lượt bà, cuối cùng bà nói với ông già lang thang đang định ở lại:

— Mời ông lên xe.

Có thể là ông ta đợi sự mời mọc này vì ông đã cạo mặt, mặc bộ quần áo sạch sẽ vào người và quấn một băng vải màu đen vào cổ thay cho cà vạt.

Gia đình nhà Sardot đã ngồi trên chiếc xe trước xe của bà gác cổng. Trên chiếc xe này, cả ba đều ngần ngại, không dám tựa lưng vào những chiếc gối trên ghế ngồi. Bà Blanche không khóc nữa.

— Ông ấy ở gần tôi mà tôi không biết - Bà ta than thở - Có thể là tôi đã gặp ông ấy trên phố. Đúng là ông ấy không nhận ra tôi, cũng có thể là ông ấy không muốn gặp lại tôi nữa.

Bà Jeanne nhìn ông già lang thang với vẻ thông cảm. Vì họ đi sau chót, họ là những người mà ông Bouvet đã tin chắc là sẽ đi đưa tang mình.

Ông không chạy trốn họ. Ông đã đến với họ. Ông đã lựa chọn họ.

Mắt ông già lang thang cũng sáng lên giống mắt bà gác cổng; ông ta biết ông Bouvet sẽ ra đi một lần nữa, ông ấy sẽ gặp mình trên bến cảng hoặc ở Quảng trường Maubert.

Ông là mắt xích cuối cùng. Những người ngồi trên những chiếc xe đi đầu chỉ là những người đại diện cho từng thời kỳ, gần như đã bị quên lãng, cái quan trọng đối với họ lúc này là các giấy tờ.

Bà Blanche có cảm thấy như vậy không? Bà có hiểu rằng bà có một vị trí đáng lẽ không phải như thế này không, đây có phải là chiếc xe của quá khứ xa xôi đã qua rồi không?

Nước mắt bà lại trào ra trong lúc xe xóc lên vì những ổ gà làm mái đầu bạc trắng của bà lắc lư và ông già lang thang liếc nhìn bà một cách đáng mến.

— Tôi biết ông ấy rất rõ! Tôi tin chắc là ông ấy đang ngồi trên chiếc xe này với chúng ta.

Bà Jeanne ngáp ngừng lấy chiếc khăn mặt trong túi xách tay ra để thấm nước mắt tuy mắt bà vẫn ráo hoảnh và nói một cách bối rối:

— Tôi cũng tin chắc như vậy.

Một chiếc xe màu đỏ vượt qua họ và xếp hàng vào đoàn xe và đi đến nghĩa trang. Tại đây, khi tiến hành lễ siêu độ thì chiếc xe cuối cùng đứng tách ra như nó không phải là xe đi đưa đám tang này.

HẾT

• CHÚ THÍCH •

[1] Ở gần rừng núi Vosges miền đông bắc nước Pháp.

[2] Cơ quan tình báo.